NGÀY 1 THÁNG 11 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

VŨ - BẢO **BẦU TỔNG THỐNG HOA - KỲ** • DOHAMIDE *tập tục của người Hồi - giáo* • PHẠM - TRỌNG - NHÂN *từ Cửu - Long - Giang tới các thương cảng : Saigon — Phnom-Penh — Sihanoukville* • NGUYỄN - HIẾN - LÊ *kỹ thuật và sự tiến bộ của nhân loại* • BÙI - HỮU - SỦNG **THỬ TÌM MỘT PHƯƠNG PHÁP SOẠN THẢO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC** • MỘNG - TRUNG *kịch Việt tại Hambourg* • TÚY - HỒNG *vết thương dậy thì* • HOÀNG - ĐÔNG - PHƯƠNG *vòng tay học trò* • THU - THỦY *đọc « Người đàn bà bên kia vĩ tuyến » của Doãn-Quốc - Sĩ* • **SINH - HOẠT** NGUIỄN - NGU - Í *(thuật) đời sống sinh viên đại học Mĩ — vài vấn đề y học tại Việt - Nam* •

188

Thanh thoát

Fine

Dịu dàng

Racée

Tonique

NƯỚC HOA "NGÔI SAO"

EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"

DESORMAIS FABRIQUEE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^TE F^ON DES DISTILLERIES DE L'I.C. DIC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat, en vérifiant que la capsule inviolable que comportent les bouteilles d'origine sous leur bouchon à vis est bien en place

NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi mua quý ngài nên để đặt kiểm soát lại nắp chì ngừa gian bọc ở miệng chai chánh gốc nằm phía trong nắp vặn đinh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỐ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 20.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK

☆

CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH PHỐ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỐ VÀ KHO THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TỦ BẢO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỦ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300$ TRỞ LÊN.

BANK OF CHINA

Siége Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4 th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES

LES GRANDES VILLES DU MONDE

SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bến Chương Dương

Téléphone : 21.632-21.633

AGENCE DE CHOLON :

218, đại lộ Đồng-Khánh

Téléphone : 36.266

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M

Số thương mãi Saigon số : 157B

Q.G.D.B. : 55.826.21.001

C.C.P. SAIGON No 27.04

☞

TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tin : Fransibank

Chi-nhánh : Hành lang Eden; Saigon

Điện thoại : 23.207

☞

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

☞

ĐẠI - DIỆN CÁC NGÂN - HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5,300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM

SAIGON —

AGENCE : 32, Dai Lô Hàm-Nghi — Tél : 20.065, 20.066, 20.067,

BUREAUX : 178 - 180 - 182, Duong Lê-Thanh-Tôn (Marché central) — Tél. : 22.142

415 - 417 Duong Hai Bà Trung (Tân-Dinh) — Tél. : 25.172.

CHOLON : **AGENCE** : 386, Dai - lô Dông - Khanh (Cholon) — Tél. : 36.105.

KHANH-HUNG : **AGENCE** : 23, Duong Hoang-Diêu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH KHOA

Bán nguyệt-san

Bàn về Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

B. T. 25,539 — H. T. 339

SAIGON

-:-

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thể thức trả tiền _____

_____ ngày ____ tháng ____ lối 2

Ký tên

Giá báo dài hạn :

Một năm	200 $
6 tháng	100 $

— Mua dài hạn Bách-Khoa

— Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.

— Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó

trả trước 200 $, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 $ (22 số thường 220 $ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 = $ 260 $)

— Mua dài hạn Bách-Khoa để gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

---

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gởi bưu phiếu.

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,

DENIS FRERES agrée I.A.T.A.

à votre service

REPRESENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 188 ngày 1-11-64

VŨ-BẢO *bầu Tổng thống Hoa-Kỳ* 3

BÙI-HỮU-SỦNG *thử tìm một phương pháp soạn thảo chương trình giáo dục* 17

DOHAMIDE *tập tục của người Hồi-Giáo* 25

PHẠM-TRỌNG-NHÂN *từ Cửu-Long-Giang tới các thương cảng Saigon — Phnom-Penh — Sihanoukville* 35

NGUYỄN-HIẾN-LÊ *kỹ thuật và sự tiến bộ của nhân loại* 45

MỘNG-TRUNG *kịch Việt tại Hambourg* 51

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG *vòng tay học trò (truyện dài)* 59

TÚY-HỒNG *vết thương dậy thì (truyện hai kỳ)* 69

THU-THỦY *đọc «Người đàn bà bên kia vĩ tuyến» của Doãn-Quốc-Sỹ* 80

SINH - HOẠT

NGUIỄN-NGU-Í *đời sống sinh viên đại học Mĩ — cảm nghĩ về vài vấn đề y học tại Việt-Nam* 87

CÙNG CÁC BẠN GỬI BÀI

Năm nay, **Bách - Khoa số kỷ niệm 8 năm** cũng là số **Tết năm Ất-Tỵ.**

Vậy những bài về số Tết xin các bạn gửi về trước ngày 15-12-64.

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Vụ hạ bệ Kroutchev và những người lãnh đạo mới ở Nga-Sô	VŨ-BẢO
Jean Dupuis hay Bắc-kỳ túng rối	NGUYỄN-PHƯƠNG
Ba nền văn-minh	NGUYỄN-HIẾN-LÊ
Nguyện vọng thanh niên Á-Châu (ban điều tra Unesco)	BÙI-HỮU-SỦNG
Chính sách thi hành ở miền Bắc từ 1961 đến tháng 7/1964 (Họ Hồ 10 năm ở miền Bắc IV)	NHƯ-PHONG
Nhạc Jazz	TRẦN-VĂN-KHÊ
Vấn đề phát triển ngành ngư nghiệp tại Việt-Nam	LÊ-DŨNG-DÂN
Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh-thám Anh	NGUYỄN-TRẦN-HUÂN
Những xu hướng mới trong âm nhạc	TÔN-THẤT-TIẾT
Với Á-nam Trần-Tuấn-Khải	NGUIỄN-NGU-Í
Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénitsyne)	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
Gió trên đồi (truyện ngắn)	TRÙNG-DƯƠNG
Trường hợp của Mánh (truyện ngắn)	NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ
Cái nhìn người Mẹ	VÕ-HỒNG

NGÀY MỒNG 3 THÁNG 11 TỚI ĐÂY

110 TRIỆU CỬ TRI MỸ BỎ PHIẾU

Vũ-Bảo

THƯ VIỆN
KHẢO CỔ
CVv - 4

BẦU TỔNG THỐNG HOA - KỲ

TỔNG Thống Hoa-Kỳ khi làm lễ nhậm chức trước Quốc Hội, để tay trái lên cuốn Thánh kinh, dơ tay phải lên thề :

« Tôi long trọng tuyên thệ tôi sẽ tận tâm trong chức vụ Tổng Thống Hoa-Kỳ và tôi sẽ đem hết năng lực để duy trì và bảo vệ Hiến pháp ».

Nhưng có một điều đáng chú ý là việc bầu cử Tổng Thống Hoa-Kỳ lại có những điểm vượt xa nếu không nói là trái ngược với tinh thần Hiến pháp 1787.

Hiến pháp chủ trương trao cho một số đại diện quốc dân ưu tú cái trách nhiệm chọn vị Nguyên thủ trong một không khí trầm mặc nghiêm trang nhưng trong thực tế cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa-Kỳ đã trở nên một cuộc phổ thông đầu phiếu ồn ào và nhiều mầu sắc. Hiến pháp quy định một cách chọn lựa gián tiếp hai vòng phiếu dân chọn đại biểu rồi đại biểu bầu Tổng Thống, nhưng trong thực tế cuộc bầu cử đã trở thành một cuộc trưng cầu dân ý không lồ chung quanh hai tên người với tất cả những nết hay tính xấu mà một con người có thể có được.

Và cứ bốn năm một lần, cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa-Kỳ diễn ra đều đặn với hai giai đoạn : giai đoạn thứ nhất là chọn lựa ứng cử viên Tổng Thống, giai đoạn thứ hai là tranh cử và bỏ phiếu bầu Tổng Thống. Giai đoạn nào cũng lâu hàng

vài tháng một nhưng không vì thế mà cuộc bầu cử kém cái không khí sôi nổi mê say đối với một dân tộc mà động từ hay dùng nhất là enjoy (vui thích) và danh từ đầu lưỡi là fun (thú vị).

GIAI ĐOẠN I
Chọn lựa ứng cử viên Tổng Thống Hoa-Kỳ

Việc chọn lựa đi từ tiểu-bang rồi lên tới liên-bang. Vấn đề đặt ra cho đảng Cộng-Hòa hay cho đảng Dân-chủ là làm sao chọn được một ứng cử viên có thể thu hút được nhiều phiếu nhất và loại ra những ứng cử viên nào mà sự ủng hộ của dân chúng có phần mỏng manh.

Đối với đảng Dân-chủ, năm nay vấn đề chọn lựa ứng cử viên khá giản dị vì tại Hoa-Kỳ có một tục lệ là nếu đương-kim Tổng Thống muốn ra tranh cử một lần nữa thì bao giờ cũng được chọn là ứng cử viên của Đảng. Và Tổng Thống Johnson khi tỏ ý muốn được tái cử đã đương nhiên là ứng cử viên của Đảng Dân-chủ.

Đảng Cộng-Hòa trái lại bận rộn hơn. Có tới 6 ứng cử viên đã được nhắc tên tới. Đó là bà Margaret Chase Smith, thượng nghị sĩ của tiểu bang Maine, ông Richard Nixon ứng cử viên thất trận năm 1960 khi tranh cử với Tổng Thống Kennedy, ông Nelson Rockefeller Thống Đốc Nữu-Ước, ông Barry Goldwater thượng nghị sĩ của tiểu bang Arizona, ông William Scranton thống đốc tiểu bang Pennsylvania và ông Henri Cabot Lodge đại sứ ở Việt-Nam.

Chọn ai ra để đại diện đảng Cộng Hòa ? Đó là một việc đã kéo dài suốt từ tháng 3 cho tới tháng 7 năm nay qua các hội-nghị sơ bộ tại các tiểu bang hay qua Đại Hội Nghị đảng Cộng Hòa trong toàn quốc.

Tại các tiểu-bang

Có nơi thì tổ chức Hội nghị sơ bộ, có nơi lại tổ chức hẳn bầu cử sơ bộ (direct primary).

Lẽ tất nhiên bầu cử thì dân chủ hơn, việc chọn lựa không do mấy chính khách quen thuộc mà là do toàn thể đảng viên làm. Nhưng để cho tiện gọi, chúng ta dùng danh từ « Hội nghị sơ bộ » để chỉ chung cả hai hình thức trên đây.

Thực ra Hội nghị sơ bộ không trực tiếp chọn lựa ứng cử viên Tổng Thống mà chỉ chọn những đại diện của Đảng để đi dự Đại Hội Nghị toàn quốc. Nhưng khi đảng viên bầu ai làm đại diện thì nói ngay ý muốn của mình muốn chọn Rockefeller hay Nixon hay người nào khác làm ứng cử viên Tổng Thống. Và khi người đại diện tới họp Đại Hội Nghị toàn quốc thì phải chọn ứng cử viên mà mình đã nhận ủy thác để ủng hộ. Giữa đảng viên và người đại diện như

có một giao-ước vậy, và chọn lựa người đại diện là đã chọn ứng cử viên Tổng Thống. Lẽ tất nhiên những đảng viên tới họp Hội nghị sơ bộ phải biết rõ phản ứng của quần chúng. Do đó mà đảng nào cũng phải nhờ những tổ chức chuyên môn mở những cuộc thăm dò dư luận không những để biết « giá trị thị trường » của từng ứng cử viên, mà còn để chọn lựa phương thức cổ động, tìm ra những nơi xung yếu, thay đổi chiến thuật tranh cử v. v... Khỏi nói, người ta cũng biết rằng mặc dầu họ làm việc rất khoa học, những cơ quan thăm dò dư luận cũng nhiều khi cho những kết quả... tréo cẳng ngỗng.

Qua mỗi hội nghị sơ bộ thì trên bảng danh dự lại có nhiều thay bậc đổi ngôi. Các ứng cử viên nhoi lên, tụt xuống như những con ngựa ở một trường đua.

Ở Massachussetts thì Lodge được 80 phần trăm phiếu trong khi Goldwater được có 11 phần trăm nhưng sang đến California thì Goldwater dẫn đầu và Rockefeller đang hi vọng bỗng thấy ngôi sao của mình mờ nhạt.

Dân chúng phấp phỏng theo dõi cuộc đua lúc phân khởi, lúc thẫn thờ chẳng khác gì như đang ngồi ở khán đài coi một cuộc tranh tài trên sân cỏ.

Tại đại hội nghị toàn quốc

Đây là giai đoạn gay cấn nhất. Các đại diện toàn quốc sẽ họp chọn một ứng cử viên duy nhất để ra tranh chức Tổng thống.

Thành phần Đại hội nghị tùy theo sự quy định của mỗi đảng. Về đảng Dân-chủ thì mỗi tiểu bang cử một số đại diện đông gấp đôi số nghị sĩ của tiểu bang đó ở Quốc-hội, ngoài ra tiểu bang nào trước đây, đã bầu cho đảng Dân-chủ thì được cử thêm 4 đại diện nữa.

Bên Đảng Cộng-hoà thì mỗi tiểu bang cử 4 đại diện và tiểu bang nào trước đây đã bầu cho đảng Cộng-hoà thì được cử thêm 3 đại diện.

Nói tóm lại tiểu bang nào có thiện cảm với đảng thì được ưu đãi hơn.

Về thời gian triệu tập thì đảng Dân chủ thường họp đại hội 2 tuần lễ sau đảng Cộng-hoà.

Nhưng quan trọng nhất là nơi triệu tập đại hội. Thành phố được chọn lựa không những phải đầy đủ tiện nghi, phải có những nhà hảo tâm sẵn sàng ủng hộ mà cần nhất là phải gây được một súc động tâm lý trong dân chúng. Có khi thì họp tại một nơi mà đảng được sự hỗ trợ nhiệt liệt của địa phương, có khi thì lại họp tại một tiểu bang quan trọng nhưng tâm lý còn lừng chừng. Và các chiến lược gia của Đảng phải cân nhắc chọn lựa làm sao để có thể gây được một ảnh hưởng quyết định. Năm nay đảng Cộng-Hoà đã nhóm tại San Francisco và đã chọn dinh Con Bò (Cow

Palace) làm nơi hội họp cho đảng mang biểu hiệu con voi. (1)

Còn Đảng mang biểu hiệu con Lừa (2) đã chọn Atlantic City thuộc tiểu bang New Jersey để triệu tập Đại Hội Nghị Đảng Dân Chủ.

Không khí Đại hội nghị chọn ứng cử viện Tổng-Thống hết sức đặc biệt. Có lúc người ta gào hét hàng tiếng đồng hồ không ai nghe thấy ai nói gì hết nhưng có lúc hàng ngàn đại biểu đã im lặng một cách kính cẩn trang nghiêm. Người ta làm một việc hết sức quan trọng trong một không khí chợ phiên, quyết định về một sự chọn lựa có ảnh hưởng đến tương lai của Hoa-Kỳ và của thế giới giữa những bong bóng muôn mầu, những biểu ngữ rợp trời và những quần áo, mũ nón chỉ tìm thấy ở Mỹ.

Đại Hội bắt đầu bằng bài diễn văn chủ chốt (keynote speech) trong đó ông chủ tịch Đại Hội phóng một loạt mũi tên vào Đảng đối lập, nhắc tới công nghiệp của các vị Tổng Thống thuộc đảng mình trong quá khứ, cầu xin Thượng Đế giúp cho Hoa-Kỳ được hùng cường, đặt hết tin tưởng vào ứng cử viên sắp được chọn lựa để dẫn đảng tới thắng lợi. Sau đó Đại hội chia ra làm nhiều Ủy Ban để làm việc. Nhưng đáng lưu ý nhất là lúc ấn định chương trình tranh cử của Đảng (plat form). Chương trình này có khi rõ rệt, có khi lại chẳng khác gì mấy chương trình của đảng đối lập, đến nỗi đã có người nói đùa là hai ứng cử viên có thể đánh đổi chương trình cho nhau cũng chẳng sao. Nhiều người ngoại quốc đã nhờ các bạn Hoa-Kỳ của mình giảng cho họ hiểu đảng Cộng-Hòa và đảng Dân Chủ khác nhau chỗ nào thì chính những người Hoa-Kỳ cũng lúng túng. Sau đó những người bạn Hoa Kỳ rụt rè đưa ra ý kiến sau đây : Có lẽ đảng Cộng-Hòa lưu tâm nhiều hơn tới vấn đề « sản xuất » cho nên họ chủ trương lương bổng cao, chống độc quyền v. v... còn đảng Dân Chủ thì lại chú trọng tới vấn đề «phân phối» thí dụ như chương trình chống nghèo đói của Tổng Thống Johnson gần đây.

Thực ra, cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ không có dựa trên hai chương trình rõ rệt mà càng ngày càng trở nên một sự trưng cầu dân ý chung quanh 2 tên người. Và chính Tổng Thống F. Roosevelt đã phải nói : « Một lỗi lầm chung của chúng ta là có khuynh hướng quá chú trọng tới các nhân vật và ít quan tâm tới chánh sách và lý luận ».

Chương trình tranh cử được Đại hội chấp thuận rồi thì đến việc chọn ứng cử viên. Các đại diện các tiểu bang được mời lên diễn đàn theo tự mẫu của các tiểu bang bắt đầu là Alabama vần A và kết thúc bằng Wyoming vần W. Họ đọc diễn văn ca ngợi

---

(1) Con voi là biểu hiệu của Đảng Cộng-Hoà.

(2) Con Lừa là biểu hiệu của Đảng Dân Chủ.

ứng cử viên mà dân chúng đã chọn trong khi cử họ làm đại diện. Rồi sau đó bỏ phiếu. Ai được đa số tuyệt đối thì được làm ứng cử viên của Đảng ra tranh cử Tổng Thống. Và bó buộc phải có đa số tuyệt đối, nếu bầu một lần không được thì bầu mãi cho đến khi có đa số tuyệt đối mới thôi. Kỷ lục là Đại Hội năm 1924 của đảng Dân chủ đã phải bầu tới 103 lần mới dồn được đủ phiếu đa số tuyệt đối cho ông Smith làm ứng cử viên Tổng Thống. Vất vả như vậy mà đến khi ra tranh cử thì ông Smith lại thua ông Coolidge ứng cử viên đảng Cộng Hòa.

Những công việc ở Đại hội thực ra được chuẩn bị ở hội trường nhiều hơn. Các ban tham mưu của các ứng cử viên chiếm cả mấy từng lầu những khách sạn danh tiếng rồi ngồi ấn định kế hoạch trong những căn buồng đầy khói thuốc lá và xì gà. Do đó mà các bộ tổng hành dinh mang tên là « Smoke-filled rooms ». Tại Đại Hội Cộng-Hòa ở San Francisco, nhóm Goldwater đóng tại khách sạn Mark Hopkins trong khi Rockefeller chiếm Sheraton - Palace ; Nixon, Lodge thì kéo nhau về St Francis.

Đảng Dân chủ năm nay đã có sẵn ứng cử viên Johnson rồi nên họp Đại hội chỉ là một vấn đề hình thức. Thực ra họ có thể nhóm một buổi là xong, nhưng họp Đại hội toàn quốc của Đảng mà làm việc có nửa ngày đã hết việc thì coi sao tiện. Ít ra cũng phải kéo tới 4 ngày mới trông được và tại Đại hội Dân chủ ở Atlantic City muốn lấp kín chương trình họ đã phải có vài buổi chiếu phim xi-nê.

Phải có những điều kiện gì mới được chọn làm ứng cử viên Tổng Thống.

Thực ra những điều kiện do Hiến-pháp ấn định lại không quan trọng lắm vì hầu hết công dân Hoa-Kỳ hội đủ điều kiện này.

Điều 2 của Hiến-pháp chỉ đòi hỏi ứng cử viên sinh ra là công dân Hoa-Kỳ, đã đủ 35 tuổi và đã cư ngụ 14 năm trên đất Hoa-Kỳ.

Trái lại những điều kiện về thân thế và hoạt động chính trị lại quan trọng hơn nhiều. Dưới đây là một số tiêu chuẩn không ghi ở một văn kiện nào nhưng thường được các Đại hội dựa vào đó để chọn lựa :

1) Ứng cử viên đã thất cử kỳ trước ít khi được chọn lại. Ông Nixon chẳng hạn không còn mấy hi vọng được chọn ra tranh cử. Trong dĩ vãng chỉ có 3 người đã thất cử mà còn được Đảng đưa ra. Đó là các ông Cleveland, Bryan và Dewey. Sở dĩ có những trường hợp này là vì Đảng không còn có ai hơn nữa hay vì những người đã thất cử có nhiều dấu hiệu đã « tiến bộ » hơn trước.

2) Thường thường các ứng cử viên hay được chọn trong các Thống Đốc hay các Thượng nghị-sĩ các tiểu bang quan trọng. Tổng Thống Kennedy trước kia là thượng nghị sĩ của tiểu bang Mas-

sachusetts, và ông em, Robert Kennedy hiện ra tranh cử thượng nghị sĩ tại New-York chắc không phải là không muốn kế nghiệp anh tại tòa Bạch Ốc.

3) Những quân nhân ít khi được chọn lựa. Đến năm 1952 khi ông Eisenhower được chọn ra tranh cử thì ông mới là vị quân nhân thứ 10 trong lịch sử Hoa-Kỳ ra tranh cử Tổng Thống.

4) Nhưng trái lại phải đã từng lập chiến công hay đã từng phục vụ quân đội ngoài chiến trường mới nhiều hi vọng được chọn lựa. Tổng Thống Kennedy nổi tiếng trước đây trong vụ chiếc P.T. boat (phóng lôi hạm) do ông điều khiển bị khu trục hạm Amagiri của Nhật phóng thẳng vào ngang hông và tiện ra làm hai khúc tại eo biển Blacvett. Còn ứng cử viên Goldwater hiện nay vẫn tự hào về những khả năng đặc biệt của ông trong ngành không quân mà ông đã là Thiếu Tướng có trên 8000 giờ bay.

Nhiều chính trị gia Mỹ lúc phục vụ trong quân đội đều rất sợ bị bổ nhiệm vào công việc văn phòng và tìm đủ cách để được gửi ra mặt trận. Như vậy là chỉ nhằm gom góp thành tích để sau này tranh cử.

5) Tới nay các ứng cử viên hay được chọn trong các tiểu bang miền Đông. Chỉ có một số ít ứng cử viên ở các tiểu bang thuộc về phía Tây sông Mississipi, đó là các ông Eisenhower, Fremont, Bryan, Hoover, Landon và Truman. Nhưng lần này cả hai ông Johnson và Goldwater đều ở miền Tây Nam Hoa-Kỳ.

6) Các ứng cử viên Tổng Thống Hoa-Kỳ hầu hết theo đạo Tin-Lành. Ông Kennedy là vị Tổng Thống đầu tiên theo Thiên Chúa giáo. Gần đây lắm, ký ức người Mỹ mới bắt đầu quên cái tấm bảng cũ đã có kẻ gắn trên cửa tòa Bạch Ốc với dòng chữ : « chỉ những tín đồ Tin Lành hãy nộp đơn ». Và người ta còn nhớ lời tuyên bố của ông Kennedy với tờ báo Look khi ông mới sửa soạn tranh cử : « Dù là theo tôn giáo nào trong đời tư đi nữa, đối với một người giữ chức vụ Tổng Thống không có gì vượt lên trên lời tuyên thệ duy trì và bảo vệ Hiến - pháp . . . Tôi tin rằng sự phân biệt giữa nhà thờ và quốc gia là một điều căn bản đối với quan niệm và di sản Mỹ của chúng ta và điều đó phải được giữ nguyên như vậy ».

7) Muốn được chọn lựa lại còn cần phải có sức khỏe, tài chánh rồi rào, liêm khiết và thẳng thắn, ăn nói hoạt bát và có một dáng dấp dễ coi hợp với khuôn người Mỹ trung bình.

8) Vấn đề gia đình cũng có ảnh hưởng lớn tới việc chọn lựa của Đại hội. Ông Nelson Rockefeller sau khi ly dị với bà cũ rồi cưới vợ mới đã gặp thêm một trở ngại tâm lý trong đời chính trị của mình. Và ở Hội nghị sơ bộ California, ông ta thua sát nút Goldwater (51,4 phần trăm phiếu trong khi Rockefeller 48,6 phần trăm) cũng chỉ vì

giữa lúc Hội nghị nhóm thì bà Happy (tên bà vợ thứ hai) sanh một đứa con trai. Đứa trẻ này ra đời làm cho dư luận lại nghĩ thương bà vợ trước thành ra ông Rockefeller đang tính chuyện thắng ở tiểu bang California bỗng lại thấy mình nằm vào thế bại.

Một cổ động viên cho ông Rockefeller đã phải vò đầu bứt tai kêu lên: «Khổ cho bọn tôi. Đã tưởng ăn chắc, thế là công cốc rồi ! Tại sao thằng nhỏ nó không chờ được 3 bữa nữa rồi nó hãy ra đời ».

Tìm bạn đồng đội : ứng cử viên phó Tổng thống.

Khi được Đại-hội đảng chọn lựa để ra tranh cử Tổng thống, ứng cử viên lên diễn đàn đọc một bản diễn văn chấp thuận (acceptance speech) rồi sau đó giới thiệu với Đại-hội người sẽ đứng cùng danh sách với mình để tranh cử chức phó Tổng thống.

Ứng cử viên phó Tổng thống được chọn trong những người có thể làm tăng thêm cơ hội thắng phiếu cho ứng cử viên Tổng thống của đảng. Có khi thì là một người trước đây đã ứng cử Tổng thống mà thất bại. Có khi thì là một người gây thêm được thế quân bình cho ứng cử viên Tổng thống : Quân bình về địa dư như ông chánh ở một tiểu bang miền Bắc thì ông phó sẽ chọn ở một tiểu bang miền Nam. Quân bình về chánh trị như ông chánh có vẻ bảo thủ thì ông phó sẽ chọn trong số các nhân vật cấp tiến.

Năm nay ông Goldwater đã chọn đứng với ông William Miller, và ông Johnson đã chọn ông Hubert Humphrey.

GIAI ĐOẠN II
Tranh cử và bỏ phiếu

Trong giai đoạn I người ta đã thấy dân chúng Hoa-Kỳ chỉ chọn có các đại biểu đi dự Đại-hội toàn quốc của đảng mà thực ra đã chọn ứng cử viên Tổng Thống của đảng.

Trong giai đoạn II người ta sẽ thấy dân chúng Hoa-Kỳ chỉ có đi bỏ phiếu bầu cử tri đoàn mà thực ra đã bỏ phiếu bầu Tổng Thống.

Khi cả hai đảng đã chọn được ứng cử viên thì không khí có vẻ lắng xuống ít bữa nhưng đó chỉ là bề mặt. Ở bên trong các bộ tổng tham mưu hoạt động không bỏ qua một chi tiết nhỏ.

Cuộc vận động tuyển cử

Đây là cả một công trình chinh phục dân chúng chung quanh tên một người. Cuộc vận động kéo dài chừng một, hai tháng nhưng nó đòi hỏi hàng năm nghiên cứu và chuẩn bị.

Trước hết phải chuẩn bị *bộ máy vận động*. Đây là một bộ máy khổng lồ ngoài cơ quan đầu não trung ương phải bao trùm được cả 50 tiểu bang và đi tới cấp quận. Mỗi đảng phải lo tổ chức một bộ « tổng tham mưu » cùng các «ban tham mưu các vùng, khu chiến thuật » chẳng khác gì như trong quân đội.

Ngoài ra lại phải nhờ đến các tổ chức phụ tình nguyện thí dụ như Roosevelt năm 1936 thì huy động tổ chức Good Neighbour League, Eisenhower năm 1952 thì có nhóm Citizens for Eisenhower.

Năm nay Tổng Thống Johnson cũng có những nhóm tương tự thí dụ nhóm « Thanh niên ủng hộ Johnson » do con gái của Henry Ford tổ chức.

Bộ máy tranh cử đặt xong rồi, dù có tinh vi đến đâu cũng sẽ chịu bó tay nếu không có đủ *tài chánh* để vận động — Về phương diện này mỗi ngày cuộc vận động tranh cử Tổng Thống Hoa-Kỳ một tốn kém hơn lên. Năm 1952 thì 100 triệu Mỹ-kim còn tạm đủ, đến năm 1960 ít nhất cũng phải có 175 triệu Mỹ kim, và người ta ước lượng cuộc vận động hiện nay phải chi tiêu tới 250 triệu Mỹ kim (20 tỷ bạc Việt Nam).

Phải trả tiền cho các ban chuyên môn, ban thư ký, tiền điện tín, điện thoại. Ứng cử viên Tổng Thống và Phó Tổng Thống mỗi người đều mướn riêng một phi cơ phản lực với đầy đủ tiện nghi, liên lạc bằng vô tuyến với tất cả các ban tham mưu. Gửi cho mỗi cử tri một tấm bưu thiếp cũng mất một triệu Mỹ-kim, hiện lên màn vô tuyến truyền hình chừng một giờ mất 500.000 Mỹ-kim. Ông Rockefeller sau khi thua ông Goldwater ở hội nghị sơ bộ California đã vứt đi 100.000 chiếc nút áo lớn có in hình của ông ta, và đã tiêu khoảng 5 triệu Mỹ-kim vào những món không tên không tuổi. Nếu chúng ta hỏi một người bạn Mỹ rằng tranh cử tốn kém như vậy thì một công dân giỏi mà nghèo làm sao mà ra ứng cử được, anh bạn sẽ trả lời qua một nụ cười : « Nếu công dân đó giỏi thì anh ta đã giàu rồi. Vả lại đã có Đảng lo.»

Luật lệ Liên Bang Hoa Kỳ cũng đã cố gắng hạn chế các kinh phí tranh cử, thí dụ như đã cấm dùng quỹ các nghiệp đoàn vào việc vận động, cấm không cho ai được tặng quá 5000 Mỹ kim cho một đảng, cấm không cho ủy ban chấp hành Đảng tiêu quá 3 triệu Mỹ kim. Nhưng tất cả các luật lệ đó đều bị các ban vận động kiếm cách qua mặt.

Phần chính trong việc vận động vẫn là *kế hoạch vận động*.

Khó lòng còn có những ứng cử viên may mắn như cố Tổng thống Kennedy mà toàn thể gia đình từ ông cụ, bà cụ thân sinh các em giai, em gái, em râu, em rể đều là những chiến thuật gia về vận động tranh cử. Thường thường là các ứng cử viên phải nhờ đến những tay chuyên môn.

Kế hoạch vận động trước hết phải nhắm tạo ra trước mắt dân chúng một hình ảnh khả ái về ứng viên, xóa mờ các chỗ dở, làm nổi bật các điểm hay, vẽ nên một thứ thần tượng vẫn gần gũi dân chúng mà vẫn tượng trưng được các đòi hỏi của dân chúng. Tổng thống Coolidge chẳng hạn nổi tiếng là một người lạnh lùng. Khi ông ra tái cử, ban vận động đã phải mời cả đoàn vũ nữ Dolly Sisters đến Bạch Cung trình diễn để tỏ ra rằng Tổng Thống cũng chịu chơi như ai đây.

Gia-đình, vợ và con ứng cử viên nhiều khi cũng là một khí giới tranh cử. Ai nấy còn nhớ bà mẹ cố Tổng thống Kennedy tổ chức những buổi tiệc trà thành công như thế nào.

Bà Johnson gần đây trước khi chồng tranh cử đã nghĩ chinh phục cử tri giúp chồng, như khi bà tới trường Đại học Radchiffe diễn thuyết và nói những câu dư âm rất êm ái cho tai các phụ nữ Hoa-Kỳ thí dụ : « Chị em chúng ta không bao giờ sợ trí thông minh tháo vát có thể làm hại cho những nét kiều diễm của mình ».

Chính Tổng Thống Johnson cũng đem cô Lynda cô con gái lớn 20 tuổi tới gặp các sinh viên đại học đường Tennessee và giới thiệu như sau : « Tôi đã huấn luyện em Lynda gần 19 năm nay. Tôi chắc nó đã biết qua loa cách nói chuyện với các anh sinh viên. Nếu nó chưa biết thì đây là một dịp để nó học cho biết ».

Cuộc vận động bầu cử không những nhằm giới thiệu con người của ứng cử viên mà còn phải giới thiệu những ý-kiến của ứng cử viên nữa. Dĩ nhiên là phải chọn những ý kiến nào có nhiều âm hưởng nhất với quần chúng trong năm tranh cử.

Năm 1932 Roosevelt thắng là vì giữa những năm kinh tế khủng hoảng, Roosevelt đã ném ra một chương trình chấm dứt những nỗi khó khăn kinh tế. Năm 1952 Eisenhower đã được cảm tình dân chúng vì hãy còn sáng lạn hào quang chiến thắng trong cuộc thế chiến thứ hai, Eisenhower đã hứa với dân Hoa-Kỳ là sẽ chấm dứt trận giặc ở Cao-Ly.

Năm nay cuộc vận động sẽ xoay quanh các vấn đề đạo luật dân quyền (tức là vấn đề người da đen) việc kiểm soát võ khí nguyên tử vấn đề Việt-Nam, Cuba, sự sút kém ảnh hưởng của Hoa-Kỳ đối với một số đồng minh.

Nhưng không phải người ta chỉ toàn đưa ra những vấn đề trọng đại mà thôi đâu. Một số chuyện « bần thiu » chắc chắn cũng sẽ được khai thác thí dụ như vụ Baker, tên một người thư ký đã có lúc được ông Johnson tin cậy và về sau này có những hành động mờ ám. Cả những việc nhỏ nhặt cũng sẽ được thổi phồng như chuyện Tổng Thống Johnson kéo tai hai con chó Him và Her ở vườn tòa Bạch Ốc, chứng tỏ một con người « thiếu cả lòng thương tối thiểu » đối với súc vật.

JOHNSON — HUMPHREY

Gần đây thượng nghị sĩ Karl Mundt đã phải lên tiếng cảnh cáo những lối vận động mà ông cho là thấp kém : « Chúng ta đang thấy gì đây ? Cả một sự điên rồ trên đầu chúng ta. Nào là ngu dốt, lường đảo, xúi dục chiến tranh, mị dân, bịp bợm, ăn cắp phiếu, đó là những danh từ mà chúng ta đang nghe thấy tung ra do những vị ứng cử vào trách vụ Tổng Thống của một cường quốc bực nhất trên hoàn cầu ! Nhưng hãy còn kịp để mà chấn chỉnh lại cho còn giữ được một chút lịch sự và đàng hoàng »

Kế hoạch vận động ấn định trong chi tiết rồi, lại còn phải luôn luôn thay đổi chiến thuật tùy từng vùng, tùy từng đối tượng, khi thì dựa vào nghiệp đoàn, khi thì dựa vào nông hội, lúc dừng xe lửa diễn thuyết (Whistle - stop) lúc trèo lên mui xe hơi nói chuyện, chỗ chưa nắm được thì phải lo chinh phục, chỗ nắm được rồi phải giữ cho chắc. Lại phải biết phân phối khéo léo những cố gắng vận động trong thời gian, cho «giá thị trường» của ứng viên lên dần, lên dần và đến ngày bầu cử là lên tới tột độ. Do đó bên nào cũng phải dành lại một số «khí giới bí mật » còn hai, ba ngày cuối mới tung ra để chiếm lấy số phiếu của những người lừng chừng, tức là những sổ phiếu không ai ước lượng trước được mà đôi khi có ảnh hưởng quyết định. Đó là phiếu của bà kia thích bỏ cho ứng viên này vì « trông ông ta được quá » (bà vừa nói vừa đề tay lên ngực). Đó là phiếu của một anh chàng bán báo ghét không thèm bỏ cho một ứng viên chỉ vì « mắt hắn có một vòng thâm quầng ».

Qua những nhận xét trên người ta thấy cuộc vận động tuyển cử đã từ lâu không còn ở thời kỳ thủ công nghiệp nữa mà trái lại càng ngày càng đi tới chỗ một tổ chức khoa học tinh vi trong đó trí thông minh, óc sáng kiến, đều được tận dụng cùng với các phương tiện kỹ thuật tối tân nhất.

Cuộc vận động lại càng gay go hơn nữa ở điểm năm nay cùng với việc bầu Tổng thống, Hoa-Kỳ sẽ bầu lại 35 thượng nghị sĩ, 435 dân biểu và 26 Thống-đốc tiểu bang.

Bỏ phiếu bầu

Việc bỏ phiếu cũng tổ chức làm 2 vòng : vòng đầu là dân chúng bầu cử-tri - đoàn, vòng nhì là cử tri đoàn bầu Tổng thống nhưng thực ra ngay vòng đầu, người ta đã biết ngay ai được bầu làm Tổng thống và vòng nhì chỉ còn là một thủ tục cho khỏi trái Hiến pháp.

GOLDWATER -- MILLER

Vòng đầu : Bầu cử tri đoàn

Luật bầu cử định rằng cuộc bỏ phiếu bầu cử-tri-đoàn sẽ tổ chức vào « ngày thứ ba tiếp sau ngày thứ hai đầu tiên của tháng 11» như vậy về năm 1964, dân chúng Hoa-Kỳ sẽ đi bỏ phiếu vào ngày thứ ba mồng 3 tháng 11, để chọn một cử tri đoàn bầu Tổng thống. Tổng số người được bầu vào cử tri đoàn bằng tổng số dân biểu, (439) và Thượng-nghị-sĩ (100) như vậy cử tri đoàn gồm 539 người.

Một tiểu bang như Alaska có một dân biểu và 2 thượng nghị sĩ sẽ bầu một cử tri đoàn 3 người Tiểu bang Nữu-ước, 43 dân biểu, 2 thượng-nghị-sĩ sẽ bầu 45 người vào cử tri đoàn. Coi vậy người ta thấy ngay vai trò quan trọng của các tiểu bang then chốt như Nữu-Ước hay California.

Mỗi đảng đưa ra một liên danh và in tên tất cả những người trong liên danh trên một lá phiếu, trên đầu phiếu có in chữ lớn tên các ứng cử viên Tổng thống và phó Tổng thống JOHNSON-HUMPHREY — nếu là phe dân chủ GOLDWATER — MILLER nếu là phe Cộng-Hòa.

Người đi bầu chỉ liếc nhìn đầu phiếu xem có phải phiếu của người mình định bầu làm Tổng thống không rồi bỏ phiếu và mặc dầu theo Hiến pháp, họ đi bầu cử tri đoàn nhưng trong thực tế họ không cần biết liên danh cử tri đoàn có những tên ai. Họ chọn phiếu của cặp Johnson-Humphrey, thì tất cả liên danh cử tri đoàn trên tấm phiếu đó sẽ bầu cho ứng cử viên của họ. Cử tri đoàn như vậy đã nhận ủy thác của dân chúng và dân chúng chỉ biết có cặp họ đã chọn lựa mà thôi. Ảnh hưởng cá nhân của

ứng cử viên Tổng thống có tính cách quyết định nên tại các tiểu bang các đảng thường nghĩ cách cho các ứng cử viên khác của đảng mình vào các chức vụ dân biểu, thượng-nghị-sĩ, thống đốc, được hưởng chung sự ủng hộ của quần chúng bằng cách tổ chức bỏ phiếu với các lá phiếu khổ lớn (long ballot) trên đó tất cả các nhân vật được đưa ra cùng đứng chung vào phiếu bầu Tổng thống.

Vào khoảng nửa đêm ngày mồng 3 tháng 11 sắp tới, chúng ta sẽ biết ai sẽ được dân chúng Hoa-Kỳ chọn vào trách vụ tối cao và cái « đầu tầu » ấy sẽ kéo theo được bao nhiêu « toa » giữ các chúc vụ Thống-đốc, dân biểu hay thượng nghị sĩ Đảng nào chiếm được quá bán số 539 người trong cử tri đoàn (tức là 270 người) thì ứng cử viên đảng đó sẽ thắng. Và ứng cử viên đối lập theo tục lệ sẽ đánh điện mừng người đắc thắng rồi sau đó đóng cửa lại, trầm ngâm mình lại hỏi mình, phân tách xem bởi những lý do nào mà đã nếm mùi thất bại.

Vòng nhì : cử tri đoàn bỏ phiếu bầu Tổng thống

Vòng này không còn hào hứng gì nữa vì đảng nào chiếm nhiều chỗ trong cử tri đoàn thì đương nhiên thắng rồi. Nên vòng nhì chỉ là bỏ phiếu cho lấy lệ.

« Ngày thứ hai đầu tiên theo sát ngay sau ngày thứ tư (mercredi) thứ nhì của tháng chạp, » cử tri đoàn sẽ nhóm tại thủ đô các tiểu bang để bỏ phiếu bầu Tổng thống. Năm nay sẽ nhóm vào ngày 14 tháng chạp. Các phiếu của họ sẽ gắn kín để gửi lên ông Chủ Tịch Thượng nghị viện (không biết gắn kín để làm gì vì ai bầu cho ai người ta đều biết cả.)

Ngày mồng 6 tháng Giêng năm 1965, Quốc Hội họp một phiên long trọng, Chủ Tịch Thượng nghị viện khui các phong bì gắn kín và tuyên bố kết quả chính thức mặc dầu Hoa-Kỳ và toàn thể thế giới đã biết kết quả này từ nửa đêm ngày mồng 3 tháng 11 năm trước.

Và ngày 20 tháng Giêng năm 1965. Tổng thống thứ 37 của Hoa-Kỳ sẽ làm lễ tựu chức trước điện Capitole. Ngồi ở Tòa Bạch Cung, ông sẽ hướng dẫn vận mạng của đệ nhứt cường quốc trên thế giới tới đầu năm 1969 và nếu ông được tái cử cho tới đầu năm 1973. —

Những khuyết điểm trong thể thức bầu cử Tổng thống Hoa-Kỳ

Người ta thường đưa ra mấy ý kiến chính sau đây :

1) Trong tinh, thần cuộc bầu cử Tổng thống Hoa-Kỳ là một sự chọn lựa trực tiếp của dân chúng, như vậy còn giữ hình thức gián tiếp với hai vòng bỏ phiếu làm chi ? Và lại bầu hai vòng có thể xảy ra trường hợp bất công là vị Tổng thống được đa số cử tri đoàn

nhưng có khi lại thua về số phiếu của dân chúng. Trường hợp này có thể xảy ra nếu Tổng thống được bầu chỉ được một đa số nhỏ về phiếu của dân chúng trong những tiểu bang rất đông dân cư. Trong thực tế tại đã có 7 vị Tổng thống được bầu vì thắng phiếu cử tri đoàn nhưng lại thua phiếu dân chúng. Hai ông Cleveland và Woodrow Wilson thì đã lại thắng 2 lần một cách « trái cựa » như vậy.

Cho nên có người đã đề nghị để dân chúng bầu trực tiếp luôn vị Tổng thống Hoa-Kỳ, nhưng đề nghị này vấp phải sự phản đối của các tiểu bang ít dân số, rất lo ngại bị các tiểu bang lớn lấy số đông đè bẹp.

2) Có người thì chỉ trích việc các đảng ràng buộc việc bầu Tổng thống vào với việc bầu Thượng nghị sĩ, dân biểu, Thống đốc qua thể thức « lá phiếu khổ lớn, » cho rằng đã làm hạn chế quyền chọn lựa của dân chúng.

Nhưng thực ra công dân Hoa-Kỳ vẫn biết phân biệt hai việc, và trường hợp họ chọn Tổng thống trong một đảng, các chức vụ khác trong một đảng đối lập, không phải là trường hợp hiếm có. Thí dụ rõ rệt nhất là cuộc bầu cử 1952. Ông Eisenhower đắc cử Tổng thống và thắng với đa số 11 triệu phiếu so với ứng cử viên Cộng Hòa năm 1948 là ông Dewey. Tuy nhiên cũng năm 1952, một yếu nhân trong đảng đã giúp ông Eisenhower thắng phiếu, là ông Cabot Lodge thì lại thất bại khi tranh cử vào Thượng nghị viện.

3) Không phải lúc nào cũng là những người suất sắc nhất được bầu. Có những ứng cử viên tài ba như Marshall, Webster mà đã nếm mùi thất bại trong khi đó có những ứng cử viên lu mờ như Harrison, Pierce, Harding mà lại đi tới chức vụ tuyệt đỉnh. Nhưng người dân Hoa-Kỳ lại lấy làm khoái khi những người bình thường như họ mà lại thành công.

4) Những điều chỉ trích đáng để ý hơn hết là cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa-Kỳ kéo dài gần một năm ròng với một không khí chợ phiên có thể làm ngưng lại một số hoạt động, hay có thể làm cho các nhà lãnh đạo sao lãng một số công việc chính hay ngập ngừng không muốn có quyết định gì trước khi bầu cử. Ấy là chưa kể từ khi được bầu đến khi nhậm chức lại còn một thời gian hai tháng rưỡi trong khi đó ông mới chưa tới ông cũ chưa đi.

Gần đây thái độ của Hoa-Kỳ trong các vấn đề nóng bỏng trên thế giới cũng phản ảnh một phần nào cái tình trạng chờ đợi đó.

Thực ta thế giới mà chờ thì chỉ có thế giới sốt ruột chứ việc bầu Tổng Thống Hoa-Kỳ vẫn là việc quan trọng nhất đối với công dân Hoa-Kỳ và tất cả những khuyết điểm đã nêu ra có thể giải thích được nếu người ta nghĩ rằng Hoa-Kỳ tuy gọi là một nước nhưng chính là một lục-địa và cần phải dung hòa quyền lợi nói chung của toàn thể Liên Bang với quyền lợi riêng biệt cố hữu của mỗi tiểu bang.

Trở lại cuộc chạy đua Johnson — Goldwater

Kết luận bài này, không thể nào không ước đoán kết quả cuộc bỏ phiếu ngày mồng 3 tháng 11 sắp tới. Dư luận chung cũng như những cuộc thăm dò gần đây nhất đều cho là ông Johnson sẽ thắng. So với địch thủ, ông có những lợi thế rõ rệt :

Trước hết tất cả dân chúng Hoa-Kỳ đều quen thuộc với hình ảnh ông. Trên cương vị đương kim Tổng Thống, mọi việc ông làm những lời ông nói đều gián tiếp vận động cho ông. Những bài diễn văn của ông được báo chí, phát thanh, vô tuyến truyền hình phổ biến và bình luận. Ông đi tới đâu đều được tiếp rước một cách trọng thể.

Đối với dân chúng, ông Johnson là người đã có kinh nghiệm làm Tổng Thống và điểm này rất đáng kể. Ngoài ra ông biết rõ hết các khó khăn và có thể đưa ra tranh luận những vấn đề ông nắm vững hơn địch thủ. Ông lại còn có sẵn những chuyên viên thượng thặng trong mỗi lãnh vực.

Ông không gặp sự chia rẽ trong đảng của ông khi ra tranh cử, ông không phí sức trong các cuộc vận động sơ bộ và các hội nghị tại các tiểu bang.

Trong lịch sử Hoa-Kỳ từ năm 1900 tới nay mới chỉ có hai vị đang giữ chức Tổng Thống ra tranh cử mà thua. Đó là ông Taft năm 1912 và ông Hoover năm 1932. Nhưng cả hai đều ở những trường hợp hết sức riêng biệt : ông Taft đã gặp một sự chia rẽ trầm trọng ngay trong nội bộ đảng và ông Hoover đã vấp phải cuộc khủng hoảng kinh tế khốc liệt nên dân chúng đã mang trăm dâu mà đổ một đầu tằm.

Cho nên xét qua các ưu thế của Tổng Thống Johnson rồi người ta có thể kết luận rằng ngoại trừ trường hợp con rùa và con thỏ trong thơ ngụ ngôn lại xảy ra, cuộc chạy đua về tòa Bạch Cung giữa hai đảng mang biểu hiệu con Voi và con Lừa chắc chắn sẽ không mang lại bất ngờ cho sự chờ đợi của mọi người.

VŨ-BẢO

---

* Văn chương phải dễ hiểu và khó viết, chớ không phải khó hiểu và dễ viết.

Wang Chung

* Những kẻ đớn hèn chết nhiều lần trước khi chết thật sự. Kẻ anh dũng chỉ nếm cái chết có một lần.

Shakespeare

GÓP Ý KIẾN VỚI
HỘI ĐỒNG GIÁO DỤC TOÀN QUỐC

BÙI-HỮU-SỦNG

Thử tìm một phương pháp soạn thảo chương - trình

Kể từ ngày 10-10-64, Hội Đồng Giáo Dục toàn quốc nhóm họp và bắt tay thảo luận về việc soạn thảo một chương trình học mới để đáp ứng với nhu cầu của thế-hệ mới. Toàn dân đều hoan nghênh công cuộc đó. Trong khi Hội-đồng bầu chủ tịch, lập tiểu ban, thảo luận nguyên tắc, tôi thử đưa ra một phương pháp làm việc, gọi là góp đôi ý kiến vào công cuộc chung. Chúng ta nên nhớ rằng Ủy-ban vận-động đã đi họp tại các tỉnh, đã đặt ra được nhiều tài liệu, nhiều câu hỏi về việc tổ chức các bậc học, đã thu lượm thành một hồ sơ khá phong phú. Tuy nhiên những ý kiến và câu hỏi đều chỉ hướng về một chương-trình : chương trình của ngày mai. Người ta đã quên hẳn phần «Phương pháp làm việc. » Vậy tôi xin đề nghị một thể thức như sau : Hội Đồng cần soạn ngay bốn chương trình :

1) Rút ngắn chương trình 1958 (hiện hành).

2) Thảo một chương trình thí nghiệm (programme pilote)

3) Thảo chương trình chính thức.

4) Thảo một chương trình chuyển tiếp (programme de transition).

1) Chương trình hiện hành cần rút ngắn lại và công bố ngay.— Trong giai đoạn này, mọi sự đều bị xáo trộn, mọi giá trị văn-hóa đều bị chà đạp, dĩ chí đến nỗi những cái hiển nhiên trước mắt, ngày thường dễ nhận biết, mà nay cũng bị xuyên tạc và gây hoang mang. Các giáo sư bạn tôi, mỗi khi gặp tôi đều hỏi thăm xem chương trình ngoại ngữ thêm bớt ở những chỗ nào, chương trình mới áp dụng từ bao giờ. Các học sinh thì thắc mắc không rõ kỳ thi tới có thay

đổi không. Nhà xuất bản lại ngần ngại không muốn in sách nữa, thành ra một số sách kém giá trị trước đây không bán được, nay ngẫu nhiên chiếm độc thị trường, đúng với định-luật trong kinh tế học «tiền xấu đuổi tiền tốt đi khỏi». Người ta còn ghi nhớ những kinh nghiệm đau đớn trong mười năm về trước, sự cải tổ thường làm chớp nhoáng để thu lợi cho kẻ này và lũng đoạn kinh tế của kẻ khác. Vậy Bộ Quốc gia Giáo dục nên tuyên bố ngay cho quốc dân biết là chương-trình hiện hành (áp dụng từ 1958 và đã bị xén cắt lung tung nhiều lần) còn áp dụng trong một thời gian tối thiểu nào, ví dụ như áp dụng hết niên khóa này.

Nhưng cái chương trình hiện hành này cũng không thể để nguyên được, mà phải cắt ngắn đi. Trước hết vì nhiều lớp Đệ Nhất mới khai giảng từ 15-10 sau ngày niêm yết kết quả Tú tài II (ngày 8-10). Nghĩa là một số lớp chỉ sẽ học được sáu tháng là cùng, không thể theo hết chương trình trước kia định cho 9 tháng của niên khoá.

Rút ngắn vì thời cuộc đã đành lại còn phải rút ngắn cho hợp lý nữa. Ví dụ cụ thể : trong mấy năm gần đây (sau 1958) trong những chương trình hạn chế, về môn Triết, người ta xén một phần Luận-lý để một phần Đạo-đức học. v.v. Tại sao không để cả Luận-lý học và bỏ hẳn Đạo đức học, hay bỏ Luận-lý học và học cả phần Đạo đức học. Luận lý học (logique) là môn học có hệ-thống, xén cắt đi thực là mỉa mai như tát vào mặt bà Luận-Lý (nhạo lại lời Phan-Khôi thời Phụ-nữ Tân-văn).

Đã hạn chế (limiter) và cắt xén để làm nhẹ chương trình tại sao lại thêm phần Công Dân Giáo Dục của Ngô-Đình-Nhu vào. Bảng so sánh sau đây đủ cho ta thấy rõ sự nặng nề của chương trình hạn chế :

BAN KHOA HỌC THỰC NGHIỆM THI VIẾT

Tú Tài II Pháp	Triết Học	Lý Hóa	Vạn Vật	×
Tú Tài II Việt	Triết Học	Lý Hóa	Vạn Vật	Công Dân Giáo Dục

Vậy xin phép đề nghị bỏ môn Công-Dân giáo-dục và bỏ cả Đạo-Đức học đi. Khôi phục phần khoa học nhân-văn (sử, xã-hội học, tâm-lý) đã bị ruồng bỏ từ bốn năm nay để học sinh tránh cái nạn « kiến thức cắt xén » (connaissances tronquées) ở phần Triết. Sau 7 năm học Sử, trước khi từ bỏ ghế nhà trường Trung-học, học sinh phải có một nhãn quan tổng quát về những điều đã học mấy năm về trước. Mà lạ thật, không hiểu sao, người soạn chương trình lại sợ dạy Sử và Sử quan cho học-sinh. Sợ chúng đòi viết lại bộ quốc-sử chăng ? Sợ một số giáo sư giảng về duy-vật sử-quan chăng ? Trong khi đó, môn Sử nói riêng và môn khoa-học Nhân văn nói chung vẫn phát triển

rất mạnh. Trường Văn-Khoa Sorbonne trước là Faculté des lettres nay mang tên là «Faculté des lettres et des sciences humaines» (Khoa học Nhân văn). Trên thị-trường sách báo, các cuộc điều tra cho biết trong hai năm nay, loạt sách về Sử xuất bản rất nhiều và ăn khách hơn cả tiểu-thuyết. Trong khi các Triết-thuyết, các giá trị tinh thần sụp đổ, mỗi người đang băn khoăn về vận mệnh mình, về tương lai nhân loại, chưa biết tin ai, đang đi tìm lẽ sống dưới ánh sáng lịch-sử. Trong chương trình Triết vừa cải tổ của nước Pháp, không những học-sinh học về phương-pháp Sử, quan niệm Sử mà còn học về ý-nghĩa Sử, chiều hướng của lịch-sử (le sens de l'histoire) và về môn Sử lại nặng nhất là phần lịch-sử các nền văn-minh từ Đông sang Á. Tôi thiết tha yêu cầu Hội-Đồng Giáo-Dục khôi phục ngay phần Sử trong Luận-lý học và đề cao địa-vị của Quốc-sử trong học đường. Chương trình Pháp-văn, đoạn học về văn-học thế-kỷ 16, 17 v. v... cũng cần bổ ngay đi. Trên đây tôi chỉ đưa ra vài thí dụ ; tôi mong sẽ có một tiểu-ban xét lại chương trình 1958 và sửa-chữa các môn cho hợp-lý rồi tuyên bố tạm trong dùng năm nay.

II) Chương trình thí-nghiệm (programme-pilote). — Để tiến tới việc soạn thảo chương trình chính thức, một số môn quan trọng hay mới mẻ phải mang thí-nghiệm ở vài trường khác nhau, ví dụ một ở tỉnh, một ở nhà quê, một ở miền Thượng, một ở miền Trung v.v. .. Sau đấy, mở rộng ra rồi đúc kết lại thành những quyển sách nhỏ (brochures) để đào tạo cán bộ hay soạn sách giáo-khoa. Xin tóm lược dưới đây vài thí-nghiệm :

Trước hết, theo tài liệu Informations Unesco : Kể từ 1964, một số học sinh Anh-Cát-Lợi sẽ học Pháp-văn từ 8 tuổi, nghĩa là từ bậc tiểu-học. Một chương trình thí nghiệm đã dựng lên và áp dụng phương pháp « dạy miệng » (enseignement oral) đã có; sách soạn trước, một số giáo-sư đảm nhiệm việc luyện thế nào, để sau 5 năm tiểu học, các trò sẽ có thể nói, đọc, viết dễ dàng Pháp-văn. Các lớp này không những nhằm mục-đích thực tế mà còn kỳ vọng đưa các trò tới mực độ theo học được lớp dạy về văn-học và văn-hóa Pháp. Sáu miền nước Anh đã được chọn làm thí điểm và, nếu có kết quả tốt, thí-nghiệm trên sẽ mở rộng tới toàn quốc nước Anh ».

Nếu nước mình gửi được một phái đoàn sang thăm các lớp trên, mua sách soạn v.v . . . theo phương pháp một chắc sẽ rút được phương pháp hữu ích cho việc dạy Pháp-văn.

Rất tiếc bản thông-tin của Unesco không cho biết mỗi tuần học bao nhiêu giờ và số học sinh mỗi lớp bao nhiêu. Còn nếu theo các nhà tâm-lý học về nhi đồng và các tạp chí giáo dục khác, thì học ngoại-ngữ phải bắt đầu trước 12 tuổi, càng sớm càng hay. Số giờ ít nhất cũng phải trên 6 giờ một tuần lễ và số học sinh không được quá 25 em. Nhìn về số giờ trong chương trình 1958, tuổi học sinh và sĩ số mỗi lớp trong các trường mình, ta hiểu ngay tại sao phương pháp thính-thị áp dụng gần đây cũng thất bại. Tuy vậy, không vội nản, ta phải thí nghiệm lại xem, biết đâu

trí tuệ của trẻ Việt-Nam phát triển hoặc sớm, hoặc muộn hơn so với mức tuổi 12 và ở nước ta còn phải tránh việc mang ngoại-ngữ xuống dạy ở bậc tiểu học sợ việc này có thể làm tổn thương đến mặc-cảm ái-quốc của một số phụ-huynh.

Cũng cần nhắc rằng, kỳ hè vừa rồi, Bộ có tổ chức một trại tu nghiệp dạy Toán mới (Mathématiques modernes) ở Đà-Lạt nhưng vẫn giữ « bí mật» chưa cho dân chúng biết kết quả ra sao. Hiệp-hội tư-thục Saigon cũng chờ kết quả trên để tổ chức một lớp tu nghiệp tương-tự cho các giáo sư Toán và Triết (Vì Toán đổi, lý-luận học cũng đổi theo), trụ sở, sở phí đã trù định nhưng vì Bộ không cho biết kết quả, nên dự-định trên của Hiệp Hội cũng tạm hoãn thực hiện. Đánh trống bỏ dùi thật đáng tiếc. Tuy vậy, đã có hai giáo-sư trẻ, các ông Phan-Trương-Dần và Cao-Lộc vừa xung phong cho in một cuốn « Đại số cận đại » hợp với tinh thần mới và chúng ta đang chờ một cuốn «Luận-Lý-Học mới» theo (Le logique moderne hay La logistique). Trước đây, hai ông Trương-Văn-Trình và Nguyễn-Hiến-Lê đã soạn một «Khảo-luận về Ngữ-Pháp Việt-Nam » cũng căn-cứ về sự cấu-tạo (la structure) của tư-tưởng. Nếu có một nhà phê-bình gia, phê-bình văn-học theo « sự cấu-tạo » như Richard (Univers imaginaire de Mallarmé), hay một nhà xã hội học hay luật-gia Việt Nam cũng soạn sách theo tinh-thần mới này thì ta sẽ du-nhập được sớm một luồng tư tưởng mới gọi là *structualisme*. Một tờ báo trào phúng ở Ba-Lê đã nói đùa rằng : ngày nay người ta hỏi nhau : « Etes-vous structualiste ? » cũng như 10 năm trước đây, người Ba-Lê hỏi nhau : « Etes - vous existentialiste ? » Mỗi người chúng ta cứ thí nghiệm đi, rồi sẽ có « mốt » có « phong trào » nổi lên và lúc bấy giờ Bộ sẽ chạy theo sau. Thí-nghiệm phương pháp giáo dục thường là bắt đầu từ ở tư nhân ; Ví dụ J. J. Rousseau, Montessori. Không nên trông mong hay quá ỷ lại vào chính-phủ.

III) Chương trình chính thức.— Sau khi tập trung kết quả của các thí-điểm, Hội đồng sẽ đúc kết kinh nghiệm lại, phân phối giờ cho hợp lý rồi bắt tay tới việc xây dựng chương trình mới.

Chương trình mới lại đòi thêm mấy điều kiện sau đây :

a) Trước khi chia nền Trung học thành 7 năm hay 6 năm phải có một cuộc điều tra về xã-hội (enquête sociologique). Ví dụ, trong vài năm nữa số gia đình đủ điều kiện vật chất cho con theo học được 6 năm Trung học là bao nhiêu, và nếu theo 7 năm thì vì kinh tế, sĩ số ước lượng sẽ bị giảm đi bao nhiêu phần trăm. Chưa đủ, lại còn phải điều tra trong 2 hay 3 năm nữa, khi « chương trình mới » ra đời số trẻ em theo học sẽ lên tới bao nhiêu và số giáo-sư hiện có cùng với số sẽ tốt nghiệp tại các lớp sư-phạm trong thời gian đó liệu có đủ để dạy các môn khôog. Nếu không đủ thì phải gấp rút đào tạo và có thể chia ra hai cấp (cycle) đệ nhất cấp ba năm và đệ nhị cấp ba năm. Sau kỳ thi Tú tài, học sinh sẽ vào học 1 hay 2 năm hướng dẫn lên đại-học (classe d'orientation d'études supérieures) hay sửa soạn ngoại ngữ để đi du học. Như

thể vẫn đủ 11 hay 12 năm kể cả Tiểu và Trung học, vì con số 12 năm là con số gần như được Unesco chỉ định và đã được các nước chấp nhận.

b) Tuy chia lớp, chia cấp, chia ban, nhưng đừng quên dành một số cửa ngang (*porte latérale*) để vì hoàn cảnh gia-đình, vì năng khiếu nẩy nở sớm hay chậm, học sinh có thể bỏ ban A sang qua ban C chẳng hạn hay đi theo ngành kỹ thuật, nông lâm, thương mại, binh bị một cách dễ dàng. Đa số chương trình các nước quên để ngỏ những cửa bên hông ; hình như chỉ có Thái-Lan, là người ta đặc biệt chú-ý đến điểm trên mà thôi.

Cũng nêu thêm rằng sẽ thi và chấm bằng trắc nghiệm (trừ bài Toán bài Luận) trong các kỳ thi Trung-học Đệ-Nhất-Cấp và Tú-Tài cộng với kết quả trắc nghiệm trong mấy năm học trước. Các bằng sẽ kèm theo vài lời khuyên nhủ gia-đình nên cho con em hướng về ban nào, ngoại ngữ nào, nên đi du học, hay sang kỹ thuật v.v... Hiện nay nhà Tâm lý học trứ danh H. Piéron đã lên án kiểu chấm thi cổ điển và đưa ra một kỹ-thuật chấm thi nhằm mục đích hướng dẫn, tuyển trạch hơn là tìm cách đánh trượt làm nản lòng thí sinh. (Coi cuốn Examens et docimologie par H.Piéron P.U.F Paris, 1953).

III) Chương trình chuyển tiếp. — Từ năm 1944 tới nay, nước ta đã thay đổi chương trình học nhiều lần mà lần nào cũng bất chợt một cái, áp dụng ngay. Việc làm hấp tấp như vậy có về cách mệnh đấy nhưng người ta sẽ bỏ rơi một số giáo sư già, chỉ giầu kinh-nghiệm theo nền học cũ và đồng thời người ta cũng chưa đào tạo kịp cán bộ mới thành thử học đường thiếu hẳn nền nếp sinh hoạt và kỷ luật tinh thần. Thế nào là một chương trình chuyển tiếp (un programme de transition ?) Nghĩa là một chương trình có phần mới và phần cũ. Phần mới chỉ áp dụng vào các lớp mới bắt đầu : lớp Năm, Đệ Thất, Đệ Tam, Dự bị Đại học. Còn các học sinh đã theo chương trình cũ thì cứ tiếp tục theo sách cũ, nền nếp cũ *tinh thần* cũ cho hết cấp bậc đang theo học. (Trừ vài môn như Toán, Công dân). Chúng ta ai cũng biết mỗi chương trình có một tinh thần riêng, nếp suy nghĩ riêng, hệ-thống riêng. Đổi chương trình không những phải thêm môn này, bỏ môn kia mà còn phải nhằm mục đích luyện học sinh theo một cách suy luận rõ rệt. Đừng nên nhầm « la lettre » et « l'esprit du programme». Ta cứ mở bất kỳ một cuốn sách giáo khoa nào của Pháp, một bài ngụ-ngôn của La Fontaine, một cuốn tùy-bút của André Maurois, ta thấy từ mấy thế-kỷ nay, đều là cách trình bày, suy luận theo lý luận Descartes hết. Ta hãy đọc một cuốn tiểu thuyết hay một bài báo của Hanoi hay Moscou, ta thấy hiện lên rõ rệt một lối suy nghĩ cảm xúc kiểu « biện chứng duy vật ». Còn Hội-Đồng giáo-dục đang họp đây, định đưa những thế hệ thanh thiếu niên về cách suy luận (Démarche intellectuelle) nào ? Theo kiểu trực-giác và tổng quát như Nho sĩ xa xưa hay tĩnh tọa của các thiền sư chăng ? Theo lý luận Descartes chăng ? Theo kiểu pensée structurale (mathématique et logique modernes) ngày nay chăng ? Hay chỉ biết người ta có mathématiques mo-

dernes thì mình cho Toán-học hiện đại vào. Mở sách giáo khoa ngoại quốc thấy người ta thêm môn Esthétique thì mình cũng thêm thẩm mỹ-học vào ? Không thể vồ vập bắt chước như thế được.

Điều tối thiểu mà chúng ta đòi hỏi ở bậc Trung học về trí dục (éducation intellectuelle) là dạy cho học sinh một cách suy-luận vững chắc trước sự vật, trước mọi hiện tượng xã-hội. Thôi, trong giai đoạn hỗn loạn này, ta chưa dám đòi hỏi việc đức dục (éducation morale) và, cũng thôi, chưa dám đề cao nhà trường lên thành một nhà giáo-dục (maison d'éducation). Ta chỉ mong sao con em lĩnh hội được một số kiến thức phổ thông ngang ngang với trình độ các nước và học được một phương pháp suy luận linh động, một phương pháp học để lên Đại-học hay để tự học thêm sau khi từ giã nhà trường. Mục đích giản dị là dạy cho biết nghệ-thuật học (l'art d'apprendre) và nghệ-thuật vận dụng tư tưởng. Còn việc đức-dục, thể dục là thuộc về sự cải tạo cả một xã-hội, việc tổ chức đoàn thanh thiếu niên và việc bảo vệ nền tảng gia đình. Hễ hoàn cảnh xã-hội tốt, mọi người xung quanh đều tôn trọng một số giá trị tinh thần và đạo đức thì các trẻ em cũng ép mình dễ dàng trong nền nếp sống chung. Theo khoa tâm-lý nhi đồng thì trẻ con bước vào bậc Trung học đã hết thời duy-kỷ (égocentrisme) và bắt đầu sang giai đoạn duy xã-hội (sociocentrisme), chúng dễ xã-hội-hóa ; nhất ở nước ta, một dân tộc có một đời sống tập-thể mạnh, ta tin rằng hễ quốc gia có kỷ cương, gia đình săn sóc và biết thương con, tự nhiên kỷ-luật được phục-hồi ngay tại học-đường và các giáo-sư tận tâm, đạo-đức sẽ lấy lại ngay được uy-tín.

∴

Tóm lại cải tổ chương trình Trung-học, chỉ nên đặt nhà trường vào đúng mức, đúng tầm quan trọng của nó trong hai khung cảnh gia-đình và xã-hội và chỉ nên truyền dạy những kiến-thức hợp với trình độ hiểu biết, khả năng tiếp nhận của trẻ. Một chương trình giáo dục đứng đắn bao giờ cũng xây dựng trên nền tảng tâm-lý nhi đồng và điều kiện sinh hoạt của một dân tộc. Nói khác đi, phải là một nền giáo dục khoa-học (l'éducation scientifique) như ý-tưởng của bà Montessori. Điều tối kỵ là tránh việc soạn chương-trình theo các khẩu-hiệu chính trị và tránh việc nhồi sọ thế-hệ trẻ bằng những lý tưởng của một nhóm người lớn bất mãn; nhóm này cảm thấy họ kém về chính trị về văn-hóa hay xã hội, nay họ muốn thúc dục các con em tiến mau, tiến vội để báo thù cho thỏa chí họ. Không, ta cứ để tâm hồn trẻ trưởng thành, học tập trong bầu không khí bình tĩnh, thảnh thơi ; khi tới tuổi cần báo thù hay tranh đấu tự vệ, con cháu ta sẽ dư lực đấu tranh hơn các «thầy đồ gàn» hay « các ông mọt sách ». Chúng ta cứ bền tâm che chở cho các mầm non qua cơn giông-tố, mầm non sẽ mọc rễ sâu xuống đất và vươn cao để đủ sức giữ vững một truyền thống hiếu học của một nước «nghìn năm văn hiến.» Một cường quốc, mỗi khi xây dựng học đường, họ vội đào tạo ngay một Einstein, một Kant, một A. France để làm đèn «phare» chói lọi trên

đường ganh đua với các cường quốc khác. Dân ta, bé nhỏ và chậm tiến, ta cần nuôi dưỡng một sinh lực bền bỉ tiềm tàng trong đại chúng; dân ta chỉ có vườn rau nhỏ, ta không cần một cái thác nước chảy ồ ạt, mà chỉ một cái lạch, hay cái ao, mạch nước thường xuyên từ thời đủ trồng tưới trong bốn mùa. Tổ chức giáo dục của nước nhỏ, xin đừng vội dập theo khuôn khổ tổ chức đại quy-mô của các nước lớn.

BÙI-HỮU-SỦNG

Kỳ tới : *Tường thuật ban điều tra của Unesco về nguyện vọng thanh niên Á châu. (Tìm góp tài liệu Giáo Dục).*

● Ánh sáng đối với mắt, khí trời đối với phổi, tình thương đối với con tim nó như thế nào thì tự do đối với tâm hồn con người nó như thế ấy.

Quintulien

● Kẻ nào thêm màu xanh cho mùa xuân, màu hồng cho mùa thu, màu đỏ cho những cặp môi trẻ, kẻ ấy sáng tạo sự xấu xí vì hắn giả dối.

Tôi sống bằng súp ngon, chớ không chớ bằng lời hoa mĩ.

Molière

• SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S.A. au capital de : 120.000.000 F.F.
Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9e

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm
Téléphone : 21.902 — 3 Lignes
135 *Đại-lộ Nguyễn-Huệ*
(Immeuble TAX)
Téléphone: 797 — B.F. No 8-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central
Tel. 35.601
P.O. Box nº 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à 'Étranger, notamment en A.O.F A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. «; à A ») Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba. (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos Apapa, Kane, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco de Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

بِسْمِ اللّٰهِ الرَّحْمٰنِ الرَّحِيْمِ

Tập tục
của người Hồi Giáo

● *DOHAMIDE*

(xin xem B.K. từ 181)

Về sử tích y phục của phụ nữ Hồi-Giáo, người ta được biết rằng trong buổi đầu của Hồi-Giáo, người dân A-Rạp còn sống đời sống du mục, những làng mạc thường gồm những căn lều dựng lên giữa sa-mạc, cho nên dường như không có một giới người chuyên may cắt áo quần và người thợ dệt một mình phải đảm đang luôn tất cả công việc làm ra bộ quần áo. Do đó, người ta không phân biệt được y phục đàn ông và y phục đàn bà, vì nó chỉ gồm cả một mảnh vải che toàn thân mà thôi.

Chỉ về sau này, nhân những cuộc xâm chiếm, mở rộng bờ cõi, người A-Rạp mới mượn của các dân tộc chiến bại những kiểu mẫu áo quần cùng tất cả những xa xỉ phẩm của họ, nhất là đối với người Ba-Tư và người La-Mã (1).

Dưới thời Nabi Muhammad, Thánh Chủ Hồi-Giáo, không có một trang phục nào riêng dùng để che mặt phụ nữ cả.

Cho đến thế kỷ 1 và 2 Hồi lịch, mới thấy xuất hiện các « *Ni-Kab* » và «*Buc-cu*» là loại mảnh vải che mặt có chừa 2 lỗ trống, vừa tầm con mắt để nhìn.

Thực ra, Hồi-Giáo không cấm người đàn ông nhìn thấy mặt phụ nữ ; trong cuộc lễ hành hương tại Mecca, không buộc che kín cả gương mặt lẫn bàn tay người đàn bà.

---

(1) Al Mokhassas, Ibn Sida, quyển 4.

Trường phái *Sa-phê-y. xu-nat* cho người con trai thấy mặt ý trung nhân của mình trước khi cưới.

Tục truyền rằng một người đàn ông có trình *Na-bi Muhammad* là mình vừa đính hôn với một người con gái, *Na-bi* khuyên nên đến nhìn mặt người con gái ấy (2).

Thánh kinh Cur-An có quy định việc che mặt (3), nhưng chỉ áp-dụng cho những người vợ của *Na-bi Muhammad* mà thôi.

Người ta tự hỏi, tại sao các bản văn đã có quy định minh bạch mà lại không có giá trị thực dụng và sự che mặt tại các nước Hồi-Giáo lại thành một tập tục quá khắt khe cho phụ nữ ?

Tại sao phong tục cổ các nước Hồi-Giáo lại cấm hẳn không cho thấy mặt người đàn bà và chỉ ngoại trừ những người thân thuộc gần nhất mà thôi ?

Nguyên nhân có tánh cách xã-hội; và có lẽ tập tục áp dụng riêng cho những người vợ của *Nabi Muhammad* theo thời gian đã được tổng quát hóa, vì theo quan niệm Hồi-Giáo, *Nabi Muhammad* chính là cái gương sáng, và mọi người Hồi-Giáo đều nhìn vào gương sáng ấy để làm công việc phụng sự Olloh, cho đó là tốt đẹp hơn hết cả mọi sự.

Xu-rat XXXIII, *a-yat* 59 *Cur-An* bảo người đàn bà phải ăn mặc đứng đắn. Ngoài ra để tránh những sự cám dỗ của ma quỷ, *Na-bi Muhammad* đã cấm đàn ông đối diện riêng với người phụ nữ, nếu không có sự hiện diện của một người thứ ba.

Do những quy định đó, một tập tục lần hồi nảy sanh và phát triển khắp cùng các nước Hồi-Giáo.

Xu-rat XXXII, *a-yat* 59 nói :

« Hỡi Thiên sứ, hãy bảo các « người vợ, các con gái ngươi và « các người vợ của tín đồ ngươi « phải kéo hạ *jil-bab* của họ xuống « trán, để người ta có thể phân biệt « họ và họ sẽ không bị người ta « nguyền rủa ».

Jil-bab chính là chiếc khăn đội của người phụ nữ Hồi-Giáo ; ngày nay đối với các phụ nữ Hồi-Giáo tân tiến, nó không còn được kéo xuống che phủ trán một cách kín đáo nữa, nó chỉ còn là một chiếc khăn choàn mỏng người ta kéo qua hai bờ vai làm tăng vẻ đẹp.

Trong xã hội Hồi Giáo cổ xưa, giới giàu sang với những đặc quyền, rất cách biệt với giới lao động nghèo khổ.

Trong giới sau cùng này, mỗi người đàn ông, vì lý do kinh tế, chỉ có thể có người vợ duy nhất, cùng chia xẻ những nhọc nhằn của chồng để sinh nhai ở bên ngoài. Hạng phụ nữ này dĩ nhiên không bao giờ có thể che mặt như giới khuê các được.

Hạng phụ nữ khuê các gọi là *Mu-kho-đa-rat* là những bà chủ các căn lều, bị giữ riêng trong các cấm

(2) Mus-Lim, quyển 1, trang 401.

(3) Cur-An, xu-rat 32; a-yat 53.

phòng, làm vật sở hữu riêng cho bọn đàn ông giàu sang, ích kỷ.

Một đàng là một thứ mệnh phụ phu nhân, một đàng là hàng dân giả, chuyên vắt sữa lạc đà, 2 hạng được phân ngôi thứ rõ rệt, không thể lẫn lộn được.

Về phương diện hình thức, sự phân biệt trên được thể hiện bằng chiếc khăn che mặt, tiêu biểu *mu-kho-đa-rat*, tức phụ nữ tự do.

Hồi-Giáo càng phát triển trên không gian và thời gian, sự phân biệt ngày càng sâu sắc giữa 2 giới và sự che mặt càng hệ trọng.

Hồi-Giáo chinh phục được một số đất đai mới, số phụ nữ nô-lệ càng gia tăng và các phụ nữ *tự do* càng chịu hậu quả khắt khe về việc che mặt.

Tại Ye-men, *Imam Yah-Ya Al Ha-đi*, hồi thế kỷ III Hồi lịch, buộc người đàn bà phải che mặt và cấm người đàn *bê-đu-in* đến chợ để đầu trần.

Năm IX H.L., Quốc Vương Ai-Cập ra iịnh cấm tất cả phụ nữ ra đường, dù là với lý do nào và chỉ ngoại trừ những phụ nữ có nhiệm vụ tắm xác chết (4).

Tình trạng ngày nay dĩ nhiên đã khác xưa, nhưng những sự kiện kể trên một phần nào đã giải thích địa vị lu mờ của phụ nữ trong xã hội Hồi-Giáo.

Đặc biệt nhất có lẽ là thái độ của người Hồi-Giáo đối với con heo.

Vì người Hồi-Giáo kiêng ăn thịt heo và không bao giờ đụng chạm đến con heo, nên nhiều người thắc mắc, hỏi như thế có phải người Hồi-Giáo thờ con heo hay không ?

Sự thực đây là một thái độ ghê tởm chớ không phải tôn kính đối với con heo. Thái độ ghê tởm đó đã được tạo thành nơi con người Hồi-Giáo từ thuở bé, do khuôn khổ giáo-dục của bậc cha mẹ và lần hồi biến thành một thứ thành kiến in sâu vào tiềm thức của người Hồi-Giáo.

Heo cũng như chó, khi chạm phải hai con vật này, mọi người Hồi-Giáo đều tự xem như mang một vết nhơ trong người và muốn tẩy sạch vết nhơ đó, thì cần phải rửa sạch chỗ ấy bảy lượt, trong đó, ít nhất phải có một lần tẩy sạch (xa-mă) bằng nước đục.

Trong những điều kiện kể trên, thịt mỡ heo đối với người Hồi-Giáo là một chất dơ bẩn (na-djess) không thể dùng hoặc đụng chạm được. Nó được liệt vào loại *ha-răm* tức cấm tuyệt đối. Sự cữ kiêng từ khi mới sanh, khiến người Hồi-Giáo không chịu được mùi thịt mỡ heo và khi vô tình dùng phải thì sau đó lại bị nôn mửa, hết sức khổ sở. Cũng xin thú thật rằng đây là nhận xét chung và cũng là kinh nghiệm bản thân của kẻ viết những giòng chữ này ! Đây là một trở ngại lớn lao nhất đối với người Hồi-Giáo, tại các nước mà người Hồi-Giáo chỉ là một thiểu

---

(4) Ibn Iyas, lịch sử Ai-Cập, 9-2, trang 21

số bé nhỏ. Họ sẽ rất khó lòng mà tham gia vào những sinh hoạt tập thể, như sống nội trú ở các trường, ở các trại huấn luyện quân sự và nhất là ở các trại huấn luyện quân sự, kỷ luật nghiêm minh không dễ gì xoay sở, như trong đời sống dân sự. Chúng tôi đã từng được chứng kiến cảnh kham khổ của nhiều chiến binh Hồi-Giáo, thụ huấn quân sự, sáng sớm trước tiên là phải chuẩn bị sẵn một hột vịt hay một miếng cá khô, để đến giờ cơm, có thể chạy theo đội ngũ, dùng phần cơm của mình. Lý do là trong các món ăn dọn sẵn, rất ít khi có những món không lẫn lộn thịt hoặc mỡ heo !

Trước đây, khi nhân dân Ấn-Độ còn đấu tranh giành chủ quyền trong tay người Anh, một số viên chức Anh, để giải tán những đám đông Hồi - Giáo nổi loạn ngoài đường phố, đã dùng những đùi heo hoặc những dụng cụ có thoa mỡ heo, thấy có hiệu quả hơn cả súng đạn.

Sự kiêng cữ kể trên đã biến thành tập tục cố hữu của người Hồi-Giáo và người ta xem đó như là một sự dĩ nhiên, không cần giải thích nữa. Cho nên người tìm hiểu nguyên nhân của sự kiêng cữ có lẽ hơi khó nhận được ở một người Hồi-Giáo ít học, một phúc đáp rõ rệt, có thể dẫn chứng được minh bạch.

Theo một giai thoại bình dân, đã được quý Ông Hakim MA LY, LY OSSAMAINE, Ha-gi SALES, cùng DANH SAMAEL là những vị hiện lãnh đạo Chàm Hồi-Giáo tại Việt-Nam, xác nhận, thì trước khi tạo ra loài người và vạn vật, Thượng-Đế (Olloh) đã tạo ra thân xác của Nabi A-Đam, thủy tổ của loài người, vào mấy ngàn năm trước ở Thiên Đàng, nhưng là thân xác chưa có hồn. Bọn ma, quỷ (sây-tanh) đoán biết rằng khi A-Đam được nhận linh hồn đầy đủ rồi, thì chắc chắn Thượng Đế (Olloh) sẽ đề cao A-Đam cùng các Thiên Thần (ma-la-i-kat) hơn bọn chúng nên chúng mới sanh lòng ganh tị và cùng nhau phóng uế lên thân xác A-Đam, dụng ý làm A-Đam nhục nhã, xấu xa và khổ sở.

Khi A-Đam mở mắt ra, thấy trên mình rất hôi thúi, dơ dáy, bèn thưa lên Olloh. Thượng-Đế tiếp đó mới sai Thiên Thần (ma-la-i-kat) đem nước trong Thiên-Đàng đến tẩy sạch những dơ bẩn trên thân thể A-Đam. Những chất dơ đó ra khỏi mình A-Đam, thấy biến thành con heo và con chó chạy mất.

Na-bi A-Đam mới thề và phán = « chúng bây sẽ là những phần tử thù nghịch với ta và của cả con cháu ta nữa ».

Khi A-Đam giáng thế thì chó và heo chưa có; phải đợi đến đời Na-bi Ro-xôn Noah (tức No-ê), nhân có trận Hồng Thủy mới nảy sanh ra chúng.

Na-bi Noah thuộc thành phần 25 vị Thánh Roxôn mà mọi người Hồi-Giáo cần phải biết và được Thượng - Đế (Olloh) phái

xuống trần kêu gọi con người thờ phượng một Olloh duy nhất, vì lúc ấy người trần đã làm sai lạc cả đường lối do Na-bi A-Đam trước đó đã vạch sẵn.

Nhưng chỉ có một số ít môn đệ (*u-mat*) theo Na-bi Noah mà thôi, phần còn lại đòi hỏi Na-bi Noah phải thực hiện những phép mầu (mu-dji-zat) chứng minh Noah là Thiên Sứ.

Với sự trợ giúp của Thượng-đế (Olloh) Na-Bi Noah đã làm được các phép mầu, nhưng bọn người kia vẫn ngoan cố, không chịu theo Noah, cho rằng Noah làm ảo thuật (*Si-hir*) chớ không hiển linh gì cả.

Trước những đòi hỏi quá đáng, chẳng hạn như đòi xem cho được những hình phạt trong Địa ngục (Nôr-ka), sự kiên nhẫn của Na-bi Noah đã đến mức cùng, nên Na-bi Noah bèn thỉnh cầu Olloh trừng trị bọn người kia hết đi, vì họ không xứng đáng để tiếp tục sống trên đất do Olloh tạo ra nữa.

Sau đó, Thiên Thần *Ji-Bro-Ên* (Gabriel) đã được phái xuống bảo Na-Bi Noah đóng một chiếc thuyền dài 300 sải, ngang 50 sải, cao 30 sải, có 3 tầng, tầng dưới cùng để thú dữ như cọp, beo..., tầng thứ hai để thú hiền như trâu, bò... và tầng thứ ba để người ta ở. Nôh đã cho chở theo 40 đàn ông và 40 đàn bà, còn các loại thú thì cũng lựa mỗi thứ một cặp.

Do Thiên Thần *Ji-Bro-Ên* báo trước, trận mưa bão nổi lên làm ngập tất cả thế gian, phá hại tất cả, chỉ còn sót chiếc thuyền của Noah và ngôi đền do Na-Bi A-Đam xây cất tại Thánh-Địa, được Olloh cho Thiên Thần mang lên cõi trên gọi là *Bai-Tul Ma-Mur* làm cơ sở cho các Thiên Thần hành lễ.

Noah lên thuyền ngày 10 tháng *Ro-jap* và phải sống trên thuyền 6 tháng, nước mới hạ xuống như cũ.

Lúc đó, phân thú vật trên thuyền đã quá nhiều, Olloh bèn truyền cho *Na-Bi Noah* qua trung gian của Thiên Thần *Ji-Bro-Ên*, đưa tay rờ đầu con voi. Na-Bi Noah thi hành lệnh truyền đó thì thấy xuất hiện hai con heo, một con đực, một con cái, tranh nhau ăn hết phân trên thuyền.

Bọn *Sây-Tanh* (ma, quỷ) thấy vậy, cũng bắt chước *Na-Bi Noah*, đưa tay rờ đầu con heo, thì bỗng xuất hiện hai con chuột, cắn phá tất cả đồ đạc trên thuyền.

Để đối phó lại Thiên Thần *Ji-Bro-Ên* chuyền lịnh Olloh cho Na-Bi Noah đánh vào hai mắt con cọp, thì từ hai cái lỗ mũi cọp, xuất hiện hai con mèo, chạy đi bắt chuột.

Trong khi mực nước đang hạ xuống, Noah bèn sai con quạ đi quan sát, nhưng quạ bay đi, mê mồi, không quay về báo tin cho Noah rõ nên cũng bị liệt vào loại chim vô dụng.

Na-Bi Noah lại sai chim bồ câu bay đi, nó lại bay về mang theo một nhánh cây ô-liu dâng Noah. Noah lại sai nó bay đi một lần nữa xem Thánh-Địa đã nổi chưa ; sau đó bồ

câu lại quay về, hai chân dính đất, chứng tỏ Thánh Địa đã nổi rồi. Và bồ câu từ đó được loài người nuôi nấng, xem như là ân nhân của loài người.

Chúng tôi tạm dừng lại với câu chuyện Trận Hồng-Thủy, cũng với dụng ý luôn tiện ghi lại quan niệm của người Hồi-Giáo về vấn đề này. Nhưng điểm trên cũng đồng thời giải thích thái độ ghê tởm của người Hồi-Giáo đối với những gì liên hệ đến con heo, con chó.

Về các loại chim, người Hồi-Giáo cũng không ăn những con chim bắt mồi bằng hai chân của chúng.

Về loài cá thì cấm ăn những loại sống dưới nước cũng được mà sống trên bờ cũng được.

Những giai thoại bình dân kể trên được ghi trong *Taf-Sir Nui-rul Eh-San*, trang 24, quyển I, và trang 210 quyển II (chi tiết này do Ha-Kim Ma Ly cho biết ; riêng chúng tôi chưa được trực tiếp tham khảo tài liệu này).

Trên căn bản Giáo luật thành văn, về việc cấm đoán các món ăn kể trên, người ta cần quay về nguồn gốc chánh yếu, tức là Thánh Kinh *Cur-An*, nội dung vốn có hiệu lực như là những lời phán của Olloh (Thượng Đế) đối với người Hồi-Giáo.

Chúng tôi xin phép trích in những đoạn *Cur-An* sau đây, trước để soi sáng vấn đề, sau đó, cung cấp một dẫn chứng bất di dịch, đối với người Hồi-Giáo mộ đạo.

1) Xu-Rat II, A-yat 172, 173.

١٧٢- يَاأَيُّهَا الَّذِينَ آمَنُوا كُلُوا مِن طَيِّبَاتِ مَا
رَزَقْنَاكُمْ وَاشْكُرُوا لِلَّهِ
إِن كُنتُمْ إِيَّاهُ تَعْبُدُونَ ○

١٧٣- إِنَّمَا حَرَّمَ عَلَيْكُمُ
الْمَيْتَةَ وَالدَّمَ وَلَحْمَ الْخِنزِيرِ
وَمَا أُهِلَّ بِهِ لِغَيْرِ اللَّهِ
فَمَنِ اضْطُرَّ غَيْرَ بَاغٍ وَلَا عَادٍ
فَلَا إِثْمَ عَلَيْهِ
إِنَّ اللَّهَ غَفُورٌ رَّحِيمٌ ○

Ý nghĩa :

« 172.— Hỡi người có lòng tin !

Hãy dùng những thức ăn tốt đẹp mà Ta đã cung cấp cho ngươi.

Hãy biết ơn Olloh, nếu chính Ngài ngươi tôn thờ.

173.— Chỉ cấm ngươi dùng « thịt chết » (tức thịt thú chết không phải do người ta làm thịt để ăn) hoặc máu hoặc thịt heo cùng những thức ăn mà người ta đã dùng cúng kiến một đấng khác ngoài Olloh.

Tuy nhiên, nếu vì trường hợp cần thiết, bị bắt buộc, mà không vì tự ý và nếu đừng vượt quá mức hạn định thì có thể xem như không tội. Lý do : Olloh sẽ dung thứ và luôn luôn tỏ ra tối độ lượng ».

2) *Xu-Rat V, A-yat 4.*

٤- حُرِّمَتْ عَلَيْكُمُ الْمَيْتَةُ وَالدَّمُ
وَلَحْمُ الْخِنْزِيرِ وَمَا أُهِلَّ لِغَيْرِ اللَّهِ بِهِ
وَالْمُنْخَنِقَةُ
وَالْمَوْقُوذَةُ
وَالْمُتَرَدِّيَةُ
وَالنَّطِيحَةُ
وَمَا أَكَلَ السَّبُعُ إِلَّا مَا ذَكَّيْتُمْ
وَمَا ذُبِحَ عَلَى النُّصُبِ
وَأَنْ تَسْتَقْسِمُوا بِالْأَزْلَامِ
ذَٰلِكُمْ فِسْقٌ

Ý nghĩa :

« 4 — Cấm dùng « thịt chết », máu, thịt heo và các thức ăn đã hiến dâng một đấng không phải Olloh.

Cấm dùng thịt thú hoặc bị siết cổ hoặc bị đánh chết hoặc bị té đâm đầu xuống hoặc bị húc bằng sừng mà chết.

Cũng cấm dùng thịt thú đã bị thú rừng làm chết, ngoại trừ trường hợp người có thể làm thịt kịp, (theo thể thức do Hồi - Giáo luật quy định). Những gì để cúng kiến các tượng bụt cũng bị cấm dùng.

Cũng cấm dùng những thức phân chia do xổ số, bằng mũi tên, vì đó là một sự bội giáo ».

3) *Xu-Rat VI, A-yat 145.*

١٤٥- قُلْ لَا أَجِدُ فِي مَا أُوحِيَ إِلَيَّ
مُحَرَّمًا عَلَىٰ طَاعِمٍ
يَطْعَمُهُ إِلَّا أَنْ يَكُونَ مَيْتَةً أَوْ دَمًا
مَسْفُوحًا
أَوْ لَحْمَ خِنْزِيرٍ
فَإِنَّهُ رِجْسٌ أَوْ فِسْقًا
أُهِلَّ لِغَيْرِ اللَّهِ بِهِ
فَمَنِ اضْطُرَّ غَيْرَ بَاغٍ وَلَا عَادٍ
فَإِنَّ رَبَّكَ غَفُورٌ رَحِيمٌ ○

Ý nghĩa :

« 145.— Hãy nói : Trong những điều phát hiện cho Ta, Ta không tìm thấy một thức ăn nào bị cấm, khi người ta muốn dùng, ngoại trừ đó là « thịt chết » hoặc máu đã chảy ra ngoài, hoặc thịt heo — vì đó là một thức ăn không trong sạch — hoặc các thức dùng cúng kiến một đấng ngoài Olloh.

Tuy nhiên đối với những ai bị đặt vào một vị thế cần thiết mà không do tự ý hoặc không vượt quá giới hạn, chắc chắn Olloh sẽ dung tha và độ lượng ».

Những câu *Cur-An* kể trên thuộc những chương đoạn khác nhau, thường chỉ lập lại và xác nhận một số điều cấm đoán :

Người Hồi-Giáo không được ăn « thịt chết » dịch chữ « *mai-tat* » của Á-Rạp có nghĩa là thịt những

con thú tự nó chết, vì bịnh hay vì một lý do nào đó và nhất là không phải vì bị làm thịt với dụng ý rõ ràng là để tiêu thụ.

Nhưng Giáo luật có loại ra ngoài phạm vi áp dụng điều trên đối với tôm cá và các thứ ốc, sò. Còn thì các thú vật làm thịt để ăn, phải được cắt cổ, cho máu tự nhiên chảy ra và nhân đó, người làm thịt phải đọc *Tak-bir* tức công thức đề cao Olloh (Thượng-Đế) tối vĩ đại :

Bis-mil-la-hi ol-lo-hu ak-bar Do đó những thú bị làm thịt để cúng kiến thần linh của những người không phải Hồi-Giáo, những thú bị giết với thể thức đập đầu, người Hồi-Giáo đều không dùng được.

Tuy nhiên, nếu một con thú bị siết cổ hoặc bị té ngã hoặc bị húc bằng sừng hoặc bị thú dữ khác tấn công, người ta suy đoán rằng thịt của con thú trên sẽ thành «*thịt chết*» không dùng được khi máu trong thân con thú đã bị đông đặc lại. Nhưng nếu máu trong thân thú đang chảy và người ta kịp thời cắt cổ con thú, kèm theo câu kinh nhân danh Olloh vĩ đại, theo đúng thể thức quy định, thì thịt này sẽ dùng được.

Trên thực tế và cũng vì những quy định kể trên, giới bình dân Hồi-Giáo thường quan niệm giản dị rằng hễ con thịt nào do chính người Hồi-Giáo cắt cổ thì là có thể dùng được.

2) Riêng đối với thịt heo, thì sự cấm đoán có tính cách tuyệt đối, bất luận con heo ấy do ai làm thịt, vì người Hồi-Giáo cũng cấm (*ha-răm*) đụng chạm, chuyên chở..., nói tóm lại cấm làm tất cả những gì có liên hệ đến con heo. Về lý do cấm đoán, chỉ có xu-rat VI, a-yat 145 nói qua là vì nó không được thanh khiết, đáng ghê tởm mà thôi.

Tác giả A. YUSUF ALI (1) dẫn giải rằng con heo thường sống với những thức ăn thừa và dù con heo có được người ta nuôi bằng những thức ăn sạch sẽ đi nữa, người ta vẫn có lý do để kiêng thịt heo :

a) heo là giống vật bẩn thỉu và thịt của giống vật bẩn thỉu này làm thành thức ăn chắc chắn sẽ gây tai hại cho người dùng.

b) thịt heo có chất mỡ nhiều hơn thớ thịt.

c) thịt heo dễ gây bịnh hơn các thứ thịt khác. (bịnh heo gạo).

3) người Hồi-Giáo cũng bị cấm dùng huyết thú vật.

Tuy nhiên, ayat 173, Xu-rat II và a-yat 145, Xu-rat VI *Cur-An* cũng khoan hồng đối với những ai bị đặt vào trường hợp tối cần, không phải do tự ý và không vượt quá giới hạn vừa phải ; Olloh (Thượng-Đế) sẽ vui lòng dung thứ cho trường hợp này.

Trên thực tế, quy định cấm đoán dùng thịt heo dường như có một hiệu lực tuyệt đối và mọi người Hồi-Giáo đều tự cảm thấy như mình bội

(1) A-Yusuf Ali, The Holy Quran, Shaikh Muhammad Ashraf, Kashmiri Bazar (Pakistan), trang 68.

giáo, nếu đi dùng thứ thịt cấm này. Sự kiêng cữ gắt gao lần hồi thành thói quen, khiến người ta không chịu nổi được mùi vị thịt mỡ heo nữa và thường người ta nhận được ngay, do cảm giác khó chịu trong người, nếu lỡ dùng một món ăn có lẫn lộn thịt hoặc mỡ heo.

Như vậy, có thể nói đây là một quy định của Giáo luật, được các tín đồ tuân theo triệt để nhất không phân biệt mực độ của tấm lòng thành của tín đồ đó đối với Đạo. Có thể có nhiều Hồi-Giáo đồ hằng ngày không thực hiện đầy đủ 5 (*wak-tu*) lần cầu nguyện bắt buộc, mặc dù đó cũng là một nghĩa vụ tối cần (*wa-jib*), nhưng không một ai có thể quan niệm rằng một người Hồi-Giáo lại đi dùng thịt heo bao giờ cả.

Sau thịt heo, có lẽ là rượu - các thứ không phân biệt dưới hình thức nào, vì thế trong các buổi tiệc Hồi Giáo người ta chỉ, được dùng trà hoặc nước ngọt ; rượu bia cũng bị cấm hẳn.

Giáo luật cũng cấm tất cả trò chơi cờ bạc. *Xu-rat V, a-yat 91 Cur-An* có nói : «Ma quỷ chỉ chực chờ gây thù hận và tìm cách đưa vào thân người những độc hại như rượu chè, trò chơi cờ bạc, khiến người lãng quên cả Olloh, lãng quên cả việc cầu nguyện. Vậy người có chịu chừa đi không ?».

Về việc hát xướng, người Hồi Giáo chỉ chấp nhận những bản dân ca, lấy một khúc đoạn nào đó trong kinh *Cur-An* mà thôi. Các loại đàn dường như không được ưa chuộng, cả đến những việc đóng tuồng, vì những hình ảnh đó có lẽ gợi lại những cảnh tượng thờ cúng tượng bụt rất thạnh hành tại Mecca, khi Muhammad mới truyền bá Islam.

Về những đức tánh cá nhân, việc đối xử với đồng loại..v.v..., Hồi Giáo cũng có những điều răn làm lành lánh dữ, giúp đỡ kẻ khốn cùng. .., có lẽ cũng không khác chi các đạo giáo khác.

Có điều là những sự răn cấm của Hồi Giáo đều tượng trưng cho ý chí của Thượng Đế nên có một uy lực rất mạnh đối với người Hồi Giáo, Danh từ *ha-răm* được gán vào, khiến mọi người Hồi-Giáo đều e dè phạm phải, vì sự phạm phải như thế đều có nghĩa là phản bội Hồi-Giáo.

Trước những cấm đoán lắm lúc khắc nghiệt, cuộc sống bản thân của người Hồi - Giáo đôi khi xem như có vẻ khắc khổ, khô khan ; nhưng đó chỉ là nhận xét từ bên ngoài, căn cứ trên những tiêu chuẩn không Hồi-Giáo.

Thực ra, những quy định kể trên vẫn phù hạp với khung cảnh xã-hội Hồi-Giáo, trong đó mọi người không phân biệt đẳng cấp, sống cuộc đời lắm lúc như là những tu sĩ, tự đặt mình trước những nghĩa vụ thiêng liêng do Olloh đã định. Những tấm lòng thành đó được khung cảnh xã-hội tổ chức khích-lệ, phù trợ.

Cho nên, người ta không lấy gì làm ngạc nhiên, khi một cá nhân Hồi-Giáo cảm thấy rất nhiều bất tiện đôi khi lạc lõng, khi phải sống trong một xã-hội, tổ chức không theo đuổi lý tưởng Hồi-Giáo.

DOHAMIDE

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ★ ☆

HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

London :	*Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E.C, 2*
Tokyo :	*No 1, 2Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*
Hongkong :	*60, Bonham Strand West.*
Central distrit :	*Shell House, Queen's Road.*
Kowloon :	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
Singapore :	*64 South Bridge Road*
Kuala lumpur :	*14 Ampang Street.*

Từ Cửu-Long-Giang tới các thương-cảng

SAICON – PHNOM-PENH – SIHANOUKVILLE

● PHẠM-TRỌNG-NHÂN

I.—...[1] Về Cửu-Long-Giang, ngoài những điểm đã trình bày và phân-tách trong tạp chí Bách-Khoa số 186 (1-10-64), chúng tôi thấy cần ghi thêm những chi-tiết sau đây, có tính-cách chánh-trị về thời sự ...

Ngày 5-9-1964, thủy, lục, không-quân Hoàng-gia Cambodge công-khai yểm-trợ một toán Việt-cộng đang bị quân-đội Việt-Nam Cộng-Hoà truy nã. Nghịch quân sau đó trốn sang Cambodge. Vụ đụng-độ kể trên diễn ra tại một địa-điểm thuộc lãnh-thổ Việt-Nam, cách biên-giới chừng 800 thước, trên bờ Cửu-Long-Giang, có thể coi như trầm-trọng nhất từ trước tới nay vì phi-cơ quân-sự Cambodge đã vi-phạm không-phận Việt-Nam tới gần 20 cây số.

Ngày 8-9-1964, nói chuyện với dân-chúng tỉnh Takeo, Thái-tử Norodom Sihanouk tuyên-bố « tán-thành nguyên-tắc huấn-luyện quân du-kích, để gửi sang hoạt-động trên lãnh-thổ địch, và ở lại đó cho đến thắng-lợi cuối cùng... ».

Trong thời gian ấy, cơ quan tình-báo của ta lại khám phá được một bức công hàm (số 337/SPU đề ngày 27-8-1964) gửi cho một lãnh-tụ đối-lập Việt-Nam hiện sống lưu-vong tại Pháp, do đó, Thái-tử Norodom Sihanouk báo tin « đã dàn-xếp thành-công để một đại-diện đối-lập Việt-Nam Cộng-Hòa gặp một đại-diện Mặt trận giải-phóng miền Nam tại Phnom-Penh. . . ».

Ngần ấy sự-kiện dồn-dập, đã khiến Việt-Nam Cộng-Hoà buộc lòng

---

(1) Buổi nói chuyện tại giảng-đường Học viện Quốc-gia Hành-chánh, sáng thứ năm 8-10-64.

áp-dụng những biện-pháp thích-nghi, hầu kiểm-soát lưu-thông trên Cửu-Long-Giang. Đó là một vấn-đề thật đơn-sơ, mà phức tạp. Vì nhiều lý do, dưới nhiều khía-cạnh...

Mặc-dù Cửu-Long-Giang không phải là một con sông quốc-tế, nhưng quốc-tế lưu-tâm tới công-cuộc xử-dụng và khai-thác Cửu-Long-Giang.

Hơn nữa, không những ảnh hưởng trực-tiếp hay gián-tiếp tới quyền-lợi của nhiều quốc gia (trong số, có cả những quốc-gia bạn của Việt-Nam Cộng-Hoà), mà con sông liên-quốc này còn có một quy-chế riêng, do hiệp-ước Paris ngày 29-12-1954 chế-định.

Việt-Nam Cộng-Hoà vì vậy, *rất ôn-hoà* — và đó là đức-tính căn-bản của một quốc-gia trưởng-thành — đã quyết định *chưa vội áp-dụng* những biện-pháp cực-đoan có tánh-cách «trả đũa», mà *chỉ tạm áp-dụng* một số biện-pháp tối-cần, nhằm *mục-đích bảo-toàn lãnh-thổ quốc-gia và bảo-vệ an-ninh công-cộng*. Các quốc-gia bạn (kể cả *dân-tộc Cam-bodge* mà dân-tộc Việt-Nam luôn-luôn coi như thân-hữu) chắc không thể không khách-quan công-nhận điều đó, và nhận-chân tinh-thần cộng-tác cùng là quan-niệm đoàn-kết quốc-tế của giới hữu-trách Việt-nam. Nếu sau này, vì thái-độ Cambodge không thay đổi, bởi lẽ sống bất khả phủ-nhận cũng như gặp trường-hợp bất khả kháng, Việt-Nam Cộng-Hoà có phải thi-hành những kế-hoạch gay-gắt hơn, thì điều đó không phải do Việt-Nam Cộng-Hoà cố tình gây nên vậy.

Trong hiện-tại, theo tinh-thần hiệp-ước Paris ngày 29-12-1954, tôn-trọng nguyên-tắc tự-do lưu-thông, nhưng không lãng quên ý-niệm các quốc-gia hà-cận có thẩm-quyền ban bố những biện-pháp an-ninh cần thiết, các tàu bè thông-quá giang-phận Việt-Nam đại-cương phải tuân theo những quy-lệ sau đây :

— thông-quá phải được nhà đương-cuộc địa-phương chấp-thuận : chiến-thuyền phải xin phép trước bằng đường lối ngoại-giao, thương-thuyền có thể xin phép tại chỗ ;

— gặp trường-hợp nghi-ngờ : Ngoài giấy khai hàng-hóa, nhân-viên thẩm-quyền sẽ kiểm-soát chính hàng-hóa, hoặc cặp chỉ hầm chứa hàng-hóa ;

— hoa-tiêu Việt-Nam chỉ dẫn lối tới biên-giới, trái với trước đây, hoa-tiêu Việt-Nam tiếp tục hành-trình lên tới Phnom-Penh ;

— tàu bè thông-quá phải được hộ-tống ; phái-đoàn hộ-tống, số nhân-viên tối đa là 12 người, gồm quân-đội, công-an, quan-thuế, nhiều ít tùy nhà đương-cuộc địa-phương quyết-định ;

— tàu bè chỉ được di-chuyển ban ngày, từ mặt trời mọc đến mặt trời lặn ; nếu vì nhu-cầu kỹ-thuật, hay vì bất cứ lý-do nào khác cần thả neo ban đêm, thì chỉ được thả neo tại các địa-điểm do nhà đương-cuộc địa-phương đã ấn-định trước ; phải thường-trực liên-lạc với đài duyên-hải để nhà đương cuộc địa-phương biết rõ vị-trí chiếc tàu, dù là thả neo hay đang di-chuyển ;

— trừ trường-hợp có xin phép trước, còn thì triệt-để cấm chuyên-chở võ-khí, đạn-dược và các hóa-chất có tánh-cách chiến-lược, quân-sự,... ;

Tôn trọng tinh-thần hiệp-ước Paris ngày 29-12-1954, đó là đợt những biện-pháp đầu tiên, không nhằm mục-đích «trả đũa», không gây phiền-hà cho các tàu quốc-gia bạn, mà vẫn khả dĩ ngăn-chặn hiệu-quả những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh quốc-gia và trật-tự công-cộng. Trong thực-tế, cách đối xử không thể đồng-đều, đối với trường-hợp các tàu bè không bị nghi-ngờ và các tàu bè bị nghi-ngờ ; nói một lối khác : tàu bè quốc gia bạn thân, hay không là bạn... nếu chưa muốn nói là thù...

***

II.— Đồng - bằng Cambodge và Việt-Nam là món quà quý-giá do Cửu-Long-Giang thân-tặng hai dân-tộc. Và Saigon-Phnompenh-Sihanoukville, là ba thương-cảng có một mối tương-quan đặc-biệt, bắt nguồn từ Cửu-Long-Giang.

III.— Trước hết, hãy nói qua về Saigon. Cách đây 3 thế-kỷ, thủ-phủ của chúng ta còn thuộc đất Phù-Nam, tức là Thủy-Chân-Lạp Tên địa-điểm khi đó là Prey Nokor, dịch chữ là «Lâm-quốc», dịch nôm là «nước, hay xứ ở giữa rừng»... Sau, nói tắt, nói nhanh, mà phiên-âm là Saigon vậy (1).

Giữa thế-kỷ thứ 17 cho tới thế-kỷ thứ 18, dân «Đại-cồ-việt» ta Nam-tiến, đã khiến Cambodge mất quyền xử-dụng sông Cửu-Long là thủy-lộ chắc-chắn và tiện-lợi giao-tiếp lục-địa với bên ngoài.

Đến giữa thế-kỷ thứ 19, vua Ang-Dương (xin đọc : Ang-Đuông, là tổ-phụ của cả hai giòng Norodom-Sisowath) đã nghĩ ngay tới bài toán nối liền miền duyên-hải Kampot (gần Kép, Hà-Tiên) với thủ-đô Cambodge, khi đó còn ở Oudong (cách Phnom-Penh chừng 40 cây-số).

Nhưng công-cuộc mới còn trong «thời-kỳ thai nghén», thì trong nước loạn-lạc ; và hai chục năm sau, quân Pháp chiếm đóng Nam-kỳ, rồi bảo-hộ Cambodge.

Suốt trong thời-kỳ Pháp-thuộc, khoa-học chưa tiến bộ, phi-cơ chưa thịnh-hành, ta không nên quên rằng giải đất « Đông-Pháp » được chia thành hai khu-vực rõ rệt về kinh-tế, như sau :

— Thượng - Lào, Bắc-Việt, Bắc Trung-Việt : giao-dịch với thế-giới do thương-cảng Hải-Phòng ;

— Hạ-Lào, Nam-Trung-Việt, Nam-Việt, *Cambodge* : tiếp-súc với đời sống quốc-tế bằng thương-cảng Saigon.

Các hải-cảng khác, như Vinh, Đà-Nẵng, Cam-Ranh... không đáng kể, vì chỉ có ảnh-hưởng địa-phương hay quân-sự.

Bởi vậy, chúng ta rất dễ hiểu là trong giai-đoạn trước đây, thương-cảng Saigon đã hội đủ điều-kiện tâm-lý cũng như thực-tế, để phát-triển nhanh chóng và mạnh-mẽ. Ta có thể nói thẳng mà không sợ mang tiếng ngoa-ngôn : Saigon như hải-cảng, mà Phnom-Penh chỉ là giang-cảng ; mà nếu coi Phnom-Penh là hải-cảng, thì chỉ có thể là một hải-cảng « phụ-khuyết » hậu-trường, do hải-cảng « chánh-thức » và tiền-tuyến là Saigon *chi phối*.

Saigon được tiếp-tế và liên-lạc với nội-địa bằng đủ các phương-tiện thuận-

(1) « Saigon năm xưa » — Vương-Hồng-Sển, trang 37.

lợi : đường thủy, đường bộ, đường sắt. Hơn thế, hạ-tầng cơ-sở cũng thật tổ-chức và đầy-đủ. Tất cả lẽ sống của Camdodge là nhờ Cửu-Long-Giang ; tất cả nhịp sống của giang-hải-cảng Phnom-Penh là do hải-cảng Saigon định-đoạt.

Ta hãy so-sánh hoạt-động của hải-cảng Saigon qua mấy năm gần đây (1) :

Năm	Tàu tới	Tàu đi
1955	1.663	1.659
1959	1.304	1.309
1962	1.404	1.407
1963	1.715	1.702

Năm 1963, không kể tàu Việt-Nam, tàu Hoa-Kỳ đứng hàng đầu, với 492 chiếc tới, 493 chiếc đi. Sau rồi đến các tàu Pháp : 381 tới, 381 đi ; Nhật : 82 tới, 80 đi ; Panama : 81 tới, 79 đi ; Anh : 68 tới, 66 đi ; Đan-Mạch : 64 tới, 62 đi (1). . . Saigon xuất-cảng gạo, dầu dừa, cao-su. . . ; nhập-cảng cơ-khí, dụng-cụ... Và Saigon nhờ đó mà mỗi ngày thêm phồn-thịnh. Hiện nay ; Saigon — Chợ-Lớn họp thành một đô-thị, với một dân-số gần 2 triệu...

***

IV.— Bây giờ, chúng ta hãy cùng du-ngoạn Phnom-Penh (2) với đôi-chút nhận-xét về kinh-tế.

Ở ven sông Cửu-Long, Phnom-Penh là một đô-thị chiều dài 12 cây-số, chiều ngang 2 cây-số. Hầu hết các xí- nghiệp lớn tại Cambodge là ở trong hay ngoại châu-thành Phnom-Penh. Ngoài ra, ta còn phải kể những xưởng tiểu-công-nghệ, nhiều khi trà-trộn với các tư-gia, thổ-dân, Trung-Hoa và Việt-Nam, một phần lớn ngày nay đã nhập quốc-tịch Cambodge trước pháp-luật hay trên thực-tế.

Dân-số Phnom-Penh năm 1942 là 120.000 người, thì năm 1963 lên ước tới 450.000, trong đó số người Cambodge thuần-túy ước khoảng 200.000. Tất cả nền thương-mại và kinh-tế Cambodge đều hướng về Phnom-Penh, hay thông-quá Phnom-Penh giang-cảng để chuyển tới Saigon hải-cảng — và về sau này, từ năm 1961, một phần chuyển tới Sihanoukville hải-cảng.

Từ 1947, hoạt-động của thương-cảng Phnom-Penh tăng gấp bội. Ta có thể so-sánh nền giang và hải-thương tại Phnom-Penh năm 1957 quan-trọng tới mức nào, qua những con số sau đây trích trong cuốn « Statistical Yearbook of Combodia » do Bộ Kế-hoạch Chánh-phủ Hoàng-gia phát-hành năm 1958 :

GIANG THƯƠNG : Hạng	Tới	Đi
Ghe máy	344 chiếc	235 chiếc
Thuyền buồm	944 —	920 —
Lượng hàng-hóa	252.100 tấn	49.200 tấn

(1). Theo tài-liệu của Viện Quốc-gia Thống-kê, năm 1964.

(2) Xin coi điền-tích Phnom-Penh, Bách-Khoa số 186, trang 10 và 11.

HẢI THƯƠNG :

Hạng	Tới	Đi
Tàu chở hàng	341 chiếc	338 chiếc
Tàu chở dầu	59 —	56 —
Lượng hàng-hóa	250.700 tấn	267.300 tấn

Mặc dầu vậy, có một thương-cảng Phnom-Penh chưa đủ. Vì như chúng ta biết, Phnom-Penh chỉ là giang-cảng, do nhu cầu bắt buộc nên đã lâm-thời phải cố-gắng hoàn-tất một nhiệm-vụ hải-cảng phụ khuyết, hậu-trường, lệ-thuộc vào hải-cảng Saigon chính-thức và tiền-tuyến.

Sớm muộn, Cambodge cần phải có một hải-cảng để củng-cố nền độc-lập kinh-tế, và phòng ngừa những khó-khăn có thể xảy ra khi bất trắc : độc-lập kinh-tế là một trong số các điều-kiện tất-yếu để thực-hiện độc-lập chính-trị.

Thái-tử Nordom Sihanouk đã đặc-biệt lưu-ý đến điểm này, nên sau khi quốc-gia vãn-hồi độc-lập, một trong những cố-gắng đầu tiên của ông là điều-đình viện-trợ : Pháp xây-cất hải-cảng Sihanoukville ; và Mỹ xây-cất xa-lộ Phnom-Penh — Sinanouk-ville. Vì, có hải-cảng mà không có xa-lộ nối liền với nội-địa, thì hải-cảng cũng trở nên vô-dụng. . .

***

V.— Sihanoukville thành hình, thực ra, đã lợi-dụng được rất nhiều về những kinh-nghiệm từ đầu thế-kỷ.

Để xây-cất hải-cảng, các nhà đương-cuộc năm 1908 đã tính chọn hòn đảo Coudée, ở mỏm phía Nam cửa vũng Kompong-Som. Năm 1937, chánh-phủ nghĩ tới Kép ; năm 1942, tới Réam. Nhưng công-cuộc đều thất-bại, vì đáy biển nông-cạn, không thuận-tiện cho các tàu bè lớn. Hơn nữa, địa-điểm còn vô-tình ở trên lộ-trình các trận cuồng-phong, nguy-hiểm cho các tàu thả neo gần bến !

Phải đợi tới năm 1954, thâu-hồi độc lập, chánh-phủ Cambodge mới lo-tính thấu-đáo thực-hiện một hải-cảng, để nền kinh-tế quốc-gia được tương-đối thong-thả «thở khí trời trong-sạch từ ngoài khơi đưa lại ».

Công cuộc xây-cất hải-cảng

Sau gần một năm trời nghiên-cứu, các chuyên-viên Pháp đề-nghị địa-điểm ở giữa đảo Coudée và mũi Départ, phía Đông-Nam vũng Kompong-Som. Chỉ có địa-điểm này khả-dĩ thỏa-mãn những điều-kiện tối-thiểu : đủ sâu, và ít có sóng ngầm chuyển cát...

Ngày 26-4-1955, chiếc thuyền buồm đầu tiên thả neo, và các ghe nhỏ chuyên chở vật-liệu lên bờ. Ngày 8-7-1955, các máy-móc hạng nặng được đổ bộ, và công-cuộc bắt đầu.

Đây là lần đầu trong lịch-sử nhân-loại, một hải-cảng được thực-hiện mà chưa có đường giao-thông với hậu-trường lãnh-thổ. Muốn tranh-thủ thời-gian, các chuyên-viên đã khởi công với mùa gió nồm vừa thổi, với những trận cuồng-phong hãi-hùng, và những cơn mưa phá-hoại... Từ 4-1955 tới

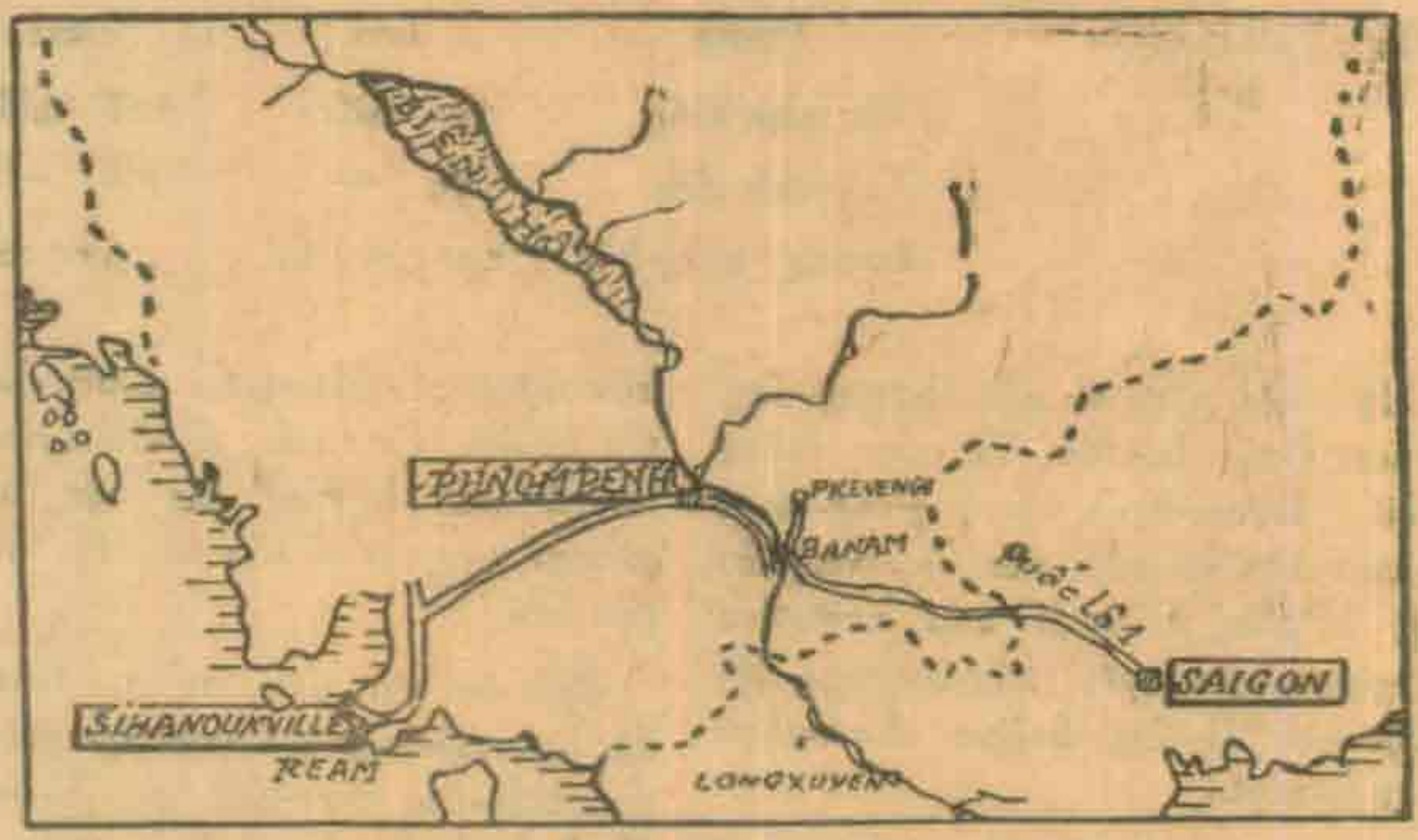

Xa lộ nối Phnom-Penh — Sihanonkville và quốc lộ 1 nối Phnom-Penh và Saigon

1-1956, các người đó đã sống cuộc đời của Lỗ-Bình-Sơn, làm bạn với gió, mưa, đỉa, muỗi, bọ, rắn... Mãi đến ngày 12-1-1956, một giải đường ngắn được hoàn-thành, dành cho các phi-cơ hạng nhẹ hạ cánh, tiếp-tế thuốc-men, báo-chí...

Tháng 5-56, công - cuộc xây - cất chính hải-cảng bắt đầu. Và hải-cảng được khánh - thành giữa năm 1960. Chánh-phủ Cambodge đài-thọ lối 300 triệu Riels (1 R = 1$ VN), còn thì chánh-phủ Pháp lãnh chịu gần hết phí khoản chia như sau :

3.200	triệu quan (cũ)	:	nghiên-cứu, vật-liệu
350	- nt -	:	ngân-khoản bổ-túc
500	- nt -	:	dụng-cụ
60	- nt -	:	nhân-viên kỹ-thuật
Tổng-cộng :	4.110 triệu quan cũ.		

Những đặc-điểm của hải-cảng

Tất cả vũng Kompong-Som chỉ riêng ở Sihanoukville nước sâu tới 10 thước. Muốn ra tới nơi, cần phải có cầu tầu, kè đá, bãi đất, do đắp thêm hay khai rừng mà có . . .

Cầu để tầu ghé bến xây trên một kè « bê-tông » dài gần 300 thước, rộng gần 30 thước, đủ để một chiếc xe-hơi cỡ lớn quay đầu dễ-dàng. Dọc cầu, kể cả hai phía trong và ngoài, từ 3 tới 4 chiếc tầu cỡ 10.000 tấn có thể cất hoặc dỡ hàng cùng một lúc. Muốn ra tới cầu lớn và dài, phải qua một chiếc cầu

nhỏ và ngắn, xây trên 6 chiếc cột « xi-măng, » dài lối 200 thước, rộng lối 10 thước. Nhưng trước khi tới chiếc cầu nhỏ và ngắn này, còn một đường xây trên tảng đá, dài gần 400 thước.

Ngoài ra, còn những công-tác kiến-trúc và kỹ-thuật chìm dưới nước, sát bên bờ, mà ít ai lưu-ý. Hải-cảng đã được tạo nên giữa hoang-vu, và tham-vọng cũng như táo-bạo của những người đã chủ-trương kế-hoạch, là mang sức người để thắng các trở-lực thiên-nhiên. Không phải địa-thế đã tạo nên hải-cảng, mà hải-cảng sẽ tạo nên địa-thế . . .

Ta có thể so-sánh hoạt-động tiến-triển của hải-cảng Sihanoukville :

Từ 1959 tới đầu 1960 : chỉ có 4 chiếc tàu ghé bến, thí-nghiệm. Năm 1960 1961 : trung-bình lối 2 hay 3 chiếc tàu mỗi tháng, nghĩa là cũng chưa có chi đáng kể. Nhưng các năm sau, hoạt-động tiến-bộ nhiều :

— 1962 : 123 tàu ghé bến

— 1963 : 158 tàu ghé đến

— 1964 (đệ-nhất lục-cá-nguyệt) : 102 tàu ghé bến.

Tương-lai hải-cảng

Một hải-cảng không phải chỉ cần có cầu cho tàu cập bến, mà ngoài ra, và hơn nữa, còn cần cả một hạ-tầng cơ-sở vĩ-đại làm hậu-thuẫn và nền-tảng : kho hàng, bưu-chánh, thương-chánh, y-tế, giao-thông, máy trục, ghe thuyền, hải-đăng, cứu-tế... Các bài toán đó đã giải-quyết được phần nào, nhưng dầu sao, vẫn chưa hoàn-hảo, và do đó, Sihanoukville vẫn chưa xứng - đáng với vai trò quốc-tế mà các nhà lãnh-đạo Cambodge muốn dành cho hải-cảng.

Ngay đến số tàu cập bến Sihanoukville trong mấy năm qua, một phần cũng là vì lý do chánh-trị hơn là kinh-tế (1). Chính các hãng tàu thường vẫn than phiền :

— địa-điểm không thuận-tiện so với hành-trình chung ; hạ-tầng cơ-sở còn thiếu-sót ; nhân-viên chưa quen việc ; vì vậy, các tiện-ích thực-hiện chậm-chạp và thiếu tinh-vi . . . Vả chăng, chúng tôi không có lợi gì khi phải đi vòng, để rồi chờ đợi hầu dỡ một gói đường hay cất một bao gạo . . .

Có nhiều nhà nhập-cảng Cambodge — vì lý-do chánh trị — đã yêu-cầu nhà xuất-cảng ngoại-quốc phải gửi hàng tới Sihanoukville. Và mặc-dù cước-phí do ngả Sihanoukville có đắt hơn do ngả Sàigon — vì nhiều lẽ — Cambodge cũng đành cố-gắng, để dần dần gây thói quen, hầu khỏi lệ-thuộc Saigon . . .

Hải-cảng Sihanoukville, — ngày nay, dân số đã lên tới 13.000 người — dù tương-lai tương-đối có không đến nỗi tối-tăm, nhưng cũng còn lâu và xa lắm mới mong trở nên sáng-lạn . . . Trong thâm-tâm, một số đông các kinh-tế-gia Cambodge *vẫn không mong gì hơn là nền bang - giao Việt-Nam/Cambodge được bình-thường, cải-thiện, khiến hàng-hóa được chuyển tới do ngả Saigon, mượn giòng sông Cửu - Long đưa lên Phnom-Penh.* Rồi từ đó, lại do đường thủy phân-phối đi các địa-điểm xa-xôi trên nội-địa Cambodge . . .

(1) Xin so-sánh với hoạt-động của hải-cảng Saigon cùng thời-kỳ này.

Ngoài ra, những ai quen-thuộc vùng Sihanoukville, tất không quên những yếu-tố sau đây, là những trở-lực ngăn-chặn đường tiến của hải-cảng :

— làm sao giữ cho chiều sâu được nguyên-vẹn, nếu có sóng ngầm chuyển cát dưới đáy biển, như thường-lệ tại vũng Kompong-Som ?

— địa-điểm ở vào vùng gió nồm thổi, khiến một năm 12 tháng, trung-bình có tới 3 hay 4 tháng trời mưa lớn, bất-thần, khiến sóng gió gây nguy-hiểm, hay cũng ít nhất, khó-khăn cho tàu bè đỗ hàng hay ghé bến . . .

— chưa có đường sắt, không có đường thủy nối liền với hậu-trường lãnh-thổ. Còn đường bộ — nhờ xa-lộ Hữu-Nghị Mỹ-Miên, từ Sihanoukville tới Phnom-Penh — vừa đắt, vừa chậm, vừa gây thêm nhiều vấn-đề : phương-tiện chuyên-chở, kho hàng tại cả Phnom-Penh và Sihanoukville, chờ đợi mất thì-giờ vì tàu ghé bến Sihanoukville không *nhiều* và *đều* như ở Saigon . . . Ấy là chưa kể xa-lộ hoàn-thành quá vội-vã, có nhiều đoạn hay bị hư, nếu phải làm việc quá nhiều tất-nhiên lại nêu thêm vấn-đề duy-trì và tu-bổ. . .

***

VI.— Chúng ta vừa nói tới xa-lộ Phnom-Penh / Sihanoukville. Bài nói chuyện, dù chỉ là lược-khảo, sẽ rất thiếu-xót nếu chúng ta không xét qua về xa-lộ.

Năm 1953, Thái-tử Norodom Sihanouk yêu-cầu Hoa-Kỳ viện-trợ xây-cất xa-lộ. Ngày 31-12-1955, chánh-phủ Cambodge ký-kết với Công-ty Michael Becker Jr, giao-kèo nghiên-cứu khả-năng và địa-điểm.

Công-cuộc xây-cất xa-lộ

Tổn-phí riêng về công-cuộc nghiên-cứu (trong gần một năm) lên tới 1.147,789 mỹ-kim và 9.131.000 riels. Tháng 11-1956, Công-ty A. L. Dougherty khởi-sự xây-cất. Công-cuộc hoàn thành tháng 5, 1959, nghĩa là sau 2 năm 6 tháng, tổn-phí lên tới 25.049.211 mỹ-kim và 271.703.029 riels : trong số này, chánh-phủ Cambodge đài-thọ tượng-trưng 30.000.000 R.

Từ Phnom-Penh tới Sihanoukville đường dài 230 cây-số. Trừ một vài quãng (ví-dụ : Phnom-Penh — Kompongspeu) xây trên con đường cũ thời Pháp-thuộc, trừ một số xóm làng có sẵn từ xưa, ta có thể nói : xa-lộ đã đột-nhiên mọc lên, giữa hoang-vu và rừng xanh, nước độc.

Đường băng qua đồng-ruộng, xuyên qua núi-rừng, vươn mình qua thung-lũng. Có nơi ẩm-thấp, nước thấm từ bên này qua bên nọ. Củng-cố nền-móng, tránh sao cho mặt đường khỏi lún, sao cho nước chảy xiết khỏi gặm-rũa chân đường, đó là cả một vấn-đề khó-khăn và phức-tạp. Nhất là phía đèo Pich Nil (cao 160 thước) và miền duyên-hải gần dãy Núi Voi, khi mùa mưa tới : có những trận như trút nước, bất-thần, dài-lâu, tưởng chừng như trời long, đất lở. . .

Những đặc-điểm của xa-lộ

Xa-lộ rộng 12 thước, chia ra : mặt đường 7 thước, lề đường mỗi bên 2 thước 50, dành cho xe bò. Nền dày 20 phân bằng đá ong và đá vụn, trên trải

một lượt nhựa chộn với đá sỏi cát, dày 5 phân. Phần lớn là đường thẳng, tầm mắt có thể xa tới 430 thước. Tại những khúc quanh, tầm mắt ít nhất cũng được 110 thước : như vậy có nghĩa trừ khi gặp sự-kiện tối bất-thường, còn thì tốc-độ có thể trên dưới 100 cây-số/giờ. Những độ dốc được tính chu-đáo, khiến đường thoai-thoải dễ đi : 5 cây-số tại miền gần Sihanoukville dốc 5 thước trên khoảng mỗi 100 thước ; 9 cây-số dốc từ 3 tới 5 thước trên khoảng mỗi 100 thước ; còn lại lối 200 cây-số, đường thẳng, chỉ dốc độ 3 thước trên khoảng mỗi 100 thước. Trên hơn 200 cây-số, có tất cả tới 40 chiếc cầu bằng « bê-tông » dài tổng cộng 915 thước.

Tương-lai xa-lộ

Mặc-dầu vậy, tương-lai xa-lộ thật khó đoán. Và tương-lai đó lệ-thuộc hải-cảng cũng như chi-phối hải-cảng.

Trước hết, vì xa-lộ xây-cất quá vội-vã, lại ở trong những tình-trạng và với những điều kiện tối đặc-biệt, nên nền-móng đường như thiếu chắc-chắn. Mới từ đầu 1959 tới đầu 1960, xa-lộ chưa được khai-thác xứng-đáng với vai trò của nó, mà đã có tới gần 50 cây-số bị hư ! Sau, chánh-phủ Hoa-Kỳ phải chấp-thuận giải-tỏa một ngân-khoản phụ, để sửa chữa xa-lộ, chắc không dưới 1/20 ngân-khoản đầu tiên. Ngay đến nay, 1964, không mấy khi quãng đường bị hư lại dưới 25 cây-số, nghĩa là hơn 1/10 tổng-số chiều dài xa-lộ. Trong tương lai, nếu số-lượng hàng-hóa vận-tải lên tới 800.000 tấn một năm, thì vấn-đề duy trì và tu-bổ đường-xá sẽ là một điều đáng kể, có ảnh-hưởng sâu-xa tới vấn-đề cước phí, nghĩa là tới mức sản-xuất và tiêu-thụ...

Ta không nên quên tại Cambodge, đại-để chỉ có hai mùa mưa nắng. Mùa mưa, nước chảy thấm nền đường mới làm, khiến mặt đường bị lún ; mùa nắng, dựa dãi đường vì nóng trở nên mềm nhũn, xe chở hàng hạng nặng đi lại nhiều khiến mặt đường bị hư... Đó là những vấn-đề sẽ trở nên nan-giải...

∴

VII.— Chúng ta có thể đi đến phần kết, sau khi đã có một ý-niệm tổng-quát về Cửu-Long-Giang và ba thương-cảng, cùng là xa-lộ Phnom-Penh/Sihanoukville.

Tùy nhãn-tuyến và quan-niệm, hải-cảng Sihanoukville và xa-lộ Phnom-Penh/Sihanoukville được bình-phẩm khác nhau.

Một nhân-vật hữu-danh trong giới kinh-tài Pháp phát-biểu ý-kiến riêng : « hải-cảng cũng như xa-lộ, là một cuộc đầu-tư không đáng » (un mauvais investissement).

Một giáo-sư kinh-tế phê-bình : «hải-cảng cũng như xa-lộ có tánh-cách và nhằm mục-đích chánh-trị hơn là kinh-tế. Nếu phải xuất ngân-quỹ của chính mình để xây đường cất bến, chắc-chắn chẳng bao giờ Cambodge chịu làm như vậy... »

Sau khi Thái-tử Norodom Sihanouk chưa vội nhận ủy-nhiệm-thư của tân Đại-sứ Mỹ Randolf A Kadder, hồi tháng 9, 1964, một chánh khách ngoại-quốc đã bình-phẩm về xa-lộ do Mỹ viện-trợ :

— Rõ thật : gậy ông đập lưng ông ?

Và sau đây, là lời tâm-sự của một nhân-viên cao-cấp Cambodge :

— Sihanoukville hải-cảng chỉ là một biện-pháp dự-bị, một bánh xe phòng hờ... Chúng tôi không mong gì hơn là được tiếp-tục xử-dụng hải-cảng Saigon... Nhưng Việt-Nam đã không tận-tình giúp-đỡ chúng tôi...

Ở điểm này, chúng ta cảm thấy có quyền cải-chánh. Việt-Nam không mong gì hơn là được cộng-tác với Cambodge, không những riêng về vấn-đề hải-cảng Saigon và Cửu-Long-Giang, mà còn về nhiều lãnh-vực khác. Các nhà lãnh-đạo Việt-Nam luôn luôn không quên câu ngạn-ngữ : « họ-hàng xa không bằng láng-giềng gần », sớm tối có nhau...

Quý vị có thể nêu câu hỏi :

— Nếu vậy, thì tại sao cơ-sự lại như hiện nay ?

Thưa quý vị,

Tôi xin rất vắn-tắt để tạm trả lời và giải-thích :

— Đó là một vấn-đề chách-trị. . . ngày nay không riêng giữa Việt-Nam và Cambodge, mà nằm trong một bối-cảnh chung, rộng-lớn, phức-tạp, ở Đông-Nam-Á, và ngoài Đông-Nam-Á: bối-cảnh của một thế-giới hỗn-mang, đang sống đời nguyên-tử ! ... Một vấn-đề bao-quát như vậy, không thể đem giải phẫu trong phạm-vi một tiếng đồng hồ. . .

Dầu sao, chúng ta cũng tha-thiết, thành-khẩn, hy-vọng rằng sớm muộn, Cộng-Hòa Việt-Nam và Vương-quốc Cambodge sẽ hiểu nhau hơn, để cùng nhau cộng tác. . . Và đó là điều cả hai dân-tộc đều mong muốn.

PHẠM-TRỌNG-NHÂN

KỂ TỪ NGÀY 1-9-1964

PHI-CƠ PHẢN-LỰC
VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

SAIGON.HONGKONG: 2 chuyến mỗi tuần
SAIGON.PHNOMPENH.BANGKOK: 3 chuyến mỗi tuần

bằng Caravelle
PHI-CƠ PHẢN-LỰC THÀNH-LẬP NHỨT THẾ-GIỚI

★ NHANH-CHÓNG
★ ÊM-ÁI
★ TIỆN-NGHI

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

Kỹ thuật và sự tiến bộ của nhân loại

NGUYỄN-HIẾN-LE

L.T.S. Loạt bài đăng dưới đây rút ở tác phẩm « Thế giới trong tương lai, Việt-Nam trong hiện tại » sắp xuất bản của Ô. Nguyễn-Hiến Lê, một cây bút biên khảo về văn hóa, giáo dục . . . quen thuộc của bạn đọc Bách-Khoa. Tuy không chuyên khảo về kinh tế, nhưng gần đây, khi đọc một số tác phẩm của Jean Fourastié, ông thấy học thuyết của nhà kinh tế học này thực đã gây cho người nghiên cứu « một niềm tin tưởng ở tương lai » . . . Chính vì muốn truyền lại niềm tin đó và cũng vì nhiệt thành với việc phổ thông kiến thức mà Ông hằng theo đuổi nên ông đã biên soạn cuốn sách trên đây, và chúng tôi sẽ lựa một vài chương để giới thiệu cùng bạn đọc.

Huyền thoại Hoàng kim thời đại

Chúng ta thường mắc tật hay nhắc lại chuyện xưa, chuyện hồi thiếu niên của mình rồi than thở rằng thời nay kém xa thời trước, kém về mọi phương diện : « Thời trước có hai hào một con gà, hai đồng một chiếc áo xuyến bận ba bốn năm không rách ! Thời đó làm vài giờ một ngày cũng đủ ăn, bây giờ thì tối tăm mặt mũi suốt ngày mà vẫn thiếu. Thời đó đào kép hát hay hơn, diễn khéo hơn bây giờ, nhất là trẻ con ngoan ngoãn hơn bây giờ, thanh niên học giỏi hơn bây giờ, không cao bồi như bây giờ... ».

Tin như vậy là tin một huyền thoại, huyền thoại « hoàng kim thời đại ». Loài người thời nào cũng cho rằng hoàng kim thời đại không phải ở hiện tại hoặc ở tương lai mà luôn luôn ở vào dĩ vãng. Hiện tại bao giờ cũng xấu hơn dĩ vãng và càng lui về dĩ vãng, đời sống càng thảnh thơi đẹp đẽ. Người

phương Đông chúng ta cho hoàng kim thời đại ở vào thời Nghiêu, Thuấn ; người phương Tây còn lùi xa hơn nữa về quá khứ, đặt hoàng kim thời đại vào cái thời ông Adam và bà Eve còn được thảnh thơi trong vườn của Thượng Đế kia !

Sự tin tưởng đó hoàn toàn vô căn cứ và bình tâm mà xét thì ai cũng phải nhận rằng đời sống chúng ta dễ chịu hơn đời sống tổ tiên nhiều. Ba mươi lăm năm trước, hồi tôi còn học trường Bưởi, trong một lớp bốn chục học sinh, may lắm có được năm sáu người có xe đạp, áo mưa, còn bao nhiêu thì phải cuốc bộ, gặp mưa thì trú, chứ cũng ít khi có tiền đi xe, mặc dầu một cuốc xe một cây số chỉ phải trả có hai xu ; bạn nào có được chiếc đồng hồ quả quít thì đã vào hạng bảnh rất mực rồi, bút máy thì hình như không ai có. Đời ông cha chúng tôi còn cực hơn nhiều : nghe nói các cụ ở quê ra Hà-Nội học thì đa số phải gánh gạo theo, ở nhờ một ngôi chùa, quét lá đa mà thổi cơm lấy. Cơm chỉ muối và mắm, một đĩa rau lang, rau muống, khỏi phải độn ngô hay khoai là phong lưu rồi đấy. Còn bây giờ học sinh Trung học nghèo tới mấy cũng có xe đạp, áo mưa, bút máy, đồng hồ đeo tay ; một số có xe hơi nhà đưa đón, có máy chụp hình, máy quay phim và mỗi vụ hè lại đi Đà-Lạt hoặc Vũng-Tàu nghỉ ít tuần.

Ở Âu Châu cho tới cuối thế kỷ 18, tình cảnh dân chúng cũng không hơn gì tình cảnh các cụ ta hồi xưa. Thời cực thịnh của nền quân chủ Pháp, tức thời Vua Louis XIV, thế kỷ 17, một phần mười dân chúng là hành khất, năm phần mười nữa tuy không phải ăn xin nhưng sống cực khổ gần như bọn ăn xin, ba phần mười nữa quanh năm thiếu nợ, chỉ còn có một phần mười (khoảng trăm ngàn gia đình) là sống phong lưu. Thuế muối nặng tới nỗi dân chúng phải ăn nhạt, không dám nuôi heo vì không biết muối thịt bằng gì. Đàn bà có khi phải kéo cày thay cho lừa và già trẻ đều ăn một thứ lúa mạch không giã, nặng và đen như chì. Điện Versailles tuy bề ngoài đồ sộ rực rỡ như vậy mà bên trong không có một chút tiện nghi nào cả ; phòng mênh mông, gió lồng lộng, lạnh buốt, thành thử vua Louis XIV sống không sung sướng bằng một người thợ Pháp ngày nay.

Gặp những năm mất mùa hoặc có bệnh dịch thì dân chúng chết ngổn ngang, có thời (thế kỷ 14) dân số châu Âu giảm một phần ba, và có thời ở chợ Tournus (Pháp), người ta bày thịt người ra bán.

Tới đầu thế kỷ 18, thịt vẫn còn là một đại xa xỉ phẩm trong dân chúng, còn đường thì không một người dân nào dám ước ao tới. Qua thế kỷ sau, mặc dầu kỹ nghệ đã phát triển mà đời sống thợ thuyền cũng rất cực khổ : trẻ em 12 tuổi làm việc 12 giờ một ngày, có nơi trẻ 4 tuổi đã phải kéo sợi ; người lớn suốt đời chỉ có mỗi một đôi giày, đi dự tiệc ở đâu thì đi chân không, tới nơi mới xỏ giày (1) ; khi chết để giày lại cho con y như một gia bảo.

---

(1) Nghèo thì dân tộc nào cũng vậy và lối trào phúng của tờ Phong Hóa hồi xưa thực tàn nhẫn, khi họ vẽ hình Lý Toét đất đôi giày ở thắt lưng để đi chân không.

Ay thế mà trên sách báo người ta vẫn phàn nàn rằng đời sống ngày nay thiếu thốn hơn thời xưa, rằng chỉ cái thời ông cha chúng ta mới sướng. Rồi con cháu chúng ta sau này cũng lại bảo chỉ cái thời chúng ta ngày nay mới sướng. Giá hai thế kỷ trước, loài người đã có máy quay phim thì cái huyền thoại hoàng kim thời đại chắc đã tiêu tan rồi.

Vậy nếu nhân loại trong bốn năm ngàn năm nay không tiến bộ về phương diện tinh thần, nếu trí tuệ, đạo đức, tài sáng tác về mỹ thuật (1) của ta không hơn gì cổ nhân, thì ít nhất đời sống của chúng ta cũng đã cải thiện được nhiều trong một thế kỷ rưỡi nay mặc dầu sự cải thiện đó không được đồng đều, tạo ra nhiều sự bất quân và bất công mà nhân loại còn đương tìm cách giảm bớt. Phủ nhận sự tấn bộ về vật chất là một thái độ bi quan vô lí, nó làm cho ta mất hi vọng, tin tưởng ở tương lai, có thể mất luôn cả lẽ sống nữa. Vả lại dù ta có muốn trở lại đời sống thời cổ thì cũng không được vì không một dân tộc nào lại dám hủy bỏ tất cả những phát minh của khoa học.

∴

(1) Riêng về những hoạt động mỹ thuật, chúng tôi nghĩ rằng không nên dùng danh từ tiến bộ: thơ của chúng ta ngày nay khác chứ không tấn bộ hơn thơ của Nguyễn Du; tân tiểu thuyết của Pháp khác chứ không tấn bộ hơn tiểu thuyết của Balzac, Flaubert, mà thơ của Pháp khác chứ không tấn bộ hơn thơ của Trung Hoa, Á Rập...: vì muốn nói đến tấn bộ thì phải có một đơn vị chung để đo, để so sánh, và trong mỹ thuật, làm gì có thứ đơn vị đó? cùng lắm ta chỉ có thể nói rằng trong một phong trào — chẳng hạn phong trào thơ đời Đường — thì thời toàn thịnh tấn bộ hơn hồi mới phát.

Sự tấn bộ về kỹ thuật

Sự tấn bộ về vật chất đó là kết quả của sự tấn bộ về kỹ thuật.

Cho tới cuối thế kỷ 18, nền kinh tế cùng mực sống, lối sống của phương Đông và phương Tây không khác nhau bao nhiêu. Nền kinh tế đều có tính cách nông nghiệp và tiểu công nghệ, mực sống đều thấp kém: ít nhất là bốn phần năm dân chúng thiếu ăn thiếu mặc; còn lối sống thì đều thô sơ: ăn chỉ cần được no bụng, mặc chỉ cần được ấm thân, nhà cửa lụp xụp, đồ đạc thiếu thốn, hồi trẻ ít người được đi học, lớn lên ít ai ra khỏi làng, tri thức hẹp hòi, không có tinh thần chiến đấu với thiên nhiên, mà thường an phận, thuận mạng vì không thấy có cách nào cải thiện cái kiếp của mình được.

Nhưng từ hậu bán thế kỷ 18, Châu Âu — bắt đầu là Anh và Pháp — tách ra khỏi các miền khác trên thế giới mà phát triển về kinh tế nhờ sự tấn bộ về kỹ thuật.

Người ta vẫn chưa biết rõ những nguyên nhân sâu xa nào mà riêng phương Tây thực hiện nổi cuộc cách mạng về kỹ nghệ, mở màn cho thời đại cơ giới của chúng ta; chỉ biết rằng từ khi Descartes (thế kỷ 17) đặt cơ sở cho nền khoa học thực nghiệm thì các môn khoa học tinh xác (toán học, vật lý hóa, vạn vật, y học....) phát triển mỗi ngày một mạnh, các sáng chế, phát minh (như máy chạy bằng hơi nước, máy phát điện, máy nổ....) xuất hiện liên tiếp, rồi các kỹ sư, các nhà kinh doanh một mặt cải thiện, chế tạo những dụng cụ sản xuất

một mặt tổ chức công việc (phân công, chuẩn bị, phối hợp, tân thức hóa ; nhất luật hóa....) (1), khuyến khích sự đầu tư để tạo nên những xưởng máy sản xuất mỗi ngày một nhanh, một nhiều. kết quả là nền kỹ nghệ châu Âu chuyển qua giai đoạn đại kỹ nghệ, giai đoạn cơ giới, trong khi đó Á, Phi vẫn còn ở trong giai đoạn nông nghiệp, giai đoạn thủ công.

Năng suất (2) của người Âu, Mỹ nhờ vậy tăng lên mạnh mẽ. Chẳng hạn về canh nông, sức sản xuất lúa của một người nông dân Pháp trong khoảng từ 1800 đến 1939 đã tăng lên gấp năm ; rồi từ 1939 đến nay lại tăng lên gấp đôi nữa (nghĩa là gấp 10 lần hồi 1800) ; ở Huê-Kỳ, năng suất đó còn tăng mạnh hơn ; năm 1960 bằng 12 hay 15 lần năm 1800.

Về sức sản xuất than, sắt (hai nguyên liệu cần thiết nhất trong đại kỹ nghệ,) sự tấn bộ cũng rõ ràng ; ở Pháp, năng suất tính theo giờ của một người thợ mỏ than đã tăng lên gấp hai lần rưỡi (55 kí lên 145 kí) từ 1830 đến 1952 ; ở Huê-Kỳ, năng suất đó còn cao hơn : năm 1860, mỗi giờ mỗi người thợ đào được 150 kí, năm 1941 đào được 800 kí (3).

Cắt một công lúa, dùng một lưỡi liềm, ta phải mất 1 giờ ; người Âu, Mỹ dùng máy gặt chỉ mất có 35 giây (100 lần nhanh hơn ta) ; đạp một tạ lúa, ta dùng trấu mất hai, ba giờ ; họ dùng máy đập, mất có 10 phút (từ 12 đến 18 lần nhanh hơn ta) Một nông dân của ta mỗi năm chỉ sản xuất được từ 10 đến 15 tạ lúa ; một nông dân của họ có thể làm được 100 héc ta ruộng và gặt được 300 tấn lúa (từ 200 đến 300 lần nhiều hơn ta.) (Theo Fourastié — Pourquoi nous travaillons).

Coi bảng ở trang bên, độc giả sẽ thấy đại cương sự tấn bộ về kỹ thuật trong nhiều ngành hoạt động ở Pháp từ 1820 đến 1955. (Ta nên nhớ ở Huê-Kỳ, sự tấn bộ còn mạnh hơn nhiều).

---

(1) Coi cuốn «Tổ chức công việc theo khoa học» của tác giả.

(2) Năng suất là sức sản xuất của một người hay một cái máy, một héc-ta ruộng đất... trong một đơn vị thời gian nào đó (giờ, ngày, năm...).

(3) Những con số trong đoạn này đều rút ở cuốn La civilisation de 1975 của Fourastié.

Tin Sách

SỐ 28 ĐÃ PHÁT HÀNH
NGÀY 20-10-64

CÓ BÁN CÁC TẠI HIỆU SÁCH

Tác phẩm của Thời-Mới

mưa trong sương

Kịch của Thế - Uyên

80 trang — Giá 20đ.

	Số giờ cần thiết để sản xuất			Hệ số tăng tiến về năng suất	
	1820	1900	1955	Từ 1820 đến 1955	Từ 1900 đến 1955
— Một tấm gương soi mặt rộng 6 thước vuông	115.000	1.000	140	800	7
— Muối kí soude tinh thể	130	7	2,3	55	3
— Chở một người từ Paris tới Toulouse	500	120	32	16	3,8
— Một tấn đường rầy xe lửa	3.200	620	220	15	2,8
— Một tạ lúa mì (ở tại trại)	225	70	25	9	2,8
— Một tạ khoai tây (ở tại trại)	400	350	330	1,3	1,1
— Hớt tóc cho một người	1/3	1/4	1/4	1,2	1
— Một đôi găng bao tay bằng da		8	8		1
— 100 kilô-oát-giờ (Kwh) điện		45	1,2		37
— Một đồ cạo râu và 100 lưỡi dao cạo		180	12		15
— Một bóng đèn điện 100 oát (w)		7	0,9		8
— Một chiếc xe đạp		600	100		6

Ta nhận thấy *sự tấn bộ không được đều*. Có ngành tiến rất mau như ngành làm gương, ngành chế tạo hóa học phẩm (Soude) ngành điện ; ngành tiến vừa vừa như ngành canh nông ; có ngành không tiến được chút nào như ngành hớt tóc, ngành làm găng bao tay. Riêng về canh nông, cũng có sự sai biệt : năng suất về lúa tấn bộ gấp 10, mà về khoai tây chưa được gấp rưỡi.

Nhận xét trên rất quan trọng, vì nó sẽ giúp ta hiểu được cái hướng tiến của nền văn minh tương lai.

(còn tiếp)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

☆

✱ Có những cuốn sách ta chỉ nên nếm thôi, có những cuốn khác ta nên nuốt sau cùng có những cuốn (số này rất ít) ta nên nhai và tiêu hóa.

Francis Bacon

QUÀ TRANG NHÃ

BẠN ĐỌC HÃY TÌM CHO ĐƯỢC :

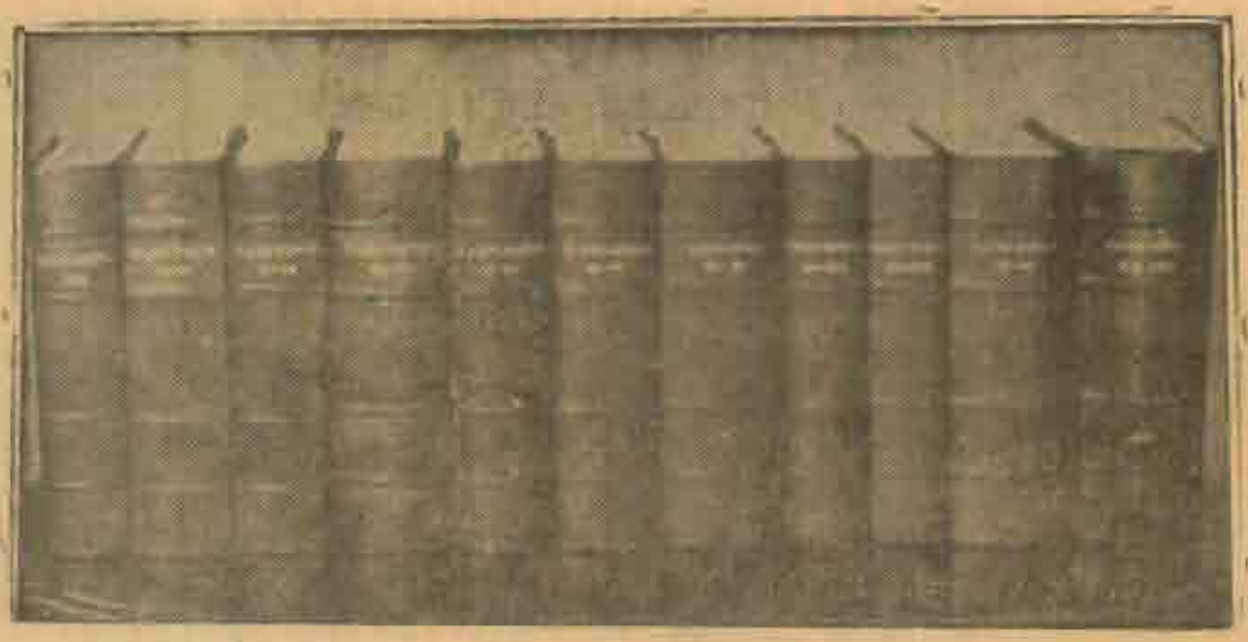

BÁCH - KHOA ĐÓNG TẬP

8 NĂM : 23 TẬP

(188 SỐ)

8 TẬP (1957 — 60) MỖI TẬP 12 SỐ (giá 1 tập 110).

15 TẬP (1961 — 64) MỖI TẬP 6 SỐ (giá 1 tập 65).

(ở xa thêm cước phí)

MỘT BỘ BÁO CUNG ỨNG TÀI LIỆU MỌI MẶT, VỚI TRÊN 1600 BÀI BIÊN KHẢO VÀ TRÊN 1000 SÁNG TÁC VĂN NGHỆ ĐỦ LOẠI CÙNG 3 CUỘC PHỎNG VẤN LỚN VỀ VĂN NGHỆ VÀ HỘI HỌA

MỘT BỘ BÁO LỢI ÍCH CHO MỌI GIA ĐÌNH

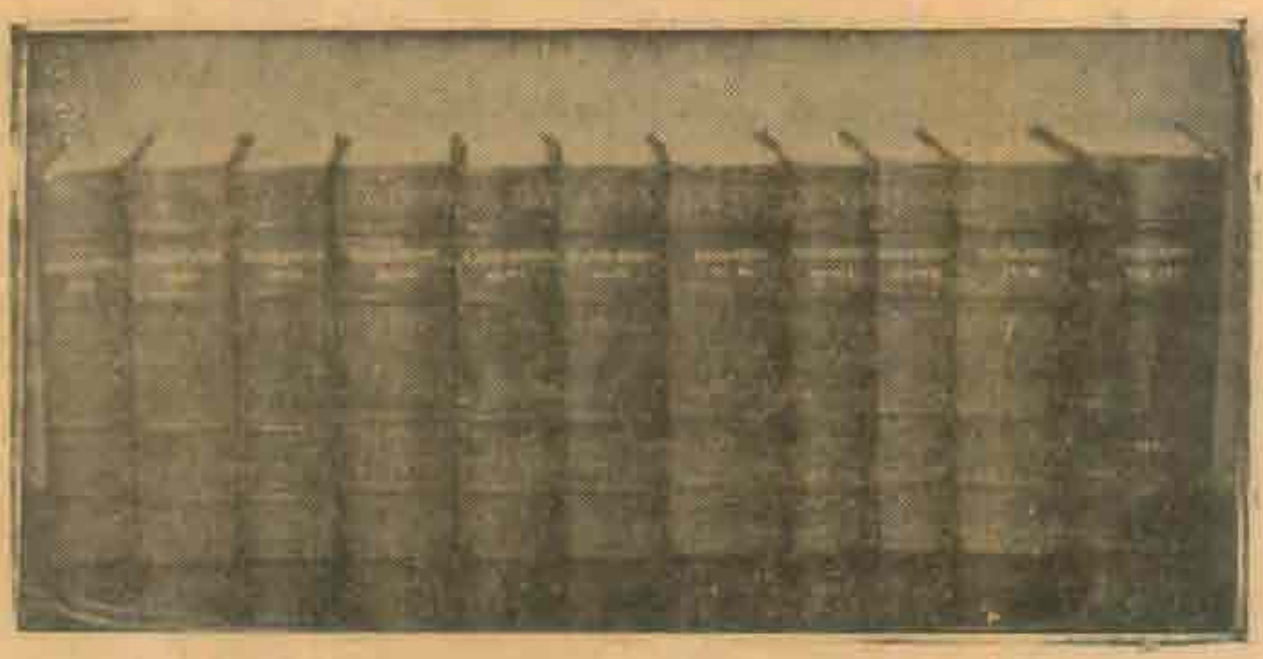

XIN HỎI TẠI CÁC HIỆU SÁCH VÀ TẠI TÒA SOẠN

BÁCH-KHOA *160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAI-GON*

Lá thư Hambourg

MỘNG - TRUNG

ĐẾN mười giờ buổi họp mới bắt đầu và anh Trần là diễn giả thứ tư mà cô Phùng-Há đã có mặt tại hậu trường, lo hóa trang sắm tuồng từ lúc 9 giờ sáng.

Hôm nay người ta thảo luận để tìm hiểu về truyền thống nhạc kịch Á-Châu.

Ông Daniélou, người Pháp, chuyên khảo nhạc Ấn-Độ, nói về ảnh-hưởng nhạc kịch Đông-phương trong nhạc kịch cận đại. Ông Narayana Menon, nhạc-sĩ cổ truyền Ấn am hiểu cả nhạc Á và Âu, tấn-sĩ trường đại học Edembourg và giám đốc hàn lâm viện kịch, nhạc và vũ Ấn-Độ, nói về lối vũ Kathakali một trong nhiều lối vũ Ấn. Dẫn chứng phần lý-thuyết của Ông là một phim màu về sự tập luyện về cách trình diễn của những vũ sinh Rathakali.

Ông Kishibé, giáo sư trường đại học Tokyo nói về kịch nghệ và nhạc trong tuồng hát Nô. Chính ông dẫn chứng bằng một đoạn sáo dùng trong nhạc Nô và phân tách tiết điệu (Rythme) của một câu trống phụ họa theo bước đi của một «Shite» vũ sinh Nhật trong tuồng Nô.

Anh Trần nói về những đặc trưng trong loại « kinh-bí » Trung-Hoa, hát tuồng, hát bộ và cải lương theo lối cổ Việt-Nam. Tất cả những bài thuyết trình của các giáo sư dự hội nghị đã được đăng trước vào tập kỷ yếu của đại hội nghị và cũng được dịch ra ba thứ tiếng

Anh, Pháp và Đức. Hôm nay các ông chỉ nói rõ thêm những điểm nào quan hệ trong bài thuyết trình hoặc dẫn chứng những đặc trưng trong kịch nghệ nước mình mà thôi. Cũng như tự bao giờ, anh Trần đích thân trình bày những cách dùng quạt, vuốt râu, những điệu cười để khán giả hiểu qua một ít đặc trưng rồi từ đó anh đưa mọi người dễ dàng vào lớp tuồng Phụng-Nghi-Đình với tất cả hào hứng sẵn có nơi họ Mọi người đều ngạc nhiên khi nghe anh giới thiệu cô Phùng-Há đã 40 năm trong nghề và hôm nay cô sẽ diễn tuồng với con và cháu của bạn đồng niên và cũng là đồng nghiệp của cô, tức hai cô Năm Phỉ và Bảy Nam. Ai cũng chờ xem dung nhan cô Phùng-Há thế nào mà còn đóng được một vai võ tướng trẻ trung. Anh cũng không quên xin khán giả rộng lượng cho nếu hai nữ kịch sĩ Việt-Nam có sơ sót điều chi trong lúc trình diễn. Vì điều kiện khó khăn đặc biệt cho hai cô là phải vừa lo diễn xuất vừa cố nghe tiếng nhạc buồn vui mực thước có sẵn trong cuộn băng để trình bày lớp tuồng cho ăn khớp, chớ hai cô không được giàn nhạc phụ họa theo mình như thường lệ.

Bạn ạ, không lẽ mèo lại khen mèo dài đuôi, thật ra từ buổi họp bắt đầu đến giờ chỗ có anh Trần là được khán giả hoan nghênh nhất. Cách giới thiệu kịch sĩ Việt-Nam của anh hết sức hấp dẫn, giọng cười khoái trá và tiếng vỗ tay từng chập nổ vang cả phòng nhóm.

Thành công của anh Trần về phần trình bày nhạc lý đã tạo thêm rất nhiều thiện cảm cho khán giả đối với hai kịch sĩ Việt-Nam, mà thành công về diễn xuất của một người không phải là kịch sĩ chuyên nghiệp còn làm cho hai cô Phùng-Há và Kim-Cương phấn khởi, tự tin mà quên hết những mặc cảm tự ti hai cô đã mang nặng từ hôm mới sang Hambourg đến nay trước bao nhiêu tai mắt to sáng của giới kịch nghệ Âu Châu.

Anh Trần vừa dứt lời giới thiệu thì hấp lực lớp sóng pháo tay của khán giả đẩy từ hậu trường ra sân khấu một Phùng-Há lòng đầy tin tưởng, mặt nhuần nét tươi cùng với những bước đi vững chắc thành công.

Qua ba diễn giả đầu tiên, phim ảnh đối với khán giả không khác nào chất ăn khô hay đồ hộp. Lớp Phụng-Nghi-Đình hiện thời sởn sơ tràn ấp sống tươi. Thoạt tiên mà khán giả đã ngẩn ngơ trước chàng võ tướng tuấn tú, xiêm giáp rỡ ràng lạ mắt. Hóa trang hết sức cẩn thận, múa đường lên ngựa nhịp nhàng, cô Phùng-Há vô cùng linh động vừa oai vệ, vừa xinh đẹp, khán giả, nhất là người Âu-châu, không thể nào đoán được tuổi cô. Đến nhịp trống trụ bộ, tiếng nhạc và cả người cô ngưng đọng lại một giây giống như bức tranh sống động rực rỡ với tầm vóc yểu điệu ẻo lả của Kim-Cương mà mỗi cử động của cô là cả một vùng sao sáng lấp lánh di chuyển trên vóc bạch y mềm sóng. Giọng cô Phùng-Há như chuông, trầm bổng theo tiếng nhạc từ hồi ngọt ngào, gay gắt, não nùng

khiến cho khán giả ngoại quốc không hiểu lời mà cũng có thể rung cảm theo cô trong những lúc ghen lúc giận, lúc yêu. Kim-Cương nhõng nhẽo và quến rũ thần tình, chẳng những làm xiêu được anh hùng Lữ-Bố mà bao nhiêu sinh viên Đức trong hàng khán giả cũng thờ thẫn say mê. Trai tài gái sắc, xứng kép xứng đào, hai nữ kịch sĩ Phùng-Há và Kim-Cương lột tinh thần lớp Phụng-Nghi-Đình bằng cách diễn xuất rất điêu luyện. Sân khấu như hòn đá nam châm, mấy trăm thức giả bị nó thu hút từ đầu cho đến phút chót rồi những tràng pháo tay bật tung giòn giã kéo dài không dứt. Hai cô phải ra chào mấy lượt tạ tình nồng hậu của khán giả và sau khi ban tổ chức tặng hoa cho hai cô, nếu không vì lẽ phải nhường chỗ cho bà đại biểu Trung-Hoa trình bày nhạc lý và chiếu phim dẫn chứng thì chắc khán giả chưa chịu buông tha cho hai cô vào buồng.

Đến đây, dường như khán giả đã hả hê no đủ nên khi bà đại biểu Trung-Hoa Đài-Bắc lên sân khấu mà bình luận về lớp Phụng-Nghi-Đình vẫn còn sôi nổi. Không nói, hẳn bạn cũng biết là được khen ngợi rồi. Tuy vậy, còn hai đại biểu Nga và Trung-Hoa nữa thì mình mới biết giá trị kịch nghệ Việt-Nam thế nào. Nỗi lo sợ từ mấy tháng nay lại càng tăng gia. Đoàn vũ Rathakali không đến đây được, đỡ một mối lo nhưng bửu bối của Nga và Trung-Hoa mình chưa được biết. Nhất là người Tàu mà đóng tuồng Tàu thì chắc chắn phải hơn mình, mà truyền thống nhạc kịch Việt-Nam lại ở trong truyền thống Trung-Hoa đi ra thì bạn nghĩ không lo sao được. Nhìn qua bản đồ quốc-tế, nếu bạn không khỏi ngợp ngút khi thấy thân phận nước Việt-Nam thân yêu của chúng ta chỉ là một chót đất nhỏ bé cheo leo ve ra ngoài biển cả thì bạn sẽ đoán được cái đoàn « Nhạc-kịch Việt-Nam tự nguyện » nầy bị ngột ngạt là dường nào dưới áp lực nhạc kịch quốc tế đang bao trùm lấy họ trong buổi họp hôm nay. Ai nấy hồi hợp đợi chờ. Thắng bại nơi này nếu chỉ vì lợi thì cầm bằng như thua một ván bài, nhưng đây là cả danh dự của một nước và của một đời nghệ sĩ nên tâm hồn của người đem chuông đi đánh xứ ngoài bị ray rứt không ít.

Bà đại biểu Trung-Hoa Đài-Bắc gặp rất nhiều khó khăn do nước Việt-Nam nhỏ bé mà đến giờ chót bà mới thấy không phương cứu vãn. Bà lên sân khấu nói rằng bài thuyết trình in sẵn trong tập kỷ yếu của anh Trần chẳng những quá đầy đủ mà các điểm quan hệ anh đã nhấn mạnh thêm làm cho bà không còn biết nói gì về nhạc Trung-Hoa được nữa. Đã vậy dẫn chứng phần lý thuyết của anh Trần lại cũng là lớp tuồng thuộc truyện Tàu, nên bà chỉ còn sơ lược cốt chuyện và cho chiếu phim để trình bày nghệ thuật nhạc kịch Trung-Hoa mà thôi.

Chắc bạn đã nghe... Việt-Nam thở phào ? !

Khổ tâm cho bà hơn nữa là không ai định trước mà cuốn phim của bà cũng lại là vở tuồng Phụng-Nghi-Đình !

Lớp Phụng-Nghi-Đình của Việt-Nam chỉ gồm có một đoạn Lữ-Bố hờn ghen tìm Điêu-Thuyền cật vấn. Điêu-Thuyền giả đòi tự tử và lấy lại lòng tin yêu của Lữ-Bố, nhưng y phục tinh thần trong vẻ mặt cùng sức truyền cảm trong giọng nói và điệu bộ của kịch sĩ bằng xương bằng thịt bao giờ cũng vẫn gần gũi với khán giả nhiều hơn là hình bóng không hồn trong phim ảnh.

Phim Trung-Hoa rất dài, bắt đầu từ lúc Lữ-Bố phá thạch, Điêu-Thuyền bái nguyệt cho đến lớp chót là Đổng-Trác bị Lữ-Bố giết chết, nhưng khi phẩm đã kém thì lượng có hơn nhiều chỉ làm cho khán giả thêm chán mà thôi. Người ta không thỏa mãn về phim này vì lẽ đạo diễn cuốn phim là người Mỹ. Y không biết tí gì tế nhị trong nghệ thuật kịch trường Á-Đông mà chỉ chú trọng về bề ngoài, cố làm thế nào xem cho đẹp mắt và rơm rả đến lố bịch. Ví dụ trong buổi tiệc đãi Đổng-Trác — bạn đã biết từ thời đó đến nay cách bao nhiêu thế kỷ — mà lại cho mĩ nữ múa lụa theo tân thời và hát âm nhạc cải cách Trung-Hoa. Lữ-Bố thì điệu bộ quá mềm không oai vệ chút nào. Câu chuyện là cả một nghệ thuật đóng kịch xuất phát từ trong nội tâm của nhân-vật Điêu-Thuyền và quan Tư-đồ ngoài thực tế ngày xưa cũng như trong vở tuồng hôm nay, vậy mà đạo diễn chỉ quay vào phim mỗi lớp một màn thật ngắn. Thì giờ không đủ cho kịch sĩ diễn tả được tình tiết mà đào kép trong phim diễn xuất thua Phùng Há và Kim-Cương nhiều bực, người ta có cảm giác là xem phim quảng cáo, không làm xúc động được khán giả.

Xem qua vài lớp, cô Kim-Cương đã bớt lạnh tay chơn, Anh Trần cũng vững bụng gõ cửa kêu cô Phùng-Há thay y phục gấp để kịp ra xem nghệ thuật kịch trường Trung-Hoa Đài-Bắc mà mừng rằng thành công chắc chắn sẽ về Việt-Nam.

Giáo sư Taktakkischvili, đại biểu Nga, cho nghe những cuộn băng ghi âm về nhạc kịch của các dân tộc Á-Châu thuộc khối Liên-Xô. Nhạc và cách hát rất hay nhưng tiếc rằng người ta chỉ nghe chứ không thấy hình ảnh và màu sắc. Khán giả bây giờ lại trở thành thính giả cho đến khi hội nghị bế mạc vào lúc 1 giờ trưa.

Khán giả chạy lại, ai cũng muốn bắt tay khen ngợi hai kịch sĩ Việt-Nam nhưng hai cô sợ dùng cơm quá trễ không còn thì giờ để kịp đi dạo thuyền trên sông Elbe do ban tổ chức mời nên ai nấy phải lẳng trốn bằng ngã hậu. Ông Jack Bornoff, thơ ký chấp hành H. Đ. Q. T. A. N. đến bắt tay anh Trần khen ngợi và xin lỗi vì bận nhiều việc nên ông không

thể tiếp rước hai nữ kịch sĩ nồng hậu hơn theo lòng ông mong muốn. Ông cho biết cũng như chúng tôi đã nghe thấy là mọi người đều cho lớp Phụng-Nghi-Đình Việt-Nam là «cây đinh» (le clou) của hội nghị. Cô Kendergi nhân viên sở vô tuyến truyền hình Gia-Nã-Đại ôm hôn cô Kim - Cương mà nước mắt lưng tròng. Cô bảo đấy là lần đầu tiên cô bị xúc động trước cách diễn xuất tài tình của kịch sĩ ngoại quốc mặc dầu cô không hiểu tiếng Việt. Cô tiếc rằng đài Gia-Nã-Đại vì một lẽ riêng mà được tin cô chậm mất hai ngày nên cô không có chuyên viên để quay phim lớp Phụng-Nghi-Đình. Bạn xem, cũng tội cho cô, chẳng những cô trễ việc ở Hambourg mà mấy ngày sau hội nghị nhóm ở Berlin, lúc cần dùng chuyên viên của cô cũng chưa đến.

Về khách sạn mọi người hối hả đi dùng cơm mà lúc dọn ăn, bồi bàn lại quá chậm, ai nấy đều nóng cả ruột. Mãi hơn hai giờ mới xong đâu đấy, mọi người tất cả đến Musik Halle lấy xe « car » đến bờ sông Elbe đi dạo thuyền với phái đoàn các nước.

Rõ cuộc đời người ta chỉ lo tranh đấu liên tục để chống lại mọi thất bại. Mới thành công việc nầy thì anh Trần lại lo bị hỏng việc khác. Đang dùng cơm anh nói gỡ rằng «bồi bàn dọn ăn quá chậm, không khéo khi mình đến nơi thì xe người ta chạy mất và bỏ mình ở lại ». Quả thật bạn ạ, khi bọn này thướt tha lệt bệt chỉ còn độ trăm thước nữa đến nơi hẹn thì xe «car» đã rời bến thẳng xông một mạch ; mặc tình cho anh Trần quên cả đau ốm mệt mỏi chạy theo xe vừa kêu vừa ngoắt giống những hành khách bên mình lội đồng băng ruộng chạy ra lộ kéo xe làm ai cũng tức cười. Càng rõ mình quê hơn nữa khi thấy một ông trầm tĩnh đến bảo anh đừng lo, còn những ba chiếc xe nữa ban tổ chức đã mướn sẵn để chở hết khách đi dự hội nghị ra bến tàu.

Một đoàn bốn chiếc xe vừa đến bờ sông Elbe, đoàn « kịch sĩ Việt-Nam tự nguyện » vừa bước xuống thì mọi người ào lại bắt tay khen tặng. Bây giờ thì không trốn được nữa và cũng không ai muốn trốn. Toàn là những nhà tai mắt, các cô tha hồ mà chạm mặt với vinh quang. Nhạc sĩ Dallapiccola nắm tay cô Phùng-Há và nồng hậu rằng đây là lần đầu tiên ông được xem kịch nghệ Việt-Nam và ông đã bị xúc động trước sự diễn xuất hấp dẫn và điêu luyện của cô, ông rất thỏa mãn về sự tế nhị trong nghệ thuật kịch trường Việt-Nam. Ông chụp hình chung với hai cô để kỷ niệm buổi gặp gỡ và khi về ông đề tặng cô Phùng-Há một tấm ảnh «tặng bà Phùng-Há để kỷ niệm nghệ thuật bất hủ của bà với lòng ngưỡng mộ».

Ông André Boll khen ngợi cô Phùng-Há rồi bắt tay anh Trần mà đùa một câu với chín chục phần trăm sự thật : Nếu ông đi một vòng nước Pháp mà giải thích và trình diễn như vừa rồi thì chắc chắn ông sẽ giàu to»

Cô Phùng-Há và ông André Poll, nhà phê bình âm nhạc kịch nghệ tại Balê

Ông cũng đề tặng cô Phùng-Há một tấm ảnh « Tặng bà Phùng-Há, người đã trong giây phút biết diễn tả đặc tính tế nhị của nghệ thuật kịch trường Việt-Nam.

Ông Correa de Azevedo coi về ban văn hóa U.N.E.S.C.O. bắt tay cô Phùng-Há khen «Thật là nghệ thuật cao siêu ! » ông đề tặng cô Phùng-Há trên tấm hình ông chụp chung với cô một câu « Để ca ngợi vẻ đẹp của bộ điệu và y phục trong kịch trường Việt-Nam và cách diễn xuất thần tình của hai cô Phùng-Há và Kim-Cương ».

Còn bao nhiêu người nữa đến khen ngợi hai cô mà tôi không thể kể cho bạn nghe hết được. Quan hệ là ông giám đốc đài vô tuyến truyền hình ở Vienne ngỏ ý muốn mời các cô sang nước Áo để ông quay phim lại lớp Phụng-Nghi-Đình. Đại biểu Philippines cũng mời hai cô sang diễn ở nước ông. Một kịch sĩ Tunisie 68 tuổi xin chụp chung với hai cô một bức ảnh kỷ niệm và bảo rằng không phải ông muốn làm thân với những người kịch sĩ tên tuổi mà là muốn đứng chung với những người đồng nghiệp vì ông đã 53 năm ở trong nghề hát.

Nhớ lại lúc mới đến tập tuồng, mọi người đến nhìn kịch sĩ Việt-Nam với cặp mắt e dè xa lạ như đối với bao nhiêu người khác, vậy mà sau khi diễn xuất rồi, tài năng luôn luôn là một nhịp cầu ấm áp, nồng-hậu đưa mọi người đi đến với mình. Buổi sáng hai cô là khách suông mà buổi chiều đã là những nghệ sĩ tên tuổi rồi.

Sông Elbe rất rộng lớn dài đến 680 cây số nhưng nước không sâu vì cát bị cuốn theo nước đọng lại thành những bãi lạng ; lối lõm trong sông có rất nhiều đảo con con. Tuy vậy cá rất nhiều và về mặt thương mãi sông nầy đem lợi to lại cho nước Đức. Cửa sông đổ ra bể và rộng đến 16 cây số.

Thuyền cập bến, mọi người lục tục leo đồi. Trên đó đã sẵn trà bánh cho các phái đoàn ngồi ăn ngắm cảnh. Đường đi bộ xa và quanh co. Một bà Đức lái xe đi ngang thấy người Việt-Nam áo quần lả lướt lại không quen leo đồi nên đi chậm hơn tất cả mọi người. Bà ngừng lại

mời cả bọn lên xe rồi chở đi. Rốt cuộc mình đi sau mà nhờ người thương nên đến trước.

Cửa bể mênh mông nước trời cao rộng căng dài ra cõi vô biên một màu xanh man mác. Muôn trùng sóng nước tung tăng nhảy bắt vô số mảnh vàng lung linh của nắng chiều rớt lại. Hoàng hôn êm dịu dặt dìu trong gió thở hắt hiu, người ta ngỡ mình đang say trong tơ nhung của cuộc đời son thắm đang mơn trớn bao trùm vạn vật. Nhưng ở cuối chơn mây xa mút, vầng thái dương đỏ rực như một lò máu và lửa đang chìm lần qua phía bên kia trời tang tóc. Tâm sự trở giấc trong hồn, ai đó tự nhiên thấy mình sao quá yên ấm đến não nùng.

Ban tổ chức đãi trà, cà phê và bánh ngọt. Hai cô không thích trà và cà phê nên lại gọi cà rem (glace) vì nghĩ rằng mình không thích món nầy thì mình gọi món nọ, ban tổ chức không tốn tiền cà phê thì tốn tiền cà rem. Không ngờ khi bồi bàn tính tiền thì cà rem về phần khách hàng phải trả, vì không tốn trà và cà phê chỉ là lợi riêng của chủ hiệu còn dùng cà rem phải tốn tiền túi của mình là công việc dĩ nhiên của khách hàng ! Ở thế giới văn minh có những việc sòng phẳng và ngược lại rất lịch sự và rất bất ngờ mà mình không chờ đợi. Cũng như ở chợ nhóm mỗi khi bạn mua một món hàng dầu thật mắc cũng vậy, khi bỏ hàng lên cân thì người bán gói hàng bằng miếng giấy thật to. Như vậy tức là bạn mua giấy vụn bằng một giá với món ăn hảo hạng.

Tàu chở hành khách trở lại bến cũ vào khoảng 6 giờ chiều, mọi người dùng cơm gấp để 7 giờ tối ban tổ chức lại mời đi xem nhạc kịch Đức.

Vào Opéra, trước tuồng «Bạo chúa Œdipe» (Œdipus der Tyrann) nhạc phẩm của Carl Orff. Tuồng được diễn xuất theo lối mới, hát ít mà nói lối rất nhiều. Tuy không ai hiểu tiếng Đức nhưng xem không chán vì là một chuyện tình rất gay cấn. Kịch sĩ Gerhard Stolze hát thật hay được khán giả vỗ tay hoan nghinh từ chập. Cũng may cách nói lối, viết nhạc và đánh trống trong tuồng rất giống Á-đông ; đối với những người mù tiếng Đức và mù nhạc như mình thật cũng dễ nghe.

Vãn hát, mọi người được mời lên từng lầu phía trên Opéra dự tiệc Champagne do ông chủ tịch thượng nghị viện Hambourg đãi những người tham dự hội nghị. Ai cũng mệt và đau không dám dùng rượu mạnh, chỉ có cô Kim-Cương cao hứng uống nhiều. Trong buổi tiệc người ta còn nhắc lại tuồng Phụng-Nghi-Đình và khen ngợi hai cô. Dây chuỗi thành công trong cuộc đời nghệ sĩ của hai cô hôm nay được thức giả trên thế-giới xâu thêm vào đó một viên ngọc to đẹp sáng lòa.

Phóng viên báo chí đến xin chụp hình và phỏng vấn anh Trần có ông không chen đến gần được mà muốn cho báo ra mắt độc giả trước

đồng nghiệp mình, nên về nhà phóng đại tin vịt mười phần nguy hại hơn ông phóng viên ở Sion độ nọ... « Ông Trần-Văn-Khê nhạc sĩ và học giả Nhật-Bản cùng phu nhân và lịnh ái ; cả hai đều là kịch sĩ v.v...» Cũng may khi báo sắp lên khuôn, ông ta còn tiếc trở lại tìm anh Trần hỏi thêm vài câu nên anh Trần mới hay tự sự. Anh phải đến tận nhà báo cải chính và hăm thưa kiện lung tung thì họ mới chịu cắt bỏ hình anh và hình cô Phùng-Há cùng cái câu ác hại trên đây ; nếu không thì đã mang thêm miệng lần lưỡi mối... Tây phương rồi.

Ra khỏi Opéra, xa ánh đèn chang chát và trân tráo của cảnh đời thật tế của lửa hân hoan trong tim hồn mới lại rộn rã cháy lên. Hơn một giờ khuya mà không ai chịu về phòng nghỉ, cứ đi bộ lang thang vừa vớt vát xem thành phố về đêm vừa sống những giây phút huy hoàng tuy đã qua nhưng thật sự chứ không là mộng tưởng nữa.

Một bầy con tíu tít vui mừng như vừa đem được quà quí về cho người mẹ ở phương xa.

Về phòng, Kim-Cương cứ lục đục không ngủ lại định giấu tất cả giày dép của những người đi dự hội nghị hiện đang ở tại khách sạn nầy ; (vì giày của mọi người đều để trước cửa phòng ngủ cho bồi phòng đánh bóng) không ai biết cô vì say men Champagne hay vì say hương lạ của trời Âu.

Sáng ngày nhớ đến những món quà kỷ niệm nhưng không ai đi mua sắm nổi. Còn độ một tiếng đồng hồ nữa máy bay sẽ rời phi trường Hambourg thì cậu sinh viên Đức si tình đương giờ làm việc lại bỏ sở đi taxi đến khách sạn để đưa nàng Điêu-Thuyền khả ái ra tận sân ga.

Đôi cánh phi cơ căng bồng trong không khí. Trời không nắng cũng không mưa, nhưng trước mắt đoàn «kịch sĩ Việt-Nam tự nguyện» ánh vàng «chiến thắng» còn vương sáng góc trời Hambourg.

Chuyến về nhờ đã quen lại vui nên ai tặng hay đãi món gì cũng ăn cũng nhận cũng vui vẻ giữ lấy cho mình, hai cô không còn dùng dằng chờ trả cho. . . đời cái chi chi như lần ra đi nữa. Chỉ khác có điều là lòng người con dân vẫn hướng mãi về nước mẹ thân yêu và luôn luôn mong muốn chia sớt về đó một phần nào hay tất cả nghĩa sống cuộc đời nhỏ bé của mình.

Balê Hè 1964

MỘNG-TRUNG

Vòng tay học trò

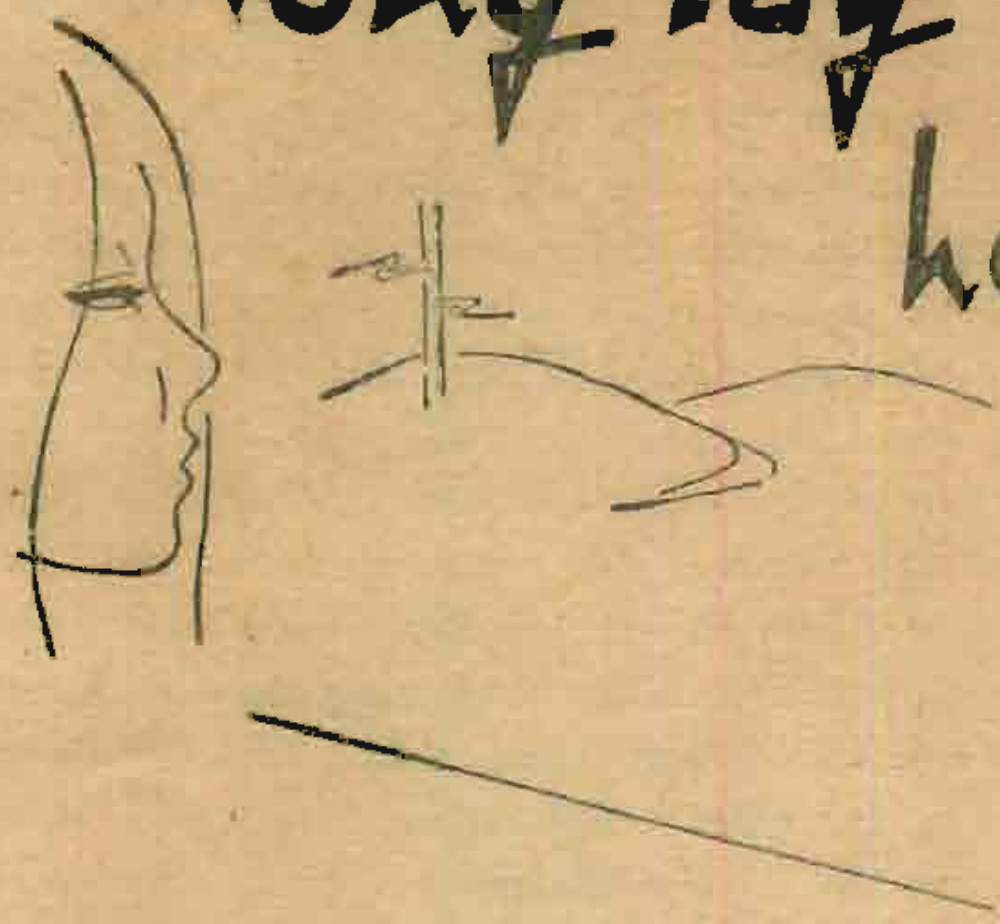

Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

PHẦN THỨ BA

21 PHÒNG mạch nhỏ hẹp đông đúc. Hai người chờ đến một giờ mới đến lượt Minh khám. Trâm lắng nghe những tiếng nói bên kia tấm vách mỏng. Chỉ có tiếng giày nhẹ nhàng xê dịch, và ống chích chạm xuống hộp sắt. Tiếng rì rầm thật nhỏ. Một lúc. Rồi cửa bật mở, Trâm xô ghế đứng lên.

— Thế nào Minh.

Mặt Minh đỏ hồng cúi xuống hai bàn tay lúng túng vân ve cái toa thuốc. Một chớp mắt, Trâm nghẹn cổ trong một linh cảm đột ngột. Giọng nàng tàn nhẫn

— Sao vậy, chích pénicilline à ?

Nụ cười lệch lạc trên nét mặt căng thẳng Minh vò tay lên đầu tóc rối, cơn xao động mất thăng bằng đẩy dúi Minh về phía trước và Minh nói trong tiếng cười nghẹn tắc :

— Tên bác sĩ... mất dạy, hắn bảo hớt chơi bời đi, không được thức đêm hút thuốc nữa. Sao lúc này hắn chào cô lịch sự thế. Quen à ?

Có gì rạn nứt, ào ào đổ xuống trong hồn Trâm và nàng muốn nhổ lên sự thật bẩn thỉu :

— Quen. Biết. Tôi biết hết tất cả mọi người trước khi gặp Minh. Cũng chơi bời dữ nhưng còn kém, chưa được thầy thuốc cấm.

Như máu chảy nhiều trên vết thương cho cơ thể yếu mòn ngã xuống, ngôn ngữ trơ tráo rút hết thăng bằng trong trí Trâm, hai tay lạnh ngắt và

nàng bước lảo đảo xiêu đổ xuống con đường phố dốc. Nàng xoay vòng tròn trên những mái nhà xô giạt đổ nghiêng. Mùi nước hoa và dầu chải tóc ngài ngái nồng nồng của bọn đàn ông đi ngược chiều tạt qua lợm giọng. Trâm đi mỗi lúc một nhanh. Dãy phố chạy lùi về phía sau và Trâm như đứng im bất động chết điếng ra đó. Tất cả lùi xa và lún sâu xuống cho mình nàng chênh vênh trên một bờ vực giữa vòm trời tranh tối tranh sáng giữa bình yên và bão tố. Mình né tránh một người hấp tấp đi ngược chiều bàn tay tình cờ chạm nhẹ vào lưng nàng. Vài áo bỗng cháy xém trên da thịt Trâm. Người nàng bừng hực bốc lửa và chỉ một thoáng sau khắp trời tro tàn lả tả rơi bay. Mù sương giăng mờ hai mắt nhìn chập choạng. Vừa đủ cho nàng trông thấy Minh thoắt xa mờ và lạc loài đi như ngã xuống một vực sâu trước mặt. Bàn tay buông xuôi. Những ngón trắng hồng rời rạc xa nhau duỗi xuống theo chiều dài thân thể. Trâm ngó xuống những ngón hồng hồng màng muốt mềm thon đó. Nhớ đến lời người thầy thuốc qua giọng cười thản nhiên của Minh. Nàng muốn soi thấy trong bàn tay ấy những ngõ ngách lù mù đời Minh giấu kín. Bàn tay đó làm gì. Bàn tay đó đã làm gì trời ơi. Trâm muốn nhai cho rữa cho tàn màu xương da óng ánh đó. Năm ngón đã điêu tàn phung phá. Năm ngón bàng hoàng thức tỉnh trong tay tôi, năm ngón chập chờn sóng bão tình yêu đan vào năm ngón tay không lời ước hẹn. Những ngón tay chứng tích vàng ngàu nhựa thuốc. Những đêm dài hoen ố chiếu chăn. Thôi, mày câm đi, câm đi những ý nghĩ đó nghe Trâm.

Tay Minh lại chạm nhẹ vào tay Trâm và bằng phản ứng của quái vật bị thương, nàng đi lùi lại một bước. Toa thuốc nằm ngất ngư trong ví. Vì trong bàn tay lạnh ngắt lên cơn khoản trống chẻ đôi bàn tay và thân hình. Một phần nào cơ thể nàng chợt rụng rời buông xuống. Từng niềm cảm giác lạnh toát ngán ngao dâng lên. Sự thù hằn không đâu nổi lềnh bềnh trên vùng đen ý thức. Bọn người qua phố bỗng nhiên phá lên cười với nhau. Trâm lừ mắt vào khuôn mặt mình hiện lên một tấm kính nhà hàng lớn. Sao mày lại trân trối nhìn tao Trâm. Một mảng trời hư vỡ xuống. Nàng trôi trên một dòng sông đều đều chuyển động như nước sữa chảy từ nồi gạo xuống thùng chứa. Và nàng nhìn lại Minh. Đôi môi hồng của người con trai hé cười trong một cơn say trơ tráo mê muội nào đó với mũi giày mờ bụi và những ô đá vuông hè phố. Áo Minh bỗng trắng ngát như một vầng mây nõn mùa hè giữa đỉnh trời xanh. Khoảng cách giữa hai hột nút hé mở một đường da ngực nõn hồng. Làn da mỏng và non phủ êm cảm giác lên da thịt người gần gũi. Thân hình gầy gò mảnh dẻ ấy, Trâm nghĩ và muốn chết, làn da mong manh hồng nõn ấy, ngực áo trắng toát thơm mùi trăng khuya và gió sớm ấy, tất cả, sự sống và sự chết của tôi ấy, quằn quại bưởi sức mạnh kỳ dị của những cơn đam mê khoắc khoải nào, những cánh tay cám dỗ, những mời gọi ân cần, những yêu thương gần gũi nào. Tại sao như thế mình ơi. Tại sao em như thế. Từ bao giờ. Trước ngày có tôi. Trong lúc còn tôi. Và bao giờ không còn tôi nữa. Sao em như thế. Sao tôi như thế. Sao sự sống của mỗi người

lại bi thương và hài hước như thế. Nhưng em có sung sướng không. Sung sướng một phút nào không. Không. Cũng như tôi. Không một phút nào. Để qua bao nhiêu bến bờ hoang mê đó, con đò còn ngao ngán buông trôi. Con mắt nhìn vô hồn vào bóng tối. Miệng mở hé trong bao lần môi hôn vô giác chán chường. Đôi tay mở ra đôi tay khép lại, không một lần khép kín vòng cung tình ái. Mình có gì đâu. Mình còn gì nữa. Sự sống mất tăm hẳn ý nghĩa rồi. Và tôi và em và chúng ta tìm kiếm lạc loài vô vọng một mãn nguyện không đời nào có. Không có giữa chúng mình. Giữa em với một người nào. Giữa một người nào với tôi. Tất cả đều biền biệt xa nhau, yêu nhau và mất nhau giữa lúc còn gần gũi.

Bên lề một ngã tư đường, hai người đứng song song nhau. Một người con gái áo trắng đi gần lại, mấp máy môi : cô ạ. Hai con mắt đen mở lớn trong vành nón che nghiêng. Cái nhìn xéo qua phía Minh trước khi mất hút. Trâm nhìn bốn phía. Nhiều cặp mắt đổ dồn lại nơi nàng đứng. Mái tóc xõa rối. Cái áo dài kẻ sọc nhiều màu. Và sự có mặt ngang nhiên của người con trai bên cạnh. Sao mình lại là cô giáo. Trâm gào lên bằng tiếng câm

Nàng nhìn lên mặt Minh không hiểu vì sao mỉm cười và nỗi vui căng tròn hai gò má.

— Đi đâu cô ?

— Mua thuốc cho Minh.

— Không chịu uống đâu.

— Tôi bắt Minh uống.

— Cách nào.

Trâm cười nguẩy đầu tóc cắt đôi khuôn mặt. Con mắt đen muời hạt nhãn còn lại nhìn lên. Tia nhìn giao nhau trong một ước muốn vô tình tội lỗi. Mua thuốc xong, hai người còn đi quanh quẩn trên đường phố. Dần dần, rồi Trâm không còn cảm thấy gì cả. Không cảm thấy gì về những chuyện đã và đang xảy ra giữa hai người, giữa hai người với đám đông luân chuyển xung quanh. Những điều đã làm đã sống Trâm tưởng là ghê gớm là tràn đầy khác thường liều lĩnh. Bây giờ tất cả vô nghĩa và rỗng tuếch. Cả đến ý định thách thức bất chấp của Trâm đi công khai với Minh ngoài phố một lần cho những người quen bắt gặp cũng không còn hứng thú nữa. Mình làm gì vậy, ích gì, thay đổi gì được bộ mặt đời sống đâu. Nàng lại nhìn sang Minh. Nụ cười trên đôi môi hồng đã chết. Vệt tóc bơ phờ vương xuống trán. Hai con mắt lơ láo nhìn ra bốn bề quanh quất vô thức kiếm tìm. Sau hình hài có thực đó là gì. Màn sương lờ mờ trắng đục. Màu đen màu đỏ màu trắng quay cuồng trong tâm thức kín đặc hư vô. Cũng đến như nàng. Như mọi người. Điều mỗi người tìm không thể có bất cứ nơi đâu trong đời sống. Minh xa lạ và riêng rẽ hoàn toàn. Trên hè phố chiều nay Minh với nàng là hai thực tại lạc lõng tầm thường, như hai phiếm lá quay theo chiều gió, hai viên sỏi lăn êm xuống bờ vực sâu. Sự hiện

hữu trơ trọi mất liên lạc với đời với nhau hoàn toàn. Những tương quan gán ghép chỉ là nhãn hiệu, ảo tưởng. Sự nhàm nhạt thành thói quen và con mắt vô thức của thiên hạ không nhìn thấy khía cạnh méo mó của đời sống nên vẫn thản nhiên chịu đựng. Nhưng với Trâm, khuôn mặt nhợm nhở của thực tại đủ hiện hình. Không còn gì lý tưởng và cao xa hết. Ngủ và chiêm bao. Thức giấc và mơ tưởng khoái lạc. Đói và phục vụ bao tử. Làm việc để cung cấp nhu cầu vật chất. Tiếng quay đều của bánh xe rời rã không ngừng : ăn ngủ nghỉ ngơi yêu thương thù ghét chiếm cứ chán bỏ khổ sướng rung động và cuối cùng tê điếng. Đời sống rồi cũng lắng đọng im lìm như thân thể vô tri sau cơn mê cuồng nhục cảm.

— Đói chưa Minh.

Tiếng Minh lơ lửng :

— Không biết. Không đói không no, không cảm thấy gì hết.

— Tôi cũng thế. Nhưng phải đi ăn. Cho xong chuyện.

Họ lừng khừng dã dượi lên xe. Taxi lao xuống dốc phố. Ngồi trong xe với Minh, bỗng dưng Trâm cảm thấy hết nỗi chán ngán nhục nhằn, sự cố gắng thê thảm của sự sống muốn vươn lên khát khao đạt đến một hy vọng, một tin tưởng nào. Tất cả bỗng bẹp dúm méo mó xệ lệch hoàn toàn trong một xẹt chớp suy tư tất cả bỗng đổ nhào như một mảng trời sụp xuống nát vụn trong hồn Trâm lúc đó.

Quán ăn cũ. Nhân vật cũ. Những tình vật cũ. Và dáng điệu cũ, Minh lấy thuốc ra hút. Khói luồn vào hơi thở Trâm. Nàng rùng mình cảm giác một phần nào đời sống Minh lẫn trốn, nằm im trong những mạch máu mê sảng của nàng. Không hỏi Minh, Trâm gọi hai Martini và nói luôn :

— Minh bị cấm. . . nhiều thứ phải không. Nhất định là rượu nữa. Không chết nổi đâu. Dân chỉ chết thì còn ai phá phách đời. Cấm uống càng ngon. Sự cấm đoán nào cũng hấp dẫn. Phần đông chỉ thích những điều cấm. Chỉ vấn đề can đảm và trách nhiệm. Không, trách nhiệm quái gì, chịu đựng. Chịu đựng hậu quả tan tành sau cơn phung phá của mình.

Minh bỗng nói :

— Cô đừng mặc áo này nữa, không đẹp.

Trâm cúi xuống những đường kẻ dài vàng đỏ nâu trên nền áo :

— Ừ, trông như cái cờ.

Men rượu ấm là là bốc lên niềm tâm tưởng xôn xao. Một lúc, Trâm thấy mình hoàn toàn cô lập trong một vũ trụ riêng mù tối. Nàng lơ đãng nhìn ra đường. Một chiếc Anglia màu đỏ sẫm vụt qua. Xe của ông Thường, một người quen của Văn. Văn và chiếc Fiat trắng nệm đen đỏ. Buổi chiều đi với Văn đến nhà trung tướng Kh. Và giọng Văn : ngày nghỉ, sao cô không chịu đi chơi ? Sau đó Trâm trở lại phố, vào Rex một mình. Phim Vérité.

Brigitte kêu gào trước toà án. Sami Frey chờ đợi trong khuya ở bậc thềm. Hai người yêu nhau, nhưng không cùng một lúc. Trâm nhớ mang máng sự thật đó như chỉ, chỉ có thế. Lạc lối ngộ nhận và muộn màng. Trâm nghĩ gì lúc đó, nhớ mong gì lúc này. Trâm không biết. Đến một người. Đến nhiều người có nghĩa là không có ai cả. Sự tuyệt đối tìm kiếm, không có trong đời sống, trong lòng người, và trong chính mình. Trâm nghĩ và nhớ đến những sự thật trông gần, trần trụi và nhơm nhếch. Ảo ảnh lóng lanh đã tan theo khoảng cách. Như khuôn mặt Trâm nhìn xa và gần trong gương. Khi bóng và hình chập vào nhau, không còn gì đẹp nữa. Hàng lông mày lớn lên như một bờ cỏ hoang. Lông mi đen ướt như chân muỗi bị dập nát. Tròng mắt nhờn như một viên bi lớn, láng và mềm, trườn qua lại khó nhọc giữa một lỗ lũng thịt da. Sóng mũi bất ngang từ vầng trán phẳng và buồn như ruộng khô xuống làm chiếc cầu treo nhăn và gãy khi cười, ướt và trơn khi khóc. Hai mảnh thịt nhậy cảm nhất màu tím hồng được gọi là môi hằn những sứa nứt lờ mờ ẩn kín. Cửa ngõ đầu tiên tiếp đón tình yêu đó thường ngụy trang dưới lớp son hồng nào nuột. Như lớp phấn mờ dấu kín những lỗ chân lông giãn nở, những sợi lông măng trắng ngắn và mướt mềm, lớp da ngà cho tình yêu rạo rực đó, sự thật chỉ là một miếng thịt heo hầm chưa nhổ lông. Sự thật trần trụi đó là hình ảnh chung cho tất cả, kể những khuôn mặt đàn bà đẹp nhất. Vẻ đẹp của chính mình, của mỗi người, ở đâu Trâm thường tự hỏi mỗi khi ngồi rũ tóc trong nắng nhìn lên. Những sợi tơ đen ánh lên màu đỏ hung và vàng sậm dưới ánh mặt trời. Loang loáng màu cầu vòng bảy sắc. Tóc tôi nhiều màu, như tình yêu — và tôi không biết đích thực màu sắc muốn thấy. Khuất xa ánh sáng, tóc chỉ còn màu đen. Chia lìa ảo tưởng tình yêu còn gì? Ham muốn và chiếm đoạt. Chỉ thế, giản dị cộc lốc và trơ tráo chỉ có thế. Trâm quay lại với cái nhìn bốc hơi. Ảo tưởng của tôi về điều gì trong em không còn. Giữa chúng mình sẽ xảy ra nhiều ngày tháng tới.

Cửa mở. Minh lừng khừng bước vào và Trâm đẩy cơn gió lạnh lại ngoài kia cánh cửa đóng kín yên lặng, lầm lì, Minh đi lướt qua mặt Trâm không nói một lời, không phác một cử chỉ, lảo đảo vịn thang lầu đi lên.

Trâm ngơ ngác lo âu theo Minh qua lò sưởi. Minh ngồi duỗi chân ra sàn nhà, tựa lưng vào vách, đầu như lã xuống một bên vai, hai mắt nhìn vào khoảng không mất thần.

— Chuyện gì thế Minh.

Đôi môi người con trai vẫn lạnh lùng mím chặt không phải giận hờn, gây gỗ, Trâm linh cảm một biến cố gì đã xảy ra cho riêng mình, Minh cố dấu kín và nàng không có quyền biết.

— Minh có chuyện gì rắc rối lắm phải không.

Yên lặng, rất lâu. Rồi Minh nói như nói với khoảng không :

— Cho xin điếu thuốc.

Trâm đốt thuốc, đặt lên môi Minh kiên nhẫn ngồi xuống chờ câu trả lời. Nhưng Minh yên lặng hút thuốc, điếu này sang điếu khác. Bỗng nhiên, đầu Minh chúi về đàng trước, hai vai rung lên trong một cơn ho rũ rượi. Nàng giật lấy điếu thuốc trên tay Minh và đẩy nhẹ nó nằm xuống. Nhưng Minh bật dậy ngay và thản nhiên cười nhạt, hai mắt vẫn mở vào khoảng không nào đó.

— Trời ơi, nói đi, nói ngay đi, chuyện gì xảy ra ?

Minh quay ngoắt lại :

— Chuyện riêng, đủ thứ chuyện. Cô biết ích gì.

Hai bàn tay Trâm úp mặt :

— Tôi biết. Tôi chẳng ích gì. Tôi chẳng là gì ? Nhưng không lo lắng về Minh sao được. Minh đến, Minh đi, Minh giữ một phần đời tôi...

— À, ra cô nghĩ đến người khác chỉ vì cô, cho cô.

— Tôi ích kỷ, nghĩ thế cũng được. Nhưng lúc này tôi không chịu đựng được thấy Minh sống dằn vặt như thế. Chuyện gì Minh không cho ở nhà biết, không cho tôi hay, Minh giải quyết lấy một mình... Có phải chúng nó lôi thôi gì với Minh ?...

— Chúng nó nào ?

— Tôi không biết. Tôi không biết gì đời sống và những vấn đề riêng của Minh, nhưng tôi linh cảm thấy những điều không hay nào đó. Và cũng có thể... ừ, hay Minh tìm cách hẵn học với tôi. Minh sắp làm gì.

— Thôi, chán ngán cùng tột rồi, cả mọi chuyện mọi chuyện. Cô muốn biết. Cô dò hỏi. Để làm gì, làm gì được đâu. Những chuyện đó không liên can gì đến Cô cả, hoàn toàn không. Cô không tin ?

Minh vớ bao thuốc, sắp bật diêm thì cơn ho rũ rượi lại kéo đến quằn quại cả người. Trâm gỡ điếu thuốc trong hai ngón tay Minh kẹp chặt :

— Đừng hút nữa, tôi van em.

— Gì vậy, đêm qua hút hết mấy bao thì đã sao. Hút thuốc mà chết nổi à. Chết sao được. Phải chết phắt được là giàn xếp xong tuốt.

Giọng Minh bỗng dịu xuống bất ngờ :

— Mấy đêm rồi. Cô không ngủ sao. Cô còn xanh xao mệt mỏi hơn em nữa. Sao cô không chịu sống cho cô. Cô quên mất cô rồi.

Đầu Minh cúi gần xuống vai Trâm. Nàng bỗng lặng người cảm thấy hàng răng Minh cắn nghiến vào mái tóc bơ phờ của Minh. Giọng Minh lạ lùng hẳn.

— Sao cô lo lắng đến thế.

— Minh biết rồi mà.

— Cô vô lý lắm, cô biết không ?

— Ừ, vô lý. Và vô luân nữa.

— Mình tôi lỗi cả phải không ?

— Ừ, tôi tội lỗi nhiều hơn Minh. Có thể Minh vô tội.

— Đừng dành phần, mình bằng nhau.

— Không, tôi hơn em, về mọi thứ tuổi đời đau đớn, tội lỗi và... tình cảm nữa. Giá em không tìm đến. Không. Nhưng tôi không hối tiếc gì đâu, không bao giờ. Chỉ tiếc không được sống trọn vẹn hơn.

— Cô vẫn thích những điều dang dở.

— Vì tôi mê thú đau thương. Nhưng chỉ chịu đựng được đến một giới hạn nào đó. Dang dở nhưng còn đó. Nếu bây giờ bỗng dưng mình mất hút nhau, tôi không thấy Minh nữa. Rồi tôi sẽ ra sao.

Minh cười trong tóc Trâm :

— Cô sẽ tập sống lại như mọi người lâu rồi quên đi.

— Quen rồi quên, như bọn qua đường !

— Còn cách nào nữa đâu. Mình làm gì được cho nhau, chỉ tàn phá. Em quyết định rồi. Đến gặp cô lần cuối chiều nay. Mai đi.

— Minh.

— Đi xe hẳn không ai biết đến nữa, cả cô, bè bạn, gia đình.

Trâm giật mớ tóc trong tay Minh :

— À, ra thế. Sao không nói ngay còn quanh quẩn. Minh tưởng tôi đi tìm đấy hẳn. Việc gì phải đi đâu xa. Ở đâu thì ở, nếu Minh đã muốn vậy thì mình coi nhau là người lạ, khó gì. Muốn tránh tôi, việc gì phải trốn cả gia đình bè bạn. Thật tiếc đã làm Minh vướng víu bao lâu nay.

— Ai vướng víu ai ? Chính em làm mất tự do của cô, mất liên lạc của cô với thiên hạ, những người khác.

Trâm hét lên :

— Thiên hạ, kẻ khác nào, thôi đi đừng gán ghép liều mạng như thế. Đối với tôi, chúng nó không bằng một sợi tóc của Minh. Trong đời sống này tôi như con ma chập chờn giữa những xác chết. Minh đi đi là phải.

Cườm tay Trâm chợt đau điếng trong bàn tay Minh siết chặt điên cuồng.

— Cô tưởng chỉ mình cô biết buồn biết khổ biết ray rứt. Còn em là thằng con nít ngù ngờ thôi sao, điếc đui trước những việc riêng của cô sao ? Tại sao cô kể, cô kể hết ra với em như vậy. Cô khoái trá nhắc nhở lại những chiến thắng oanh liệt ấy. Cô nhắc lại từng tên, nhớ lại từng người, vẽ lại từng

kỷ niệm. Họ thuộc về quá khứ, nhưng họ chiếm cứ vĩnh viễn đầu óc cô. Cô lôi em ra làm nhân chứng cho những cuộc phiêu lưu phung phá đó. Một thoáng gì của em, cô cũng dò xét, ganh tức. Còn chuyện của cô, cô bắt em chịu làm sao được. Tại sao cô đã sống như thế. Tại sao, tại sao cô nói kết với em. Sao cô không chịu dấu bớt đi. Cô khoe khoang dĩ vãng, bắt em phải so sánh thân phận mình với họ, bắt em điên khùng lên vì thấy mình không làm gì nổi, không làm gì nổi cho cô. Sao cô đối xử như vậy được. Em xéo đi chỗ khác cho cô tiếp tục đời sống đó. Còn gì. Thu xếp vậy chỉ êm đẹp cho cô thôi. Còn em. Đi xa, xa hết, sống với cái gì, bằng cái gì. Em đã thử rồi mà. Ở lại trong nhà này, thấy cô và cảm thấy xa cách mất mát cô thường xuyên, hay đi xa, để nhớ lại hết những ngày tháng ở đây, nhớ phát điên đến bắt cần học hành, thuốc men, ăn ngủ. Cô xem phải mặt này không còn giọt máu, không còn sự sống nữa phải không. Em chán ngấy, chán ngấy hết mọi thứ từ bao nhiêu năm nay rồi, em sống lết lê tự hủy, vì sao cô cũng không hiểu. Cứ coi thằng này trẻ con đi. Thằng trẻ con già cỗi không còn chút tin tưởng nào vào đời sống. Em không cần tự tử. Chỉ chết dần chết mòn. Mỗi lần bệnh, mua thuốc về là đập vỡ hết. Đi chơi lăn chơi lóc hết chỗ này sang nơi khác. Bắt cả giờ giấc ăn ngủ. Hút thuốc, uống rượu, ăn mảnh chai. Đập vỡ hết mấy cái cốc thủy tinh của cô để nhai rồi, cô nhớ không ? Còn uýnh lộn, đâm chém. Không thù hằn gì tụi nó. Tụi nó cũng như mình. Nhưng lúc choảng vào nhau cứ tưởng như sắp giết chết được nỗi thất vọng chán nản cùng cực của mình. Người ta chửi rủa, kết án khinh khi. Người ta cũng như cô, cóc biết những nguyên nhân, những bí ẩn không thể nào giải quyết nổi. Dặn dò bọn thằng Hải xong rồi mai đi. E xéo đi chết vùi chết dập một xó nào, em chết đời cô lãng mạn hơn lên một tí, phải không ?

Minh buông tay Trâm ra gập đôi người trong một cơn ho quằn quại. Nàng quì gối xuống sàn nhà, vuốt ngực Minh với năm ngón tay dịu dàng run rẩy. Minh thì thào trong hơi thở nóng hừng của cơn sốt đang lên :

— Dùng dằng đã lâu rồi. Bây giờ phải quyết định, cô xua đuổi, cho em có can đảm bỏ đi.

— Nhưng tôi làm sao xua đuổi nổi chính mình. Không, Minh không thể bỏ đi, tôi cũng không thể nghĩ rằng một ngày nào Minh sẽ mất hút trong thành phố này, trên đời sống này không còn dấu vết.

— Đến một lúc, em cảm thấy không còn ở được trong một gia đình nào hay sống với một người nào được. Nhà thằng Hải tử tế vô cùng. Những chỗ khác cũng vậy. Nhưng còn mình, dở sống, dở chết ở đó, vô ích thừa thãi.

— Không phải Minh mà là tôi, tôi vô ích thừa thãi. Cái gì cũng vô ích thừa thãi hết, tôi không còn tự tin nữa, từ ngày Minh đi. Tôi không làm gì được cho đời tôi nữa. Tất cả đều vượt quá tầm tay với rồi. Minh

cũng thế. Tôi không nói nhiều nữa, nhưng nếu Minh có thể dừng lại, chậm lại rồi Minh bỏ đi, tránh tôi, nhưng không phải bây giờ, chữa lành bệnh, khỏe mạnh rồi, tôi sẽ để Minh đi, an lòng và vui vẻ. Tôi hứa.

Minh nhếch môi :

— Bệnh gì mà phải chữa. Thuốc có chữa nổi một tình trạng, một hiện tượng được đâu. Mà lành bệnh để làm gì. Sống đường hoàng tử tế phải chăng để làm gì, để làm gì đời sống rỗng tuếch chán ngán này.

— Nghĩa là Minh nhất định bỏ đi ?

— Sáng mai.

Khuôn mặt của Trâm nhợt nhạt cúi nghiêng vào mái tóc. Một lúc, rồi nàng mím môi :

— Nếu vậy, sáng mai tôi cũng nghỉ dạy. Bỏ trường, bỏ học trò, bỏ nghề nghiệp, bỏ hết, bỏ hết. Tôi cũng cần đi, cần phải đi, đi theo con đường khác hẳn đường của Minh thế là xong quyết định cả rồi. Minh đừng tưởng tôi mê đời sống này đến nỗi trơ lì gan góc ở lại với khoảng không trống lốc này. Mình vô trách nhiệm với nhau. Tôi vì đi tôi muốn đi. Minh đi vì Minh muốn đi. Vậy thôi. Giờ thì Minh có thể về, thu xếp cho xong...

Trâm đứng lên, nhưng vòng tay Minh đã vươn lên khoác kín hai chân nàng :

— Chúng mình cùng điên cả ?

Nước mắt Trâm trào lên hàng mi khép kín.

— Cùng điên. Không đi đâu cả. Cúng điên trong nhà này . . .

— Con bé ở đâu rồi cô ?

— Nó đi chợ sắp về.

— Bảo nó đến nhà thằng Hải đưa valise em về. Còn thiên hạ ?

— Họ ở trong đời, mình ở ngoài đời mình tự lưu đày trong một hành tinh biệt lập.

Chiều len vào khung cửa. Trâm quì gối giữa sàn nhà, trước mặt Minh ngồi yên lặng khoanh tay. Cả hai cùng chợt cảm thấy lặng người sung sướng và sợ hãi với quyết định táo bạo vừa rồi, tê dại và thiếp mê trong vùng không gian đồng loã im lìm bao phủ. Trên mái cao làm đỉnh nhà mờ lặng lẽ tiếng thông reo vi vu như lan truyền đi khắp lũng thấp đồi cao tin lạ của một chiều gần tận thế. Vó ngựa lóc cóc rạc rời heo hút trên đường về nghĩa địa ngoài xa. Đất trời xung quanh quay cuồng tan rã. Hư không ngập tràn trên hai đôi mắt quấn quít tìm nhau. Bỗng đôi môi Minh mấp máy bật lên, nét mặt căng thẳng rướn tới trước đè

nén một cơn ho, vai mông mảnh của người con trai như sắp gặp xuống, đổ xô về phía trước. Trâm bàng hoàng mở rộng vòng tay và đầu Minh gục vào chỗ trũng êm ái của ngực nàng. Giọng người đàn bà vương vướng nước mắt :

— Đừng dọa nhau như thế nữa, nghe Minh. Thế nào rồi cũng xa nhau. Bây giờ thì chưa. Minh còn hiện tại. Còn Đalạt. Hiện tại thuộc về mình. Đalạt thuộc về mình.

còn tiếp

HOÀNG-ĐỖNG-PHƯƠNG

◔

● Nên đợi đến chiều tối hãy tuyên bố rằng ngày ấy trời nắng tốt.

Một văn hào Ý

● Nói láo không ích gì, vì nó chỉ gạt được một lần.

Napoléon

● Thượng-Đế tạo tự do, con người tạo sự nô lệ.

M.J. Chénier

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

★

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Td. : 23.741 — 23.742

●

Fabrication : **Oxygène — Acétylène —[Gaz Carbonique**
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane.**
Protoxyde d'Azote — Argon etc..

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

TRUYỆN 2 KỲ

TÚY-HỒNG

VẾT THƯƠNG DẬY THÌ

(*xin xem tiếp B.K. số 178*)

Những đêm lưu-diễn chúng tôi ngủ chung như động vật. Mấy người con gái đều đã mất trinh, tôi cũng mất rồi. Ngủ chung đông-đảo như thế nầy chẳng biết thằng kép nào là kẻ trộm. Sự đánh mất không xót-xa nhiều vì tôi không tha-thiết giữ chặt nhưng tôi vẫn nóng lòng tìm ra thủ-phạm và nghi ngờ lung-tung. Từ tuổi dậy thì, cuộc đời sân-khấu đã hút khô tôi, đã tha đi mất những nhụy vàng tuổi thơ để tiêm độc vào huyết quản. Hơi hàn độc thấm dần, thấm dần vào tạng-phủ. Vết thương dậy thì... Tôi đã trúng tên ướp độc ở cái tuổi dễ chóng mặt vì tâm-tư có nhiều ngã rẽ, cái tuổi mất thăng-bằng của thể-xác và hồn-phách. Tôi đã nghiêng vì một bên nặng. Tôi cam-tâm đợi giờ phút ngã quỵ vì biết không bao giờ có thể tự giải độc. Đêm hôm đó mới thiệt-thụ không còn con gái nữa Có sự lật đổ, sự xé rách cơ-thể mà không có tiếng thét hãi-hùng... Tôi âm-thầm mở cuộc điều-tra.. Nghi ai ? Nghĩ đến chuyện tìm dấu tay trên áo-quần mà tức cười. Hỏi ai ? tra ai ? Nếu mất chiếc nhẫn kim-cương thì có có để làm dữ. Nghi Hùng ? cái đầu tóc tầm dầu vuốt ngược lên không cần tìm đường rẽ, cái đầu có vẻ hắc ám và bần thỉu. Hắn hay đỏ mặt lên đầy tà-khí. Hắn hay vuốt trộm tôi khi tập tuồng. Gọi hắn là kẻ tình-nghi số một đi. Nghi Tân ? Vợ Tân dọa sẽ tước đôi tôi ra nếu chồng hắn dính vào tôi. Hắn

còn dọa sẽ róc tôi như róc mía, sẽ cầm ngược tôi để xóc nữa. Vợ dữ như lửa còn chồng thì ngoại-tình tứ-tung bốn bể. Nghỉ Cháu ? không ai cầm nhíp để nhổ hoặc cầm dao gọt phăng dùm tôi vạt lông mọc giữa ngực hắn. Chịu không nổi. Những cái xồn-xang trên người đàn-ông luôn luôn đập vào mắt mình. Thằng nào cũng làm mình vừa nước miếng buồn nôn cả. Cuộc điều-tra tạm để dành đó. Chữ trinh trời giao cho con gái dặn-dò phải giữ gìn mà tôi lỡ đánh mất. Tức giận vô cùng vì chữ đẹp không còn trong thân-thể nữa. Đời con gái chỉ quý một chữ đó, chữ màu đỏ, màu đỏ của hạt cát thủ-cung-sa ngày xưa... Chuyện mất này có sự đồng tình giữa kẻ gian và nạn-nhân.

Những vòng dây thừng cột tôi vào sân-khấu. Không khi nào tôi có thể tự nới những vòng dây. Càng ngày càng thêm vòng, càng thắt chặt. Càng ngày đời tôi càng bị phá hư. Tôi đã gửi tôi, ký-thác tôi cho một ông Bầu và tin cậy và thương cảm tình bằng hữu giữa đào kép. Ánh đèn màu loạn, tiếng trống dội lên thành ngực, tôi mê nghiện hai thứ đó. Tiếng trống ! Tôi thương nó. Tất cả vui buồn sân-khấu theo đà tay trút xuống mặt nó, khi âu-yếm vỗ nhẹ thơn thơn da thịt em bé, khi cấp bách thác-loạn mặt biển điên cuồng, khi đay-nghiến uất-ức cuộc đời lừa bịp. Gân trong người tôi giựt run vì lòng trống thét gào. Tiếng trống đã khiến tôi bỏ rơi đời sống, tôi khước từ con người phải ăn cơm cá hằng ngày để nhập hồn vào vai trò. Trống đánh náo lên, đinh tai, choáng đầu, là giới-hạn, là bờ đê ngăn cách tiếng nói, việc làm, cơm ăn, thuốc uống của cuộc đời không cho lọt vào đây. Tôi ở giữa tiếng trống loạn, không còn dính chi với đời nữa. Tôi mê một giấc dài không bao giờ muốn lai tỉnh, không bao giờ muốn trỗi dậy nhìn đời, nhân-cách-hóa đời bằng tiếng « hắn », mê trong thế-giới tuồng tích, hoang đường, ma quái. Tôi ngự, tôi lên ngôi, tôi ăn mày... tôi là những gì tôi không có thể-hiện muôn vàn bộ mặt, muôn vạn kiếp người. Tiếng trống dìu tôi đi, đẩy tôi nằm, xô tôi chạy, đốt cháy và tôi giữa tiếng trống tôi đẹp não nùng. Tôi nghĩ đến những vòng tròn méo mó quay bằng nhịp đầu lắc lư của các ông bà cốt khi chuyển mình thượng đồng. Họ quay tròn đầu một chốc thì hôn mê, tôi nghe tiếng trống một lát thì hồn biến vào vai trò. Tôi mê trên sân khấu và họ mê trước hương khói bàn thờ. Ốc non của tôi nghĩ rằng hát bội chịu một phần ảnh hưởng của lên đồng : hành-động nói năng trong cơn mê, say trong vai trò.

Vì cứ mê cứ lú mãi nên tôi mới đóng giỏi, hát hay. Trên sân-khấu đừng ai dại mà hồi-tỉnh. Tỉnh-táo là khi hạ đài, khi tuột áo mão, khi lau chùi bộ mặt giả . . . Khi đó mới thật là đắng là đau. Ôi ! đời con gái nhẹ như chim... bay mất rồi. Đừng thắc mắc, đừng kết tội mà thấy nặng. Trời sinh ra tôi để bốc cháy

dễ dập tắt, dễ mát và cũng dễ lạnh. Nếu tôi làm con gái thường, con gái tay ngang không ai thèm bàn đến, tôi sẽ thiếu cơ-hội để hư và có hư thì chỉ một dúm người biết ... Hoàn cảnh, hoàn cảnh đã giam tôi trong một căn phòng ngủ chung đụng, đêm khuya thức dậy đi ngoài phải bước ngang qua người đàn ông.

Bầu Lý, nghĩa phụ của tôi còn là người cha chung của đoàn, nằm ngủ trên chiếc hòm đựng đồ nghề. Cháu và Hùng đóng đinh giăng mắc mấy hàng dây treo mùng. Tôi trải chiếu trên nền nhà rồi chiếm một góc phòng. Chiếu riêng, mùng riêng rất sạch dành cho đào chính. Bạn kép già, kép trẻ cởi trần nằm lăn ra giữa phòng. Ba cô đào mỗi người chiếm mỗi góc phòng không chịu nằm chung để bảo vệ nhau. Tôi xã tóc, rút kẹp ra cho thong thả cái đầu. Ngủ lộn-xộn như thế này không bao giờ sợ ma, sợ trộm.

Tắt đèn cho mát. Tay tôi cầm một củ nghệ mò-mẫm thoa trên trán, củ nghệ lúc nào cũng cất sẵn trong túi áo. Bọn đàn ông bắt đầu nói chuyện. Tối hôm nay nghỉ hát phải lo ngủ sớm để dành sức khỏe. Ngoài vườn ve ve kêu một loạt ngắn rồi tắt. Tiếng ve không hẹn mà cùng ca cùng nghỉ một lần rất đúng nhịp. Tiếng hát giống nhau, hình thù giống nhau như cả loài ve chỉ có hai con cái và đực. Còn ruồi đen thì giống nhau hoàn toàn như chỉ có một con ruồi.

Tôi sực nghĩ là quên uống thuốc đầu đêm liền đứng lên rót nước. Cha nuôi hỏi :

— Có bớt nhiều không ?

Những viên thuốc tễ mùi tanh tanh. Thuốc Bắc thấm lâu, công-hiệu dai, ai cũng bảo thế. Cha nuôi tự tay đi bồ, trộn thêm vào thuốc rất nhiều mật ong nhưng nuốt vẫn khó trôi. Tôi dơ tay chặn cổ rồi trả lời :

— Khi nào mất ngủ thì huyết mới ra. Nhiều đêm và nhiều ngày liên tiếp giấc ngủ không đậu trên đôi mắt, tôi hoảng-kinh kêu trời hết hơi. Hễ hơi ươn mình là tôi nghỉ hát. Ánh sáng sân-khấu đêm đó lu mờ. Song song với hai vũng mắt sâu khao-khát được giấc ngủ làm đầy, tôi rước thêm cái họa nữa là đi tiêu ra máu. Nhìn sinh-lực chảy ra từ-từ tôi sợ đến dại người. Máu quý của tôi không chảy ra vì nội thương, ngoại thương. Nước chảy ào-ào không bằng hao lỗ mọt, chính những giọt huyết rỉ ra từ khe hậu-môn đã thiêu đốt sức khỏe, tàn phá thân hình. Uống ba thang thuốc Bắc chưa chắc đã bồn được vài giọt huyết. Mỗi lần đoàn hát đi Quảng, cha nuôi tìm mua Yến sào, Sâm, Nhung, Cao để tôi vun xới sức khỏe. Rồi thỉnh-thoảng cha đeo kính trắng cầm tăm khươi lượm từng sợi yến trong vắt.

Người ta hăm dọa Cải-lương sẽ dìm chết hát bội nhưng ông Bầu Lý tin chắc rằng tôi còn sức khỏe để đóng tuồng thì đoàn hát bội của ông không bao giờ tắt thở. Sân-khấu miền Trung sẽ sáng mãi như một vì sao lẻ.

Về chỗ nằm, tôi cẩn thận kéo đuôi tóc ra ngoài cho khỏi rối và lấy cù nghệ tìm những nốt mụn chấm lên.

Tiếng Cháu ngáp dài :

— Ngủ khuya quen mắt rồi nằm chờ giấc ngủ thật bực bội, ngồi dậy oách đi ta... oánh không bây ?...

Ông Bầu Lý từ khước :

— Thôi thôi để yên cho con Sao ngủ.

Đời tôi côn vả víu bằng những mảnh bài Tứ-sắc. Tôi sống có chất say. Đời để chơi. Chết là chấm dứt cuộc chơi. Tôi đánh bạc lão luyện quá nên túng thiếu sức khỏe. Đánh đến hơi thở cuối cùng. Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng. Biết bao đào kép đã gục chết trên chiếu bạc. Đánh chết bỏ. Vật ngã nhau bằng tiền. Đánh cho mê. Một tay cầm khăn lau mồ hôi, một tay xỉa tiền. Càng đánh cao mồ-hôi càng xuất ướt mặt và cổ.

Hùng nói to !

— Trong người con Sao chừ không thiếu chi chất bổ : Sâm Cao ly ni, Yến sào, gạc nai, cao khỉ, nhung lộc... hắn chỉ thiếu có gan rồng... đáng bực công-chúa rồi đa...

Tôi xẵng giọng :

— Thôi đi, đừng có đem miếng ăn ra để so sánh địa-vị, đo lường địa-vị.

Tân kêu lên :

— Ni... Sao... đi đồng ra máu không can chi mô, đừng sợ mà hao thịt. Ăn vài soong đậu xanh hầm là hết ngay. Có nhiều người đi tiểu nước tiểu ngọt như chè... đó, bệnh tiểu-đường mới nguy tai.

Mấy chị nằm ở ba góc nhà cười khì. Cháu hát vài câu nhạc cải-cách, Chị Sang kêu ông Bầu Lý :

— Cha à... thằng Tiến bữa nay vô Sài-Gòn đầu quân Cải-lương coi mòi sáng mã quá sá... há ? Cái tờ báo T.S lại còn nhờ hắn viết giúp cho mục « Hộp thư sắc đẹp » nữa chứ. Tức cười quá ! Người ta khai-thác biệt-tài làm tốt của kép cải-lương. Đàn ông mà biết đánh phấn tô son, biết lựa kem lót mặt, vẽ mắt vẽ mày thật đáng trọng-dụng. Cu Tiến khoái nhất là được giao-thiệp thư-từ với các cô... « chị chị em em » rồi « mến nhiều », « thương hoài » « nhớ loạn »... mát-mẻ quá sá.

Hùng ngâm khẽ :

— Chàng rằng nghề mọn riêng tây.

Tiếng ông Bầu Lý :

— Tao ghét cái tờ báo T.S nhất rồi đa. Đọc mà phát tức. Cái thằng cha T.T. viết không có nghĩa lý chi cả, vô duyên ôm... « Hát bội đang ở trong giai đoạn cực-khổ chuyển mình thành Cải-lương và Cải-lương là một ngành nghệ-thuật tân kỳ vì Cải-lương chính là hát-bội đã lột vỏ để lộ ra bộ mặt tươi mát, trẻo, phương-phi »... dễ ghét ghê.., nói huyễn...

Sang trầm-ngâm :

— T.T. nói rứa mà đúng đó. Chúng ta cần phải thay vỏ vì chúng ta mang một hình thức quá già nua cũ kỹ. Con thì con lạy trời cho con lột vỏ, con thoát xác, thay lớp da tra thành con ve non...

Tôi khấn thầm :

— Cho con lột cái vỏ mất trinh, cái vỏ đàn bà âm thầm để hoàn lại con gái. Con tiếc quá !

Ông Bầu nói to :

— Đồ thằng cha làm báo ngu... Hát bộ là nghệ thuật căn bản của nước nhà không có bộ môn nào bì được cũng như ca dao là chìa khóa của văn học. Hát bộ là sông cái, sông mẹ còn các ngành khác như kịch, cải lương là sông nhánh, sông con... Kịch, Cải lương làm chi có những nét độc đáo, như hát bội : này cách vẽ râu, cách vuốt râu, rồi cách cười... nhứt xứ, không có chi qua mặt được.

Ông già Từ Thức tán đồng :

— Ờ ờ bộ râu với tiếng cười, tiếng hét của tụi này là chúa rồi đa, nhứt bộ râu... ý nghĩa lắm lắm. Có trăm cách vẽ, trăm kiểu vuốt.

Tôi hỏi :

— Vai Thúc-Sinh có cần vẽ râu quặp không ?

Từ Thức nghĩ năm phút rồi cười :

— Không cho thằng Thúc-Sinh đeo râu quặp sợ cụ Nguyễn-Du giận. Thúc-Sinh sợ vợ là một sự hữu lý mà mình chỉ khôi hài mỉa mai khi chuyện đời vô lý. Thúc-Sinh có xơ múi chi so với cái thanh thế của Hoạn-Thư, uy nghi, danh giá. Vì sự chênh lệch to lớn giữa hai vợ chồng dĩ nhiên chàng Thúc phải có mặc cảm, phải đứng co-ro một bên vợ, phải thủ thế thua, thế lép... Lão tiền bối đây cho rằng Hoạn-Thư vừa làm vợ vừa buôn nốn... ơ... nhưng mà Hoạn-Thư không có ngủ với chồng cũng nên vì hai bên không có con cái chi với nhau hết, chắc là « lấy anh thì lấy, nằm chung không nằm »...

Tôi « hừ » một cái giọng mũi. Cha nuôi vỗ tay :

— Đúng, đúng, tôi biết Hoạn-Thư đã hư hỏng trước rồi, đã tiu nghỉu trước rồi nên ở nhà mới kêu Thúc-Sinh mà gả đồ gả tháo... hoặc là nàng có thai hoang rồi phá thai đi hoặc là Công-tử nào đó đã đá nàng một cú quá đau, đau điếng đến nỗi không thể lóp-ngóp bò dậy để lấy một chàng ngang sức mình. Vì để bịt kín dư luận, ông « họ Hoạn danh gia » mới ngoắc Thúc-Sinh đến thân tặng, cho rước, cho bưng đi gấp.

Tiếng Từ-Thức :

— Tui thì tui ưng lấy o mô coi bộ cân cái với mình thôi . . . lấy vợ là một việc làm khỏe... mới thích chứ... Lấy vợ thua mình thì chỉ việc cúi xuống mà thương rất thuận tiện. Còn lấy vợ hơn mình khi yêu phải vít xuống rất mệt...

Ông Bầu Lý ngắt lời :

— Ông nội tôi làm Phò mã nghe, Phò mã đô úy... Rứa mà không cảm thấy một mảy may hân hạnh... Tệ lắm... vô phước lắm... Này nhé... Mấy bà Công Chúa sống trên cao xa không ai dám với tay lên, hoặc vít họ xuống để giáo dục, khuyên răn. Họ sống mất dạy từ tấm bé để lớn lên thành những thứ gái hư. Mỗi ông Phò mã rước một gái hư về đắp điếm thờ phụng... Vợ chồng không bao giờ có hạnh-phúc và hầu hết các bực làm chồng đều có máu Thúc-Sinh. Nghĩ mà tội cho những người đàn bà làm mẹ chồng mà không có quyền ăn hiếp dâu. Mấy bà Chúa còn tai quái biến giang sơn nhà chồng thành một triều đình, đặt nền móng cai trị độc tài chuyên chế, hiếp bức mẹ chồng, đàn áp ông gia... Nếu may phước gặp nàng dâu không dữ, bà mẹ chồng cũng tự thấy ngượng vì sự cách biệt, không dám chuyện trò, không biết xưng hô thế nào...

« Chân giày chân dép vô ra
Kêu con cũng ngợ, kêu bà khó nghe ».

Hùng cười :

— Tôi thấy buồn dùm cho mấy ông Phò mã có vợ đẹp vợ thơm mà cả đời chỉ được nhấm nháp qua loa cho có hương vị, họ không có quyền yêu vợ no nê đầy đủ như tụi thường dân. Tại sao các nàng Công-chúa lại xua đuổi hất hủi chồng, không cho chồng nằm chung giường gối chăn lẫn lộn. Có bà bắt chồng quì mòn gối, nhỏ dãi trước cửa phòng thâu đêm đợi cho tứ chi rũ liệt mới kêu vào... Có bà hiếu-chiến luyện tập một đội nữ binh bao vây quanh phòng mình. Phò mã phải vượt vòng vây, mở đường máu giao chiến với nữ tỳ... Vào trong phòng rồi còn phải so gươm với bà vợ, đấu trong ba hiệp mà thắng mới được nhảy lên giường.

Tân vỗ tay đùi hét !

— Hào hứng quá ta... cha cho đưa màn đấu kiếm đó lên sân khấu đi cha.

Sự nằm yên nãy giờ, ngóc đầu lên hỏi :

— Vì lý do gì khiến các bà Chúa không cho chồng ngủ chung cho vui... người ta đồn lại rằng ông Phò mã Ngnyễn-Lâm trải một kiếp làm chồng chỉ hưởng vỏn vẹn có 6 đêm ân ái kể cả tối tân hôn... Còn ông Thân Trọng Di hình như chỉ được một đêm chi đó nằm bên vợ.

Người cha nuôi chậm rãi :

— Mình thử tưởng tượng nhé... Mỗi bà chúa ngu là phải có 5 người hầu : Quạt này, bóp trên thoa dưới, đấm lưng đấm cẳng, gãi đầu vuốt tóc, hò ru em này... Mười tám hai mươi tuổi vẫn còn nhỏ em bắt thị tỳ hò ru mới ngủ. Phải hầu hạ cả đêm, thiếu năm con hầu thì ngủ không được... như thế thì ông chồng làm sao mà đục mặt vô được nữa. Sự tự do bị dòm ngó... Nghĩ cũng tức cười... Bà Đồng-Xuân lấy cớ ngũ xa chồng vì ông Nguyễn - Lâm hay mớ. Bà Mai Anh thì đuổi ông Thân Trọng Di ra ngủ riêng vì ông Di nằm hay gác, lấn đạp rớt mền luôn... Tệ lắm, bà Mai-Am nổi danh nữ-sĩ, lấy cớ giao thiệp với văn thi nhân để ngoại tình ngay trước mắt chồng, bà ta đuổi chồng ra khỏi nhà để mời ông anh Hoàng tử cải tên cải họ đến ở trong nhà... Ông Di uất ức đi lang thang đói chết dọc đường.

— Có phải vua Minh-Mạng có đến bốn trăm rưỡi người con không cha ?

— Chi mà đông dữ rứa... 64 người con gái và 78 người con trai thôi, chừng nớ thôi mà các Hoàng tử, Công chúa còn không biết mình là anh em ruột sinh lòng trai gái rối beng.

Tôi cười khúc khích hỏi nghĩa phụ :

— Bà Mai-Am, bà Huệ-Phố với Tùng-Thiện-Vương là anh em đồng mẫu phải không cha ?... ba người đó có danh cha hí..! «Mai nào thua kém Huệ »...

— Phải đó con à... Bà Mai Am đến 19 tuổi đầu còn bắt con hầu đem đi cầu tiêu «xi» như «xi» con nít 6 tháng ...

Tôi cãi :

— Ai lại «xí» ... họ đặt bày thêm đó..

— Không tin thì thôi ... Còn bà Huệ-Phố thì nũng nịu như mít ướt ... Sai bà gia têm trầu, sai chồng nhai miếng trầu cho dập dập rồi để trong cái khay đỏ cung kính đút vào miệngi mình ... nhưng gia đình Phò mã thỉnh thoảng có hạnh phúc : bá chúa têm trầu cho chồng, nhai

cho đỏ đỏ rồi mớm vào miệng chồng. Ông phò tình tứ cúi sát vào đôi môi vợ ngậm miếng trầu cay. Rồi hai người nhìn nhau, ông phò lấy khăn nhiễu quẹt mép rồi mấy con a hoàn bụm miệng cười khúc khích pha nước cho bà chúa súc miệng ... Ngày xưa miếng trầu giữ công tác rất quan trọng trong việc yêu đương. Miếng trầu ngày xưa là nụ hôn ngày hôm nay. Trong cung cấm bịt bùng cấm cả sự giao thiệp với bên ngoài ; các ông Hoàng bà Chúa túng quẫn tìm nhau trái phép, phá luân thường đạo lý, Nàng xé nửa miếng trầu hương, nửa miếng trầu quế, quệt sơ sơ chút vôi nhai với Cau Long thọ dặm thêm miếng vỏ đăng đắng nhai cho miếng trầu tầm nước miếng mình, ướm đỏ, cay cay, the the rồi bọc vào khăn nhiễu trắng tinh sai cung-nữ đem qua trao tặng ông Hoàng tình-nhân... Người ta thích ăn miếng trầu tầm nước bọt người yêu... Trong nhân-gian, những nàng chinh-phụ cũng gởi trầu nhai sẵn bọc trong khăn sạch cho chồng ngoài chiến-địa. Giữa chiếc hôn môi và miếng trầu dập tao thấy miếng trầu thắm-thía đậm-đà hơn.

Kép Minh-Châu kêu lên :

— Sao... Sao... ngày mai nhai cho anh miếng trầu quế...

Mũi tôi hừ một cái. Không bao giờ tôi thấy lưỡi miệng cha nuôi bị kẹt vì một lời chất-vấn. Cha ăn nói lưu-loát rõ ràng, biết nhận xét, biết khôi hài... Ngồi một bên rất vui. Một con người đầy đủ : đi đủ, biết đủ, chơi đủ, ăn đủ. Tôi vừa cảm cái ân nuôi lớn, gầy dựng, vừa kính-mến cái chiều sâu chứa đựng sự đời của ông. Ơn nghĩa lan-tràn tôi nguyện trả bằng cách trau dồi nghệ thuật, trả ơn cho sân-khấu, cho ánh đèn, tiếng trống. Thương cha nuôi lắm. Hơi sân-khấu nhập vào người tôi, công cha nuôi thắp sáng đời tôi. Mẹ chết rồi. Mẹ nhắm mắt chết nhằm giờ xấu nên chị em tôi không được ngắm mẹ lúc liệm xác. Ông Bầu Lý lãnh lo đám ma và đem tôi về nuôi Mẹ chết trùng. Nhữug con ma trùng sẽ tra-khảo tội-trạng mẹ dưới âm-ti. Sợ mẹ khai bậy liên lụy đến con nên ông Lý cạy miệng mẹ bỏ vào một bao kim may (hễ mở miệng khai thì kim chích lưỡi) và dán trên trán mẹ một tờ lịch xưa. Ngày xưa mỗi tờ lịch đều có ấn son của nhà vua. Người ta tin rằng dấu son thiên- ử trị được ma tà.

Một que diêm đỏ trong bóng tối. Chị Lan thắp thuốc luôn, Tôi vội đổi kiểu nằm. Mấy ông bà hát bội ngủ được rồi. Tôi nằm gối đầu lên xấp bạc giấy, số tiền lương của Độ. Tôi chỉ là vai tuồng tôi đóng trên sân-khấu. Độ si-mê tôi lạ đời, si-mê những vai tuồng lạ đời. Bàn tay dâng tiền không e-ngại. Tiền của ai tôi tiêu cũng được và ai yêu cũng được. Tình-yêu chỉ là sự giao-thoa của hai xác thịt. Còn chi quý mà giữ-gìn nữa khi những thằng hát bội đã làm cho hết sự trong sạch cụ-thể của xác thịt. Đời con gái đã chịu án tử-hình rồi. Khóc thương, tiếc nuối, ân-hận cũng rồi. Tôi đã bị hư, tôi chỉ làm những cái hư

tiếp theo. Tôi phóc băng băng từ những vòng tay đàn ông. Những xác thịt đàn ông rất vô vị. Tôi lăn mãi, lăn mãi qua họ và thấy không có cái mấu nào móc mình lại. Hoàn lại con gái cho tôi thì tôi mới đứng-đắn được. Để tôi giữ-gìn. Để tôi biết bổn-phận đối với bản-thân.

Đàn-ông ai cũng như ai, tôi chỉ ghé lại tạm thời ; nhưng Độ cứ lẫn-khẫn xuất-hiện bắt tôi chú ý đến nhiều. Tình yêu của tôi như phát-chẩn. Giờn La-Thành, hí Lã-Bố, mị Trương-Lương. Có ông Đốc học thân-thể phỉnh ra đủ mọi chiều sinh-lý thỉnh-thhoảng đem xe đến rạp chở tôi về nhà. Tôi mang cả xiêm-y và mặt giả ngủ lăn quay với hắn. Vì hắn mê Phàn-Lê-Hoa nên tôi phải mặc võ-phục nữ-nguyên-nhung nằm ngủ thâu đêm xót-xa thân-phận. Tôi vốn khó ngủ. Người thuê tôi chỉ thức với tôi chặng đầu hôm. Tôi hoảng hốt đón tiếp giấc ngủ, đón hụt liên-tiếp. Thương tương-lai quá, thương hai lá phổi và thương cả những giọt máu rỉ rả chảy từ hậu-môn nữa. Lòng tôi đau rát như bị xát với muối.

Độ khen tôi thông-minh. Diễn-tả no-tròn vai trò của mình trên bục gỗ đèn màu là đủ biết thông-minh rồi. Hát bội có những vở tuồng rất hay, ý-nghĩa rất đầy và triết-lý rất sâu. Tuồng-tích hát bộ góp một cánh tay đắc-lực vào gia-sản văn chương. Không một vở tuồng nào khỏi chưởi người, chửi đời vì hầu hết dân-tộc Việt-Nam là loài ong thích châm, thích đốt. Hát bộ còn làm hề cho đời sống vui nhộn chốc lát. Nhưng cách châm-biếm của nó thường tục, nặng, không mảy-may tế-nhị. Cha nuôi soạn tuồng rất nhiều cho tôi đóng.

Độ buông lời lãng-mạn :

— Em là vai tuồng em đóng Trà-Hoa-Nữ ạ. Anh thương một người điếc, vì họ mất nghe, thương một người đui vì họ mất thấy, thương hết những kẻ tàn'tật mất âm-thanh, mất ánh sáng, xê-dịch... Tại sao ? tại sao anh lại không thương em tàn-rật, em tê-liệt cả tâm-hồn rồi, mù, điếc... Phải rồi, tâm-hồn em vừa đui mù, vừa điếc đặc.

Trà-Hoa-Nữ ! Chàng lại nhắc đến Trà-Hoa-Nữ ! Phần kết-liễu đời người gái đi Tây phương khiến tôi rung sợ thương tôi. Những vai tuồng nặng-nề, bi thảm, nhơ-nhớp đã dồn ứ, thắt bóp buồng tim người đào trẻ này, đào thương kêm cả đào độc, đào lẳng. Buồng tim phẫn-uất sinh đau. Độ bảo rằng chàng dùng chàng để cảm-hóa tôi đẩy lui nhựa độc sân-khấu tản mát ra ngoài. Trong tiếng nói Trà-Hoa-Nữ, qua màn lệ, tôi thấy mắt Độ ngước lên nhìn sửng tôi mê-man dại-khờ, thất-lạc hồn-phách. « Chưa có ai mê mình như rứa » tôi thầm nhủ. Và ánh-sáng xoay chiều, nữ tướng Tàu toàn thân một màu hồng sẫm, giục ngựa ra giữa trận tiền, chao mắt trong liếc xuống Độ, rồi cất giọng kim :

— Tiểu-tử Địch-Luông mau ra chịu chết. Địch-Luông vượt mấy cửa ải, chém tướng phá thành, gan liều vô-địch, giờ đây liệu có qua nổi quan-ải mỹ-nhân ?

Độ hoa mắt nhìn Đoàn-Hồng-Ngọc — nhìn Sao — ngập trong hào-quang : mắt sáng, gươm sắc, tóc dát sao, xiêm y cài kim-tuyến, đầu mày cuối mắt chim trai giữa trận tiền. Những lúc huy-hoàng trên sân-khấu, tôi nhìn xuống lũ đàn-ông ngồi dưới chống mắt lên, tôi coi họ tầm thường chi lạ. Hào-hứng bốc cao, Độ giựt trống chầu đánh kịch-liệt liên-hồi và tung bạc giấy bay lên sân-khấn lộng-lẫy. Khán-giả bỏ chỗ ngồi đứng lên ném tiền ban thưởng. Tôi tuốt gươm gạt những tờ bạc thành-công và cúi đầu cảm-tạ.

Khi chơi với tôi trong nhà, Độ nhắc đến sân-khấu :

— Em giẳng co chéo áo Địch-Luông khiến anh bị kích-thích. Mắt em ngấn nước, môi nóng, má đào, mũi phập phồng ấm-dịu. Mối tình Đoàn-Địch thảm-khốc, ngang trái cũng là mối tình mán của Chimène và Rodrigue. Hai chàng mang tội giết ông già vợ, đương-nhiên là kẻ tử-thù của hai giai-nhân. Trời ơi ! thù cần báo mà tình cần yêu, Nhiều phen hai khách anh hùng quỳ gối dâng gươm cho người đẹp trị tội... Hai cô uất-nghẹn rã-rời bên hiếu bên tình, không đủ sức khỏe đưa bổng thanh gươm lên cứa cổ kẻ thù giết cha đành nức nở quăng gươm bỏ chạy ùp mặt lên hai lòng bàn tay, nước mắt...

Tôi ngắt lời, nhìn chàng lạ-lùng !

— Hãy xây lưng lại sân khấu... bây giờ em là em:

Tôi thở dài. Tôi mồ-côi cha mẹ nhưng đời không thiếu tình-nhân. Nơi đây mọi người đã thở đều trong giấc ngủ. Đêm đã khuya đến đâu rồi ? Đêm khuya bỏ rơi tôi. Giấc ngủ thù ghét tôi. Nhớ mẹ quá đi. Ngày mai phải viết thư cho em Tiến. Bây giờ vẫn chưa dứt chiến-tranh. Súng nổ ở miền quê. Tôi thoa nghệ lên trán. Tôi chưa thương ai bằng làn da mặt của tôi. Tiếng hót một con chim khiến tôi tỉnh-táo như vừa rửa mặt. Hỏi ai cũng không biết chim đó tên gì, thôi gọi nó là con chim thời-thế. Tiếng thở dài của chim lên xuống bầug trắc gồm 4 âm-điệu. Tôi nghĩ mau đến những câu thơ tứ-tuyệt. Tiếng chim kêu than ai-oán trong mùa ly-loạn. Như một điệu sầu, một lời chứng của nạn chiến-tranh, đào chánh Nhật :

Tây Tàu thua Nhựt.

Tôi nghĩ đến bao kẻ chết đói và tôi đã thèm cơm đến chừng nào :

Cha kèo con cột

Hai lon ba hột

Cơm còn cho cục

Và nghĩa phu-thuê tách rời trong lời chim tạm-biệt :

Anh về bên nội

Em qua bên ngoại.

Con chim cứ thủng-thẳng kêu thương mòn-mỏi gà cho tôi làm làm những vần thơ ấu-trĩ, chỉ cần lắp chữ. Tôi nghĩ đến thân-phận mồ-côi « Cô nàng mất mẹ... » bỗng người tôi bị đè nặng rồi một bàn tay to nắm hai bàn tay nhỏ của tôi. Chiếc áo lót lật lên. Tôi rút phắt, vung tay đánh túi-bụi tới trước, củ nghệ rơi xuống chiếu.

— Đi dậy, tao la lên cho coi.

Tôi chỉ chợp mắt được mấy phút. Đầu sáng tôi thức giấc, cố gắng nhướng hai mí mắt nặng, cay. Người tôi mệt và khô. Trên áo ông Bầu Lý dính vài vết vàng vàng. Tôi nắc lên, buồn nôn, buồn nôn. Cơn buồn nôn muốn kéo cả ruột ra ngoài. Tôi muốn mửa ra đất hết cả Yến Sào, Sâm Cao-ly, gạc nai, cao khỉ, nhung, lộc...

(*Chuyện của 1948*)

TÚY-HỒNG

Điểm sách

THU - THỦY

Tác phẩm : **Người đàn bà bên kia vĩ tuyến**

Tác giả : **Doãn-Quốc-Sỹ**

Nhà xuất bản : **Sáng-Tạo**

DOÃN-QUỐC-SỸ vừa cho ra đời tập thứ hai của bộ truyện dài *Khu rừng lau*. Cùng một bộ truyện này đã xuất bản : *Ba sinh hương lửa* cách đây hai năm, và *Người đàn bà bên kia vĩ tuyến* mới vừa phát hành. Riêng *Người đàn bà bên kia vĩ tuyến* lại chia làm hai tập : *Tiếng hát tự lòng đất* và *Chiếc bè nữ chúa*. Tất cả bộ truyện dài ngót nghìn trang sách (con số đúng: 954 trang). Một công trình sáng tác qui mô như thế vốn đã hiếm trong văn học ta ; một công trình như thế sáng tác ngay giữa những ngày tháng rối ren làm bấn loạn mọi người, lại được ấn hành vào cái thời kỳ mà ngành xuất bản đang vấp phải những trở ngại nan giải này, càng tăng thêm mối cảm tình của chúng ta đối với sự cố gắng của cả anh Doãn-Quốc-Sỹ tác giả lẫn anh Doãn-Quốc-Sỹ chủ trương nhà xuất bản Sáng-tạo.

Ba sinh hương lửa là những tai họa dồn dập xảy đến trong cuộc sống của dân tộc từ các thời Pháp thuộc, Nhật thuộc đến thời Cộng-Sản thuộc, những tai họa mà tiểu thuyết gia đã đưa một số nhân vật tiêu biểu ra hứng chịu. Chịu đựng chán chê rồi, họ cũng tiến về thành.

Người đàn bà bên kia vĩ tuyến bắt đầu từ « hình ảnh lá cờ vàng ba gạch đỏ phe phầy... » Các nhân vật dần dần tìm gặp nhau gần đông đủ ở Hà-nội : đông đủ cả Kha, Miên, Hiền, Tân, Khiết, Hăng, Vân, Thi.. (Lại có cả Chủy, anh tỉnh uỷ viên Cộng-sản bị tóm lại cũng đưa về thành nữa). Rồi thì trừ vài kẻ chết

đi (Thủy, Thi), những người còn lại, hoặc đi dạy học (Kha) hoặc đi làm thầu khoán (Tân) để kiếm ăn, hoặc đi làm thông ngôn cho Tây rồi được du học (Hăng), hoặc bị động viên (Hiền) v.v..., họ đều chán ngán cho cái xã hội sinh-hoạt dưới hình « ảnh lá cờ vàng ba gạch đỏ » hồi ấy. « Ôi cuộc đời phơi mặt nơi đây có biết bao điều ghê tởm: những bộ mặt chính khách được treo đèn kết hoa đón rước, những lũ hình nộm được thực dân bôi mặt vẽ bề đó, chúng có xương đâu mà đứng vững; có hồn đâu mà thương dân; những khuôn mặt lọc lừa của lũ con buôn đô thành, lũ gà què ăn lần cối xay, bốn bề là khói lửa; những hình ảnh lam lũ của lũ người đói rách bỏ miền quê xa xôi, tìm tới ánh sáng kinh thành, bám lấy cuộc sống chênh vênh, những khuôn mặt gái quê rũ vẻ chân phương sớm thành bệ rạc vì cam chọn đường bán trôn nuôi miệng... Không còn dối mình được nữa, nhìn vào đâu Kha cũng chỉ thấy những đổ vỡ, cái gì còn tạm đứng được đều là đứng một cách lủng liểng, cô độc, mỏng manh tạm bợ, giá trị không bằng con chó rơm. Cả guồng máy chính quyền bù nhìn tại thủ đô là hình ảnh một người khuôn mặt thì hủi, tai điếc, mắt thong manh, chân tay hậu đậu, phổi ruỗng nát, tim sưng, mạch máu hết co rãn, ruột ung thư... Ban ngày đi vào sự ồn ào của thành phố mà là đi vào sa mạc của tâm hồn. Đêm đến nghe tiếng súng ầm ì vọng lại tự các miền ngoại ô hay bên kia bờ sông, mỗi tiếng súng bùng lên như một cái gì rứt tự trái tim để rồi dội mạnh trở lại tàn phá chính xuất phát điểm đó » (trang 90) Kha và các bạn của mình đều là những người có tâm huyết, họ không chịu được cái « cuộc đời phơi mặt » một cách ghê tởm như vậy, nhưng họ cũng bất lực không làm sao trực tiếp xoay chuyển được tình thế, tẩy trừ được những điều ghê tởm quanh mình. Về thành, họ rời bỏ lãnh vực chính trị mà hoạt động văn hóa: họ chung nhau lập ra tờ tuần báo « Văn hóa », nơi tập hợp của nhóm bạn trí thức ưu thời mẫn thế, cho đến ngày kẻ trước người sau họ lại kéo nhau di cư vào miền Nam vì đất nước chia cắt. Họ ra đi, bỏ lại một thiếu phụ — Vân — ở ngoài Bắc: *một người đàn bà bên kia vĩ tuyến.*

∴

Trong bao nhiêu năm nay chúng ta vẫn thường tự bảo rằng thế hệ mình trải qua một giai đoạn hãn hữu trong lịch sử, chứng kiến những dâu bể tang thương lớn lao những vinh quang và nhục nhã chưa từng có, những cao cả vô cùng và những ti tiện xấu xa tột bậc... Lẽ ra thế hệ văn nghệ này phải thực hiện một cái gì phản ảnh được thời kỳ độc nhất vô nhị đó.

Ước vọng hợp lý, nhưng thực là quá lớn! Xưa nay đã có được bao nhiêu tác phẩm văn nghệ xem là phản ảnh đầy đủ xứng đáng cả một giai đoạn lịch sử, một giai đoạn tầm thường nào đó còn khó thay huống hồ là giai đoạn đặc biệt nghìn

năm một thuở ! Trải qua những biến loạn vĩ đại xong, bất quá mỗi người chỉ nói lại được một khía cạnh, chỉ trình bày được ít nhiều sự việc, tùy theo kinh nghiệm bản thân của mình, tùy theo vị trí quan sát của mình, tùy theo lập trường nhận định, tùy khả năng kỹ thuật sở trường của mình v.v.. Có khi chỉ một trận đánh cũng đủ làm nên cuốn truyện hay, có khi chỉ thuật lại hoạt động của một tiểu đội, thậm chí chỉ một binh sĩ, một cán bộ, có khi đề tài là cái hay cái dở của tầng lớp cầm quyền, có khi là những lầm than điêu đứng của quần chúng bị trị v.v. . .

Chọn lấy một khoảng nhỏ để khai thác vẫn là dễ dàng hơn, nhưng bao quát được cái toàn thể lớn lao kia lại là giấc mơ hết sức quyền rũ. Trong số những tác giả bị nó quyến rũ những năm gần đây, có vài người làm nên công trình đáng kể : Nguyễn-Mạnh-Côn với cuốn *Đem tâm tình viết lịch sử*, Doãn-Quốc-Sỹ với *Khu rừng lau*. Mỗi người dùng một văn loại riêng, một thể cách riêng, nhưng đều mong «viết lịch sử» tổng quát của thời kỳ mình đã sống.

Riêng anh Doãn, anh đã huy động vào một bộ truyện của mình vừa lớn vừa bé, vừa chính vừa phụ, có lẽ không dưới trăm nhân vật. Trong đó có từ những thanh niên nam nữ trí thức như Kha, Vân, đến những nông dân nghèo khổ mộc mạc như anh Cầu, chị Trác từ, những bà cụ già như « bà ngoại » đến đàn trẻ bi bô trong gia đình của Đạo, từ một anh Chệch ngồi trông cửa hàng tạp hóa như chú Nin cho đến những anh thầu khoán ăn tiêu bốc giời như ông Hiệp, ông Bích, ông Xương, từ một anh công chức tầm thường ở chỗ quận lỵ như Đăn cho đến một tay cách mạng phiêu bạt tứ xứ như Khóa... Anh đã đưa vào pho truyện bốn chế độ chính trị, ngót hai mươi năm lịch sử. Về khung cảnh, anh đã đưa vào nào là cảnh phố xá Hà-Nội, cảnh núi rừng Việt Bắc, nào là cảnh thôn xóm làng mạc xứ Bắc, cảnh phồn hoa đô hội ở Nam Kinh, nào là cảnh xứ Lào, xứ Thái, nào là cảnh ngục tù đày đọa, cảnh gia đình hạnh phúc đề huề, cảnh pháp trường bên Tàu, cảnh tiệc tùng chơi bời bên ta v.v.. Pho truyện của anh thật bao la bát ngát mênh mông. Anh đề cập đến nhiều mà suy cứu được ít chăng ? anh dàn ra rộng mà đào xới không được sâu chăng ? lướt qua nhiều địa hạt mà anh không được am tường nên anh có vấp vào những lầm lẫn về chuyên môn, kỹ thuật chăng ?— Có lẽ những điều trách cứ ấy đều có chỗ đúng cả. « Ôm nhiều thì siết không chặt », làm sao anh Doãn tránh được hết mọi khuyết điểm khi cái tham vọng mà anh « ôm » to lớn đến thế.

Cái đồ sộ, bề thế, của tác phẩm gây cho tác giả những khó khăn như vậy, thì trái lại nó cũng đền bù xứng đáng. Trong một tác phẩm dài, mỗi nhân vật có đủ thời gian, có nhiều cơ hội để thong thả phát huy dần dần cá tính của mình tương đối đầy đủ hơn ở những tác

phẩm ngắn, do đó nhân vật phức tạp hơn, phong phú hơn, gần với sự thực hơn. (Giả sử pho truyện không đủ dài, sớm kết thúc ở tập trước. độc giả sẽ chỉ biết đến một phương diện tâm lý của anh Chủy đảng viên mà không có dịp biết đến chỗ mềm lòng của anh Chủy tình cảm trong những ngày ở trọ bên cảnh tíu tít của vợ chồng con cái Đạo). Ngoài ra, một tác phẩm dài lại còn cho độc giả cái cảm tưởng khoái thích trước một cố gắng dàn giá, xếp đặt, phối trí để đem lại trật tự, một thứ trật tự đẹp đẽ, cho những chi tiết ngổn-ngang, cho những sự việc bề bộn. Nhìn một cái vòng tròn xinh xắn vẽ đẹp trên trang giấy, người xem không thấy lòng có cái xôn xao như khi đứng dưới một lâu đài đồ sộ, một giáo đường lớn chẳng hạn, ngửa mặt nhìn lên cái trần cao vút và mênh mông hình vòng cung. (Trong một bài tiểu luận về tính cách lớn lao của tác phẩm văn nghệ, hình như André Maurois đã có một ý kiến đại khái như vậy).

***

Trong ngót nghìn trang sủa *Khu rừng lau* nói chung, năm trăm trang của *Người đàn bà bên kia vĩ tuyến* nói riêng, nhân vật của Doãn-Quốc-Sỹ toàn gặp hoàn cảnh lịch sử bất như ý. Họ là những người có lý tưởng, có tâm huyết ; nhưng họ đã trải qua liên tiếp hết thất vọng này đến thất vọng kia. Dân tộc bị ngoại nhân thống trị, áp bức, họ cũng tham gia cuộc cách mạng giải phóng và kháng chiến chống ngoại xâm, rồi họ bị Cộng-sản phỉnh gạt, phản bội, họ về thành, ở đây họ gặp cảnh thối nát... Tuy thế mà họ vẫn không tuyệt vọng : họ vẫn cố gắng trong phạm vi của mình, họ tin ở lý tưởng tự do, họ tin ở truyền thống của dân tộc, họ phát huy những cái hay cái đẹp ấy, kêu gọi nhau hướng về một ngày mai thắng lợi.

Tâm trạng nhân vật của Doãn-Quốc-Sỹ, thái độ của họ, nhận định và hành động của họ trước thời cuộc, khiến ta nghĩ đến rất nhiều kẻ khác, hoặc cũng là nhân vật tiểu thuyết, hoặc là người thực ở ngoài đời, tại miền Nam sau ngày hiệp định Genève. Thanh niên yêu nước, tham gia kháng chiến, thấy rõ chân tướng Cộng-sản, chạy về thành, sốt ruột vì cảnh thối nát... Mẫu người ấy đã thành điển hình của xã hội chúng ta. Cái tận tình mà Nguyễn-Mạnh-Côn đem ra viết lịch sử cũng là tâm tình ấy. Và cũng tâm tình ấy, ý hướng ấy, cảnh ngộ ấy, chúng ta có thể gặp ở các sáng tác nhóm Sáng tạo, ở các biên khảo của nhóm Quan điểm, ở nhiều nơi trong bao nhiêu năm nay (cho đến gần đây, trong vở kịch *Sân khấu* của Dương Thứ Lang vừa xuất bản).

Như vậy có thể nói Doãn-Quốc-Sỹ đã thể hiện trong tác phẩm mình những nhân vật điển hình của thời đại, trình bày cái tâm trạng chung của một thế hệ ?

Chắc chắn có người phản đối, cho rằng đó chỉ là điển hình cho thái độ của một tầng lớp tiểu tư-

sản trí thức chẳng hạn, mà không phải là của tất cả « nhân dân », có người cần nhắn cho rằng cái nhìn tiểu tư sản đã bịa ra sự phản bội, đã xuyên tạc kháng chiến v.v... Nhưng ở đâu có « tiếng nói nhân dân » đích thực ? Ngoài kia cũng chỉ có tầng lớp lãnh đạo nói thay nhân dân, tự ý giải thích lịch sử thay nhân dân. Doãn-Quốc-Sỹ dùng lối giải thích chính thống tại miền Nam, dĩ nhiên cũng chỉ tiêu biểu cho một quan niệm của một tầng lớp. Nhưng tầng lớp ấy đang đóng vai trò chủ yếu, ít ra là trong hoạt động văn hóa tại đây, và quan niệm ấy đóng vai chủ yếu trong cuộc sống tinh thần của miền Nam, trong thế chống chọi với miền Bắc hiện nay. Nó có tính cách tiêu biểu.

***

Nhưng trong bộ truyện của Doãn-Quốc-Sĩ không phải chỉ có thời cuộc, chính trị, cách mạng v.v... Còn có câu chuyện tình dài dằng dặc giữa Kha và Vân và Miên ; còn có những mối tình nho nhỏ khác. Và ái tình trong tác phẩm của anh Doãn có sắc thắc riêng đáng chú ý.

Sau này, sau thế hệ Tự-lực văn-đoàn, các cặp nhân nhân tình trong tiểu thuyết càng ngày càng táo bạo, càng bắt tay vào việc nhanh nhẹn, trắng trợn, càng ghét những lối tỏ tình bóng gió, quanh co, văn hoa, tế nhị. Các tác giả trẻ đua nhau tạo ra những nhân vật ái tình liều lĩnh. Trước kia từ Thúy-Kiều của Nguyễn-Du cho đến Tố-Tâm của Hoàng-Ngọc-Phách, tình nhân chỉ có yêu thôi mà chẳng dám làm gì. Lan và Ngọc của Khái-Hưng, Dũng và Loan của Nhất-Linh cũng vậy. Cô Nhung trong *Lạnh lùng* rốt cuộc rồi phải liều, nhưng sau bao nhiêu là nhiêu khê vất vả ! Không phải là những cô gái cậu trai lúc ấy không biết đến những đòi hỏi của xác thịt ; trái lại, cô Nhung vừa mới bị Nghĩa nhìn một lần thì đêm đến đã mất ngủ, trằn trọc, nửa đêm dậy xối cả chum nước lạnh lên người mới dần nổi, cô Mùi mới nhận được mấy chữ của Siêu đêm nằm đã thấy « hỏa nó bốc ». Thế nhưng hỏa bốc thì mặc hỏa bốc, các tiểu thuyết gia thời trước không chịu nói đến cái lúc ái tình được thỏa mãn mà chỉ chăm khai thác giai đoạn nhớ thương chưa thỏa mãn, dường như theo họ đó mới chính là ái tình, sau hành động quyết định kia là hết, không còn gì đáng nói nữa. Mà quả thực, bao giờ trước đó cũng lắm chuyện, cũng thiết tha, ra rít. Ở pho truyện *Hồng lâu mộng*, ai cũng thấy mối tình của Bảo Ngọc từ đầu, thế mà trong một bản dịch Việt ngữ, quá một nghìn hai trăm trang sách, cậu ta chỉ mới thốt ra có nửa câu tỏ tình, rồi thì kẻ bưng mặt khóc, người chạy trốn ! Rồi đây rắc rối làm sao !

Tình trong truyện của Doãn-Quốc-Sỹ cũng là thứ ái tình thơ mộng, lý tưởng như vậy. Tân chỉ có tắt đuốc bên sông, hôn người yêu một cái rồi vĩnh viễn cách biệt, Kha với Miên sống gần bên nhau, định tâm làm chồng vợ mà mãi

chẳng bao giờ nói cho nhau một lời minh bạch. Kha với Vân yêu nhau mười mấy năm trời, nếu không có hiệp định Genève họ vẫn chưa chịu gần nhau.

Đang quen với những đụng độ ái tình «ác liệt» trong tiểu thuyết gần đây, trở lại không khí ái tình Doãn-Quốc-Sỹ với những tinh vi tế nhị của nó, độc giả bây giờ hẳn có dịp để thấy rằng dù sao trong trong làng minh cũng vẫn chưa dứt hết những mơ màng lãng mạn một thời.

***

Một nhân vật đã phát biểu một ý kiến trong *Người đàn bà bên kia vĩ tuyến* : « Trong văn chương tao tin và yêu những tác phẩm đầu tay. . . càng những tác phẩm về sau . . vẫn những tình cảm cũ. . .» (trang 23).

Lời nói ấy có phần nào đúng đối với Doãn-Quốc-Sỹ. Đọc tác phẩm sau cùng này người ta có cảm tưởng vẫn gặp lại anh Doãn của những tác phẩm trước : vẫn con người tốt bụng ấy, lạc quan ấy, vẫn một niềm tin yêu ấy đối với lịch sử quê hương đất nước, đối với ca dao cổ tích, với đồng quê Việt-Nam, với những tập tục cổ truyền v.v. . Và cũng vẫn do cái lòng tốt ấy mà anh bất lực trong khi nói về cái xấu, anh không mô tả, không trình bày được cặn kẽ, cụ thể những sự việc xấu, con người xấu. Xã hội quốc gia lúc bấy giờ đầy dẫy bần thỉu xấu xa, nhưng đâu là cái xấu ấy ? Tác giả chỉ kêu trời mà không phô diễn nổi, tác giả bất quá chỉ điểm danh nó một cách «đại khái» mà không phơi trần mặt mũi nó ra được rõ ràng. Về cái xã hội xấu xa thuở ấy nếu nhìn vào tác phẩm của anh Doãn, người đọc sẽ chỉ thấy có những trường hợp đùm bọc nhau, thương yêu nhau, chung thủy với nhau. Vì vậy trong khi tác giả đề cập đến một thời kỳ đen tối trong một xã hội mục nát thì độc giả chỉ gặp hạnh phúc, trong sạch, cao thượng, trong khi tác giả tố cáo một xã hội xấu thì độc giả lại gặp phần nhiều những người tốt.

Nhưng nhân vật nọ còn nói : «Cho nên tự rút kinh nghiệm với bất cứ tác giả nào quốc tế hay quốc nội tao cũng chỉ đọc ba bốn tác phẩm đầu, còn thì... lướt lướt ! » (trang 23) Như thế không còn đúng, đối với trường hợp cuốn truyện của anh Doãn. Mặc dù đã biết về anh, về những nhân vật tốt của anh, càng đọc ta vẫn có cái thích thú nhận thấy sự phong phú trong cái xã hội người tốt ấy, cái thích thú biết rằng cái tốt có nhiều sắc thái đến thế.

Kha về làng thăm nhà một chuyến, tất cả bà con họ hàng nội ngoại thương yêu anh, tử tế với anh, mỗi người một vẻ. Chủy ở tù ra, lọt vào một gia đình nghịch thù về chính trị với anh ta nhưng vẫn quyến rũ anh ta vì thái độ ân cần tận tâm, thực tình cởi mở. Bà Đô lấy một đời chồng trước là vì ân nghĩa, vì cảm cái lòng tốt của người mà trao thân, rồi lại quyết định lấy một đời chồng sau cũng

vì không đành lòng chối từ một người tốt nữa : Hai người đàn ông đã quá tốt với bà, mà bà cũng tốt với họ. Rồi bà Đô đối với con trai con gái, rồi con trai con gái đối xử với bà Đô, ai nấy đều đáng khen đáng qui cả. Trong truyện có cái tốt của cô Cam ngay tình, chất phác, có cái tốt của cô Miên phúc hậu, phục tùng, nhu thuận, có cái tốt của cô Vân thiết tha...

Càng đọc Doãn-Quốc-Sỹ càng thấy loài người có muôn vẻ tốt đẹp như vậy « chẳng cũng sướng sao » (bất diệc lạc hồ) ? Sao lại... « lướt, lướt » ? !

***

Về nội dung, pho truyện đã chất chứa rất nhiều sự việc, biến cố tài liệu, về kỹ thuật tác giả chỉ cần sử dụng một lối kể chuyện thật giản dị (ngoại trừ ở những chỗ nói đến cổ tích, đến cảnh quê, đến tình quê, tác giả bỗng dưng trở nên xúc động và cầu kỳ). Tác giả chỉ cần giản dị và mong nói cho hết việc. Nhiều khi sự việc rắc rối quá lắm, từ chuyện này nhảy qua chuyện kia tác giả phải báo với người đọc, rất tự nhiên : «Trở lại chuyện bà Đô và bé Cam ở Nam kinh. . .» (trang 131) Trong không khí thân mật ấy, vừa kể tới một chi tiết khích động, tác giả không cần giữ gìn ý tứ, xen vào : «Vừa may lúc đó Khiết tới. Lạy giời, lạy Phật ! » (trang 134) Rồi lúc nào định tâm «mổ xẻ» tâm lý một nhân vật nào tác giả cũng không cần quanh co gì cả mà thản nhiên tuyên bố thẳng ra tuệch toạc : « Đã đến lúc chúng ta có thể kiểm điểm để hiểu sâu hơn về tính tình Kha » (trang 181) Thật là minh bạch, thẳng thắn. Ít có tác giả nào xử sự với nhân vật mình không úp mở chút gì như vậy.

Sau cùng một cảm tưởng về kỹ thuật tưởng cũng nên nêu ra là pho truyện dài ấy có vẻ chép bằng nhiều truyện ngắn ; theo cái lối kiến trúc này ở những chỗ các viên gạch gắn vào nhau người thợ không có ý dùng một lớp hồ miết láng che giấu khéo léo. Tách rời ra từng đoạn ngắn mà thưởng thức thì những đoạn Chủy trọ tại nhà Đạo, đoạn Kha về quê một đêm, thật tuyệt !

THU THỦY

AI NẤY ĐỀU NHẬN THẤY :

- Người sành đọc không bao giờ chịu thiếu sách THỜI-MỚI.
- Thế mà hiện nay có nhiều cuốn sách THỜI-MỚI không còn tìm đâu ra để mua nữa.

Vậy chỉ có cách :

LUÔN LUÔN SẴN SÀNG CHỜ SÁCH RA MUA NGAY

SINH HOẠT

Đời sống sinh viên Đại học Mĩ

Người đại diện Phòng Thông tin Huê-Kì ân cần giới thiệu diễn giả (1) : người nữ giảng viên ở học viện Quốc gia Hành chánh này là người có chí. Bà đã có gia đình lại có đến năm con, mà đủ can đảm sang Mĩ học trong sáu năm trời (1955-1961), và bà về nước sau khi đã đỗ bằng B.S. về Xã hội học, Cử nhân về Hành chánh, Tiến sĩ về Chánh trị học, bà lại từng tập sự ở văn phòng Thống đốc tiểu bang Michigan và tu nghiệp ở ủy ban Xã hội và Kinh tế tại Liên-Hiệp-Quốc. Sống đời sinh viên tại Mĩ, hẳn bà đủ thẩm quyền để cho ta biết qua đời sống của hạng người này.

Bà Nguyễn-Thị-Huệ xin thính giả lượng thứ trước cho bà, vì là một phụ nữ đã ra đời, đã có chồng con, mà trở lại sống đời học trò... « già » nơi đất lạ, thì đó là một trường hợp đặc biệt, cho nên ý kiến, nhận xét chắc rằng không khỏi có phần chủ quan; bà lại nói theo một dàn bài, nên những đoạn của đời sống sinh viên Đại học Mĩ chắc là sĩ bị chắp nối thiếu nghệ thuật. Rồi bà xin được phép nhắc lại lời Sénèque để thính giả thông cảm cho những người « đủ can đảm » rứt bao bổn phận để làm bạn lại với sách đèn : « Hãy trốn trong sự học, bạn sẽ thoát tất cả sự ghê tởm của đời sống. Sự phiền muộn của ban ngày sẽ không làm bạn thở dài trong đêm vắng, bạn sẽ không là của nợ đối với chính mình và không vô dụng đối với kẻ khác » Rồi bà đưa ta vào đời sống của sinh viên Đại học Mĩ.

Học ra sao và trình bày luận án cách nào, đó là phần đầu cuộc thuyết trình.

Bạn muốn có bằng *Bachelor of Science* (viết và gọi tắt : B. S.), thì

(1) Tại phòng Diễn thuyết, 6 đường Lê-Lợi, Sài-Gòn, lúc 18 giờ 40 ngày 14-10-1964.

phải mất năm năm, còn như bạn muốn có bằng *Bachelor of Arts* (viết và gọi tắt : B. A), thì phải học hai hoặc ba năm, tùy ngành.

Bằng *Bachelor* có thể coi như là chứng chỉ bằng Cử nhân ở ta (tạm so sánh thế cho ta có một ý niệm, chớ những người học ở Pháp và học ở Mĩ chưa đồng ý với nhau về sự tương đương cấp bằng của Pháp và của Mĩ).

Bạn thích học máy móc ư ? Bạn phải tốn bốn hay năm năm để thi tốt nghiệp.

Chương trình học gồm một trăm hai chục điểm, chia ra mỗi năm ba chục điểm, mỗi lục cá nguyệt mười lăm điểm, sinh viên bổn xứ phải học ít ra là năm môn, còn sinh viên ngoại quốc : bốn môn. Nói chung thì sinh viên ngoại quốc học nhiều môn trong niên học, để tiết kiệm thời giờ và tiền bạc, như trường hợp diễn giả học đến bảy, tám môn trong lục cá nguyệt, nhờ có biết ngoại ngữ Pháp.

Sau bằng Bachelor of Science và Bachelor of Arts, đến bằng *Master of Science* và *Master of Arts*. Ta có thể xem bằng Master tương đương với bằng Cử nhân.

Rồi đến bằng *Doctor*, giá trị như bằng Tiến sĩ. Có các bằng Doctor of Philosophy (Ph. P.) Doctor of Education (Ed. D.), Doctor of Medecine (M. P), Doctor of Dentistry (D.D.S.)

Cái đoạn gay go nhất của đời sống sinh viên là đoạn trình bày luận án.

Trước hết, bạn phải nói chuyện với giám khảo trong vòng một giờ để xem có xứng đáng thi về các môn bạn học chăng ; rồi mới chọn đề tài làm luận án, làm đàn bài, rồi trình dự án của luận án ; xong bạn mới lo soạn luận án, giai đoạn chót là binh vực luận án trước ban giám khảo.

Thời hạn tối thiểu để làm luận án là năm năm.

Lúc này là lúc bạn là «khách hàng» siêng năng của Thư viện vốn được tổ chức chu đáo lắm. Ngoài sách đủ mọi môn, còn có báo chí khắp năm châu. Bạn có thể đem đồ để ăn trưa tại đó. Có chỗ nghỉ trưa đàng hoàng. Diễn giả, tới đây, đưa ra một nhận xét : trường Đại-học là nơi đào tạo nhân tài, mà cũng là nơi se tơ kết tóc của một số sinh viên. Ở nước ta trước kia, có một thời mà các cô gái nhà giàu đưa ra điều kiện : phi cao đẳng bất thành phu phụ. Ở Mĩ, các cô nữ sinh viên cũng mong có chồng tốt nghiệp Đại-học, nhất là các vị kĩ sư tương lai thì được các cô trọng vọng, đón mời. Cho nên bạn đừng ngạc nhiên nếu khi vào thư viện dành cho các sinh viên kĩ sư, bạn gặp khá nhiều sinh viên phái nữ ngồi... học.

Nói đến thành phần sinh viên, diễn giả cho biết : đa số là các cô các cậu ở cấp Trung học lên, một ít cựu quân nhân do chánh phủ đài thọ và một ít người lớn đã ra đời, rồi đi học thêm. Ngoài sinh viên được gia-đình nuôi ăn học, còn có một số được học bổng, và một số vừa làm vừa học.

Hạng sau này phần đông làm bồi bàn. Làm một giờ được thù lao ít

nhất là một Mĩ kim, lại được ăn nữa. Bạn nào ở vào hoàn cảnh phải đi làm mới có tiền đi học, thì bạn chẳng lo gì : môn học nào cũng được dạy ba lượt trong tuần, sáng, chiều và tối. Tùy bạn chọn buổi nào bạn khỏi đi làm. Bạn vừa học vừa làm mà còn thiếu tiền để đóng cho trường hoặc không đủ sống, thì trường cho bạn mượn tiền, bạn sẽ trả lần trong năm hoặc sáu năm ; muốn hưởng ân huệ đặc biệt này, bạn phải học khá.

Ở, thì có kí túc xá, hợp tác xã, sống chung đụng với nhau. Những ai thích sống riêng rẽ, thì mướn nhà ở, hoặc thuê phòng nhỏ trong các tư gia.

Một điểm đặc biệt trong đời sống của sinh viên Mĩ là ngoài vấn đề học vấn, sinh viên hoạt động nhiều để giải trí, để phát huy năng khiếu về nghệ thuật. Trước hết, là thể thao mà sinh viên Mĩ rất chuộng. Bạn nào thích nghề báo đã có tờ báo nhà trường. Đến mùa âm nhạc, nhà trường hoặc sinh viên tổ chức những buổi trình diễn các nhạc phẩm cổ, kim. Sinh viên ngoại-quốc thì hàng năm có chợ phiên để họ trưng bày sản phẩm đặc biệt cùng giới thiệu những lối múa, hát của xứ họ. Hằng năm, có cuộc hội họp các cựu sinh viên của trường, làm đời sống của trường Đại học nhộn nhịp hẳn lên.

Đoạn chót, diễn giả phác học đời sống của sinh viên ngoại quốc. Khi ghi tên học, họ có một người cố vấn chỉ cho biết nên theo học chương trình nào hợp với họ hơn và góp ý kiến với họ khi họ có gì thắc mắc trong vấn đề học, có những tổ chức riêng để giúp đỡ họ trong việc ăn, ở, giao thiệp. Nhìn chung thì họ sống rời rạc. Gặp người đồng hương thì mừng rỡ, song vì thì giờ về tài chánh eo hẹp, rốt lại, phần ai nấy lo.

Kết luận, đưa ra vài nhận định, so sánh, bà thấy sinh viên nước ta thiếu những hoạt động ngoài việc học để

SÁCH BÁO MỚI

Bách-Khoa đã nhận được :

—**Sinh Thực Vật Học** của Phạm-Hoàng-Hộ, do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 764 trang, dành cho sinh viên ban Cử-nhân Vạn-vật và năm dự bị trường Nông-Lâm-Súc một công trình biên soạn công phu, giá 140 đ.

—**Siển** tập thơ của Nguyễn-Xuân-Lộc và Nguyễn-Thùy-Anh do tác giả gửi tặng. Sách dày 64 trang, gồm 28 bài thơ của 2 tác giả, không đề giá bán.

— **Truyện Thẩm - Công** diễn-ca của Mai-Lâm Nguyễn-Đắc-Lộc, do Tân-Dân xuất bản và gửi tặng. Sách dày 186 trang, gồm 3064 câu thơ, do Trần-Văn-Ân đề tựa. Giá 80 đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc thân mến.

tránh bớt sự bồng bột của tuổi trẻ, để giải trí lành mạnh, để hiểu nhau hơn. Đó là một điều thiệt thòi lớn mà bà mong bộ Giáo dục lưu tâm. Bà ước mong sao mảnh đất trống ở Đại học Văn khoa sẽ được biến thành một câu lạc bộ, một hồ tắm, một thư viện, một quán ăn cho sinh viên, và do chính sinh viên trông nom.

Trong câu chuyện, bà đã kể những kỉ niệm riêng khi trình bày luận án, khi ở, khi giao thiệp với người Mĩ, lại xen những câu Kiều, câu Chinh phụ, làm buổi nói chuyện thêm phần linh động.

Để chấm dứt, bà có cho chiếu một số phim màu và giải thích để minh họa buổi nói chuyện.

NGUIỄN-NGU-Í

☆

Cảm nghĩ về vài vấn đề y học tại Việt-Nam

Tại sao viện Cao đẳng Phật học lại tổ chức một buổi nói chuyện (1) có tánh cách hoàn toàn khoa học như trên tại chốn chùa chiền? Vì y khoa có mục đích trị bịnh cho cơ thể con người, còn Phật giáo nơi trị bịnh cho tâm hồn con người. Vả lại, khoa học ngày nay cho ta biết rằng có sự liên hệ giữa thân bịnh và tâm bịnh, mà giáo lí đạo Phật dạy người ta có một tâm hồn trong sạch trong một thân thể trong sạch. Hơn nữa, diễn giả chú trọng đến sự đau khổ, thiệt thòi của lớp người nghèo khó, chẳng khác gì những ai theo Ánh Đạo Vàng.

Trên đây là đại ý đoàn mở đầu của Thượng toạ Phó viện trưởng Thích-Minh-Châu. Rồi ông giới thiệu diễn giả :

Ông Erich Wulff, Tiến sĩ y-khoa, là chuyên viên về tâm bịnh học (psychiâtrie) và thần kinh học (neurologie) ông đã tòng học ở nước Đức, nước Pháp; từ 1957 ông là thành phần chuyên viên của khoa thần kinh học và tân bệnh học của Đại học Y khoa tại Freiburg (nước Đức). Ông là giáo sư Đại học Huế từ tháng 9 năm 1961, trong khuôn khổ viện trợ của Đại học Y khoa Freiburg giúp Đại học Y khoa Huế. Ngoài việc giáo huấn, ông còn một nhiệm vụ lớn nữa, tức là xây cất một trung tâm nghiên cứu thần kinh học tại Huế với số tiền trợ cấp của hội Miseres cấp ; hội này gồm các vị Linh-mục người Đức.

Tháng bảy năm 1963, ông bị chính phủ Ngô-Đình-Diệm trục xuất khỏi Việt Nam (nhân vụ Phật-giáo bị đàn áp).

Ngày 10-4-94, ông lại trở lại Việt-Nam và hiện làm giáo sư tại Huế.

∴

(1) Tại giảng đường của viện, lúc 20 giờ ngày 22-10-1964.

Diễn giả nói ngay là những ý kiến sắp trình bày hoàn toàn là những ý kiến của riêng cá nhân ông, chớ không phải là ý kiến của ban giáo sư Đại học Y khoa Huế, mà cũng không phải là của các giáo sư Y khoa Đức hiện dạy ở Huế.

Mối tương quan giữa y sĩ và bệnh nhân là căn bản cho mọi hoạt động về y tế : người y sĩ có bổn phận tìm hiểu và biết cách chữa bịnh cho người đau, thì người này cũng có bổn phận gột bỏ những thành kiến, hiểu biết tối thiểu về vệ sinh. . . . để giúp lại người y sĩ trong việc hồi phục sức khoẻ cho mình. Mối tương quan này nó cần cho cả hai bên.

Mục đích chính trong công cuộc giáo dục Y tá có ba :

1.— Đào tạo cán sự Y tế (Bác sĩ và Y tế) cho đông đảo và đủ tài năng.

2.— Gợi cho dân chúng hiểu biết về các vấn đề Y tế (như những phép sơ đẳng về vệ sinh, sự săn sóc cần thiết khi có bịnh, v.v. . .)

3.— Huấn luyện đạo đức để đặt bệnh nhân và nhân viên Y tế trước trách nhiệm chung cho cả đôi bên.

Phần thuyết trình của ông tiếp đó có ba mục :

Tình trạng hiện thời của nền Y tế công cộng tại Việt-Nam, sự giáo dục Y tế hiện thời, và *thảo luận về mấy giải pháp có thể thực hiện ngay.*

Nói về mục thứ nhứt, diễn giả nhận xét rằng đối với một người ngoại quốc mới để chân tới nước Việt, thì cảm tưởng đầu tiên về tình trạng nền Y tế ở đây thật là khá lộn xộn. Ngay ở Thủ đô, anh ta gặp vài bịnh viện mà cách tổ chức và tiện nghi không thua gì mà có phần hơn nước mình nữa ; rồi xuống tỉnh xuống quận, thì lại khác hẳn: có nơi thiếu cả sự điều dưỡng sơ đẳng.

Người ngoại quốc gặp một cảnh thật là bi đát : bịnh viện, bịnh xá thiếu thuốc men cần thiết, và một y tá lo săn sóc cho năm chục người bịnh, thay vì săn sóc cho bốn người, như ở các nước Âu, Mĩ, hay quá lắm, là cho năm người. Anh ta lại gặp một trường hợp bối rối cho cả hai : y tá không tìm được thuốc, mặc dầu thuốc ấy nhà thương có săn. Lại thường gặp những « bác sĩ nửa mùa » ; đó là những y tá ra trường mà vì công quĩ thiếu, họ không được bổ dụng, nên phải kiếm cách sinh sống. Anh ta còn thấy những vị y sĩ dành một ít thì giờ cho bịnh viện còn thì lo cho thân chủ phòng mạch tư của mình nhiều hơn. Điều này cũng dễ hiểu và rất là « con người » : lương thì ít, bịnh thí quá nhiều, bị sự thúc bách của gia đình, của xã hội, nếu không muốn mất thể diện thì người y sĩ đành xem nặng việc tư hơn việc công. Kết quả là người bịnh nằm nhà thương chỉ thoáng thấy bác sĩ nên họ thường đến các ông « bác sĩ nửa mùa » hoặc các ông đông y sĩ vì ít nhất các « vị » này săn sàng nghe họ kể lể bịnh tình !

Ở các nhà thương tỉnh, hàng trăm bịnh nhân bao vây lấy một bác sĩ là cảnh thường thấy. Nên phải giao cho các y tá khám bịnh và cho thuốc giúp. Hiểu biết thì không nhiều mà đảm nhận trách nhiệm nặng, nên các y tá không thể giúp bác sĩ đắc lực, mà

thường thì ngược lại là khác, tỉ như cho bịnh nhân dùng thuốc trụ sinh một cách bừa bãi.

Có những làng không hề thấy bóng một bác sĩ. Ấp chiến lược có một y tá đấy, nhưng khổ nỗi nhân viên y tế này chỉ được đào tạo trong vòng ba hay bốn tuần lễ. Có lần diễn giả thử hỏi một y tá loại này cách dùng các thứ thuốc hiện có trong y xá nhỏ của y, thì thật là thảm hại. Nỗi khổ tâm chung cho những ai tha thiết đến vấn đề y tế hương thôn, là được thấy rõ một bác sĩ hay một y tá được « đặt » ra, chỉ để tượng trưng mà thôi.

Tuy thế, người ngoại quốc cũng gặp vài trường hợp vui hơn. Tỉ như ở một tỉnh nọ, có một vị bác sĩ làm việc cả ngày lẫn đêm, có khi quên cả gia đình, và tìm được cả trăm nam, nữ thanh niên thất nghiệp giúp việc cho mình với cơm ăn và trăm bạc thù lao ; nhờ thế mà công việc nhà thương tỉnh ấy chạy đều.

Tìm nguyên nhân tình trạng này, ta thấy do số các bác sĩ quá ít.

Theo thống kê của Nghiệp đoàn y sĩ thì nước Việt tự do có từ 560 đến 600 bác sĩ cho 14 triệu dân. Tính đổ đồng ra, thì 1 bác sĩ săn sóc cho 23.000 người dân. Thật là kém xa với Âu-Châu, như nước Đức, thì 600 người dân có 1 bác sĩ. Cả với Á-Châu, nước Việt còn thua Thái-Lan và Đài-Loan : một bác sĩ cho 4.500 người.

Đó là nói về thường dân, còn quân đội, thì có 200 bác sĩ quân y, tức là được 1 bác sĩ cho 1.500 lính. Tỉ lệ này gần bằng tỉ lệ các nước mở mang kha khá.

Thủ đô Sài-Gòn có 200 bác sĩ, 1 bác sĩ cho 10.000 người. Đối với một kinh đô, con số này không mấy khả quan. Và nếu ta chỉ tính số bác sĩ ở tỉnh không, thì ta thấy rằng 100.000 người dân quê cho 1 bác sĩ. Với con số chênh lệch như thế này, ta ta còn có thể làm gì được ? Đành phải hạn chế sự săn sóc người đau... Con số vừa nên làm cho ta phải đặt vấn đề y-tế ở hương-thôn nặng hơn ở đô-thị.

Rồi diễn giả nhận xét về công cuộc *Giáo-dục Y-tế hiện thời*. Về việc đào tạo y-tá, khả năng của công quĩ không thích ứng với số học viên y-tá, do đó mà số học viên tốt nghiệp chịu cảnh thất nghiệp trở thành hạng « bác-sĩ giả hiệu » giúp ích đồng bào ít hơn là làm hại họ. Một điều đáng lưu ý là cái hố sâu giữa tình trạng nơi học tập với điều kiện làm việc thực sự. Chính diễn giả đã từng thấy sự lạc lõng đáng thương của những cán bộ y tế ở Huế : học nghề ở một ngôi trường đẹp đẽ, đầy đủ tiện nghi, bấm một cái nút là một cái giường xếp sẵn có thể mở ra, thế mà khi ra làm việc, lại thay vải trải giường, tắm bệnh nhân cho bệnh uống thuốc thay vì làm những cuộc phân tích hóa học tỉ mỉ như khi học. Học thì để phụ tá cho bác sĩ, nên chi họ không muốn chạm đến bệnh nhân, khi bệnh nhân tiểu tiện trên giường ; cho rằng như thế mất nhân phẩm, không ngờ rằng đó là chứng tỏ mình thiếu lòng

thương. Diễn giả lại có lần thấy một y tá trưởng, nhân lúc bác sĩ bịnh viện vắng mặt đôi giờ, bèn mang ống nghe và trịnh trọng đi khám bịnh như thể mình là bác sĩ, và theo sau là một đám « học trò ». Một người công chức đau ? Y tá tận tâm săn sóc, nhưng khi bịnh nhân là người dân quê, thì lại tỏ vẻ thờ ơ. Người y tá lại quá nể nang người y sĩ. Như có một trường hợp một người bịnh hấp hối, mà y tá chẳng dám đi gọi y sĩ dầu vị này đang nghỉ trưa hay đang chơi ở câu lạc bộ thể thao.

Nêu ra những khuyết điểm trên đây, diễn giả không có ý chỉ trích cá nhân các y tá, vì ông cho thái độ ấy, phải chăng là do hoàn cảnh xã hội và lối giáo dục nhà trường tạo nên ?

Sang phần đào tạo bác sĩ, diễn giả nói đến sự thiếu xót của nền Trung học của ta, nhất là ở Huế (Sài-Gòn thì tương đối khá hơn). Thành ra sinh viên theo năm dự bị Y khoa một cách khó khăn trông thấy. Nhưng trở ngại đáng quan tâm thuộc về mặt tâm lí : trò «nuốt» quá dễ dãi những điều thầy nói, không cần biết đó là cái gì, không cần tự hỏi lại đúng hay sai. Ông có cảm tưởng rằng sinh viên Việt tự ngăn mình đừng có suy tư, mà chỉ có chấp nhận tất cả. Phải chăng họ cho là nếu mình có ý kiến gì không giống với giáo sư là điều tối kị ? Ông đã cố ý mở những cuộc hội thảo, và cố tình đặt những câu hỏi khác với khi dạy, để sinh viên khỏi phải «trả bài học thuộc lòng», nhưng kết quả không mấy. Họ có mặc cảm rõ ràng. Đành rằng khó mà khiến họ mạnh dạn tranh luận trước công chúng, ở đâu cũng thế, nhưng ở nước Việt ta, mặc cảm này lại sâu đậm hơn. Thiếu óc phê bình và mặc cảm trước đám đông là hai điều khiếm khuyết lớn của sinh viên ta.

Đến đây, vì thấy hơi khuya, diễn giả xin không nói đến vai trò của các đoàn thể tôn giáo trong việc đào tạo cán bộ y tế cho nông thôn, mà góp ý về việc tìm giải pháp cho tình trạng thiếu nhân viên y tế. Ông làm một bài tính nhỏ : mỗi năm trung bình trường Đại-học Y-khoa Sài-Gòn « sản xuất » từ 80 đến 90 bác sĩ, trường ở Huế (ba năm sau) : độ 30 bác sĩ. Trừ một số bác sĩ chết, già quá, thì trong mười năm sắp tới, số bác sĩ tăng độ 3% mỗi năm và đến năm 1975, ta có 1500 bác sĩ, trong khi đó dân số tăng trung bình độ 2% mỗi năm, thì năm 1975, ta có gần 18 triệu dân, như thế chừng đó ta sẽ có 1 bác sĩ cho 12.000 người dân, và hai chục năm sau, ta mới có 1 bác sĩ cho 10.000 người bân, tỉ lệ này cũng chưa khả quan cho lắm, song ta lại tin rằng mực sống ở Thủ đô chừng ấy sẽ tăng lên, số bác sĩ cũng thế, thì bịnh nhân ở thôn quê sẽ có thêm bác sĩ để săn sóc hơn là bây giờ.

Điều quan trọng, là ta phải nghĩ đến cách cải tổ nền giáo dục Y khoa hiện nay, nếu ta quyết cải thiện ngành Y tế hương thôn để cho dân quê được sống dễ thở hơn, về mặt sức khỏe.

Rồi ông đưa ra bốn giải pháp :

1.— Cấp học bổng có điều kiện cho sinh viên Y khoa và cán sự Y tế thực tập tại thôn xã trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

2.— Đào tạo một số « *Cử nhân Y khoa* ». Sinh viên học ba hay bốn năm, buộc về phục vụ ở nông thôn. Có thể nhận sinh viên chưa có bằng Tú tài. Giải pháp sau này, Cam-Bốt đã dùng. Sau thời gian phục vụ, nếu muốn, sinh viên có thể tiếp tục học để trình luận án. Các nước chậm tiến như Nga, Tàu cũng đã dùng biện pháp này. Kết quả tốt đẹp. Nhưng nó có tánh cách tạm thời, ta chỉ dùng trong vòng 15, 20 năm thôi.

3.— Buộc các bác sĩ tốt nghiệp các trường Y khoa về thôn quê thực tập.

4.— Quốc hữu hóa hoàn toàn địa hạt Y tế bằng cách cấm tiệt thân chủ riêng.

Đến đây, diễn giả mỉm cười, cho rằng giải pháp sau cùng này là khó thực hiện hơn cả. Chưa chắc gì giới bác sĩ ưng thuận, nhất là khi ta ở trên đất tự do. Bằng như ở các nước Cộng-sản, thì có thể được : vị nào phản kháng, thì chỉ cho vào trại cải tạo tư tưởng là xong !

NGUIỄN-NGU-Í thuật

∴

Rượu lạt uống lắm cũng say,
Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm.

Tục ngữ Việt

Bức hình bên chúng tôi nhận được muộn sau khi bài Lá thư Hambourg *của* Mộng-Trung *đã in xong. Chúng tôi xin in tấm hình này ở phần Sinh hoạt để bạn thưởng lãm nét mặt và điệu bộ của Phùng-Há và Kim-Cương (Lữ Bố và Điêu Thuyền) trong màn Phụng - Nghi - Đình tại Hambourg.*

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ẤM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có

NƯỚC-NGỌT "GON-CỌP"

Chai HÕA TIỀN!

Quản-nhiệm :
HUỲNH-VĂN-LANG
Chủ-nhiệm :
Tòa Soạn
160, Phan-Đình-Phùng — SAIGON
Dây nói : 25.839

In tại VĂN-HÓA AN-QUÁN
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$
Công sở : 15$